

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC: CHÍNH QUY

Đắk Lắk, năm 2023

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC: CHÍNH QUY

Đắk Lắk, năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Chương trình đào tạo nghề
Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ- BGDĐT ngày 13/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về quy định, quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Tờ trình ngày 30/03/2023 của Hội đồng thẩm định về việc đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo giảng dạy nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng”.

(Kèm theo Chương trình đào tạo nghề Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng)

Điều 2: Chương trình có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy và sinh viên học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng chính quy của Nhà trường từ năm học 2023-2024.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng Phòng đào tạo Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng (Phó) các Khoa/Phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (đ/b);
- Như điều 3;
- Lưu VT - ĐT



**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG
PHỤ TRÁCH**



Trần Thị Nhật Sương

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo ngành Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng trình độ cao đẳng hệ chính quy của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014
- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ Quy định tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe.
- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/04/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung các nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
- Nghị quyết số 50/NQ-CP chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 52 /NQ – CP ngày 27/9/2019 Của bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- Đề án “ Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 -2025
- Thông tư 03/2017/TT – LĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thông tư 24/2018/TT–BLĐTBXH, ngày 6/12/2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thông tư 10/2018/ TT–BLĐTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Quốc phòng và An ninh đào tạo trình độ cao đẳng thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.
- Thông tư 03/2019/TT–BLĐTBXH, ngày 17/1/2019 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học tiếng anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Thông tư số: 26/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo.

- Thông tư số 15//TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

- Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng cho 98 ngành, nghề.

- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc Quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-dun tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

- Kế hoạch số 570/KH-CDYT ngày 17 tháng 11 năm 2022 về biên soạn chương trình đào tạo theo tín chỉ mã ngành nghề Kỹ thuật Phục hồi chức năng của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

- Quyết định số 15/QĐ-CDYT ngày 10/01 năm 2023 V/v Thành lập Ban Chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo theo Mô đun - Tín chỉ mã ngành nghề Kỹ thuật Phục hồi chức năng hệ chính quy

Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ ngành Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng trình độ cao đẳng đã tham khảo nhiều chương trình đào tạo Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng trình độ đại học, cao đẳng trong toàn quốc cũng như chương trình đào tạo các ngành điều dưỡng, dược đang áp dụng tại trường và các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý để hoàn thành chương trình này.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm quyết định số: 148 /QĐ-CDYT ngày 30/3/2023 của Hiệu trưởng trường
Cao đẳng Y tế Đắk Lắk)*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành nghề	: Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng
Mã ngành nghề	: 6720603
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 3 năm
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành phục hồi chức năng, phòng ngừa khuyết tật, giáo dục sức khỏe; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành hợp tác với đồng nghiệp; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật làm nền tảng cho việc thực hành chuyên ngành phục hồi chức năng.

- Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải thích các nguyên lý của kỹ thuật phục hồi chức năng, và thiết lập mục tiêu, ra quyết định can thiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, lượng giá, lập kế hoạch can thiệp và thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh tại viện dựa trên các chứng cứ khoa học.

- Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành
Phục hồi chức năng

- Tham gia tổ chức, thực hiện và giám sát các hoạt động trong khoa/phòng phục hồi chức năng.

- Tham gia và phối hợp với các bên liên quan trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Truyền thông phòng ngừa khuyết tật, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khuyết tật và cộng đồng.

- Tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực cá nhân để thích ứng với yêu cầu thực tế của công việc cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ việc hành nghề theo pháp luật, chính sách của nhà nước trong công tác phục hồi chức năng.

- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người bệnh, của cộng đồng về các nhu cầu phục hồi chức năng.

- Lắng nghe, tương trợ, khuyến khích và hỗ trợ đồng nghiệp và các bên liên quan trong thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp được, người học được cấp bằng danh hiệu “Cử nhân thực hành kỹ thuật phục hồi chức năng”, sinh viên có khả năng làm việc tại các cơ quan/đơn vị sau:

- Chăm sóc và điều trị phục hồi cho người bệnh tại các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập; các cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi và các trung tâm điều dưỡng.

- Nhân viên tư vấn chuyên môn cho các công ty kinh doanh dụng cụ, thiết bị Phục hồi chức năng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 34

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 95 tín chỉ / 2.521 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 19 tín chỉ/ 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 76 tín chỉ/ 2086 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 757 giờ

- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.680 giờ

- Khối lượng kiểm tra: 84 giờ

- Tự học 2354 giờ

3. Nội dung chương trình

STT	Mã MH, MĐ	Tên môn học	Số tín chi	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			Giờ tự học
					Trong đó			
					Lý Thuyết	Thực hành, Thực tập, TN	Kiểm Tra	
	I	Các môn học chung	19	435	157	255	23	441.5
1	MH1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	96.5
2	MH2	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	35.5
3	MH3	Pháp luật	1.5	30	18	10	2	41
4	MH4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4	89.5
5	MH5	Tin học	3	75	15	58	2	59
6	MH6	Tiếng Anh	5.5	120	42	72	6	120
	II	Các môn học chuyên ngành	76	2086	600	1425	61	1912.5
	II.1	Các môn học cơ sở	27	563	315	225	23	742.5
7	MĐ1	Quản lý - Tổ chức Y tế	2	32	30	0	2	60
8	MĐ2	Hóa sinh	2	32	30	0	2	60
9	MĐ3	Giải phẫu - Sinh lý	4	78	45	30	3	105
10	MĐ4	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	32	30	0	2	60
11	MĐ5	Dược lý - Sinh lý bệnh miễn dịch	3	47	45	0	2	90
12	MĐ6	Dinh dưỡng - VSATTP -Dịch tễ - SK VSMT	2	32	30	0	2	60
13	MĐ7	Bệnh học nội và nhi	2	32	30	0	2	60

STT	Mã MH,MD	Tên môn học	Số tín	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			Giờ tự học
14	MD8	Bệnh học ngoại và sản	2	32	30	0	2	60
15	MD9	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	3	62	30	30	2	75
16	MD10	TTBV Điều dưỡng cơ bản - CCBD	3	137	0	135	2	67.5
17	MD11	Nghiên cứu khoa học	2	47	15	30	2	45
	II.2.	Các môn học chuyên ngành	49	1523	285	1200	38	1170
18	MD12	Giải phẫu chức năng hệ thần kinh và vận động	2	47	15	30	2	45
19	MD13	Sinh cơ học	2	47	15	30	2	45
20	MD14	Lượng giá chức năng	3	62	30	30	2	75
21	MD15	Vận động trị liệu	3	62	30	30	2	75
22	MD16	Ngôn ngữ trị liệu	2	32	30	0	2	60
23	MD17	Hoạt động trị liệu	2	47	15	30	2	45
24	MD18	Các PP điều trị bằng tác nhân vật lý	2	32	30	0	2	60
25	MD19	Thực tập Bệnh viện 1	3	137	0	135	2	67.5
26	MD20	PHCN các bệnh lý Cơ xương khớp và cột sống	3	62	30	30	2	75
27	MD21	PHCN các bệnh lý Hệ thần kinh	2	47	15	30	2	45
28	MD22	PHCN các bệnh lý Nội khoa	2	47	15	30	2	45
29	MD23	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	32	30	0	2	60
	II.3.	Các môn học, mô đun tự chọn	2	94	30	60	4	90

STT	Mã MH,MD	Tên môn học	Số tín	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			Giờ tự học
30	MD24	PHCN các bệnh lý Ngoại khoa	2	47	15	30	2	45
31	MD25	PHCN các bệnh lý Nhi khoa	2	47	15	30	2	45
III.4. Thực tập, thực tế tốt nghiệp			17	775	0	765	10	382.5
32	MD26	Thực tập Bệnh viện 2	6	273	0	270	3	135
33	MD27	Thực tập Bệnh viện 3	6	273	0	270	3	135
34	MD28	Thực tập tốt nghiệp	5	229	0	225	4	112.5
TỔNG CỘNG			95	2521	757	1680	84	2354

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

Thực hiện chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun, tín chỉ trong từng kỳ học theo quy định của nhà trường, tổng số kỳ thực hiện: 6 học kỳ

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun theo Điều 12, Thông tư số: 04/2022/TT – BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022;

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

4.4.1. Điều kiện xét tốt nghiệp

Người học phải học hết chương trình đào tạo của ngành Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo qui định trong chương trình đào tạo.

Đồng thời thoả mãn các điều kiện tốt nghiệp theo thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022;

- Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;
- + Xác nhận hoàn thành học phần Thực tế tốt nghiệp trong chương trình đào tạo.
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4.4.2. Xếp loại tốt nghiệp

- Xếp loại tốt nghiệp được xác định căn cứ điểm trung bình chung tích lũy của toàn hoá theo thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022.
- Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ;
 - + Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình đào tạo;
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.
- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng

tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

4.5.1. Xếp lịch dạy học

- Phòng Đào tạo cần phân định rõ các mô-đun/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc để có thể bố trí dạy các mô-đun này vào thời điểm nào trong quá trình đào tạo cho phù hợp theo trình tự logic trước – sau.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, công bố cho sinh viên biết từ đầu khoá học cách tổ chức lớp học:

+ Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ; hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo mô-đun được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang học những môn học, mô-đun khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học.

+ Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ.

+ Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

4.5.2. Tổ chức lớp học

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

4.5.3. Đăng ký khối lượng học tập

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường.
- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với học kỳ phụ.
- Khối lượng đăng ký học tập của người học theo từng học kỳ được ghi vào phiếu đăng ký học do nhà trường lưu giữ.

4.5.4. Phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành/thực tập tại trường

- Sử dụng phương pháp dạy/học tích cực, phù hợp mục tiêu dạy/học.
- Hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ.
- Tăng cường đầu sách giáo khoa, sách tham khảo tại thư viện để cho sinh viên có điều kiện tự nghiên cứu tài liệu và hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu dạy học và tài liệu lượng giá..
- Thực tập kết hợp trường - viện chặt chẽ.
- Tổ chức triển khai và giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ việc thực hiện kế hoạch dạy/học.

4.5.5. Thực tập tại bệnh viện, Trung Tâm Y Tế

Sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại Bệnh Viện, Trung Tâm Y Tế.

4.5.6. Thông báo cho sinh viên biết trước thông tin liên quan đến dạy – học:

Ngay đầu khóa học, trong tuần lễ sinh hoạt công dân, phải công bố cho sinh viên biết: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ:

- Danh sách giảng viên giảng lý thuyết, thực hành tại trường và tại cơ quan thực tập;
- Các học phần bắt buộc;
- Các học phần phụ thuộc/độc lập;
- + Đề cương môn học
- + Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập;

4.5.7. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra 1. Áp dụng hiệu quả kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành trong lập kế hoạch chăm sóc điều trị bệnh nhân bằng PHCN

Chuẩn đầu ra 2. Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể; đánh giá được những khiếm khuyết có thể xảy ra trên bệnh nhân;

Chuẩn đầu ra 3. Thực hành thành thạo các kỹ thuật PHCN, sơ cấp cứu ban đầu để thực hiện y lệnh điều trị bệnh nhân đúng quy trình;

Chuẩn đầu ra 4. Thực hành thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Chuẩn đầu ra 5. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng

Chuẩn đầu ra 6. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Chuẩn đầu ra 7. Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn; phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp,

Chuẩn đầu ra 8. Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.

• **Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:**

Mục tiêu (M)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo							
	1	2	3	4	5	6	7	8
M 1	x	x			x	x		
M 2	x	x	x					
M 3	x	x	x	x				
M 4			x	x	x			
M 5		x	x		x		x	x
M 6	x	x	x	x		x	x	x
M 7	x	x	x	x		x	x	x
M 8			x	x		x	x	x
M 9	x	x		x			x	x
M 10	x			x			x	x
M11	x			x			x	x

4.5.8 Bậc học tiếp theo:

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Chương trình đào tạo được thực hiện theo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung. Tuy nhiên, chương trình cũng có thể lựa chọn một số môn học, mô-đun để đào tạo cho các lớp không tập trung, đào tạo ngắn hạn.

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Nhất Sương

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học, mô đun: MH1

Thời gian thực hiện môn học, mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thảo luận: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ; Tự học: 97 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học, mô đun

- Vị trí: Môn học, mô đun Giáo dục chính trị là mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học, mô đun chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình mô đun bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học, mô đun.

Sau khi học xong môn học, mô đun, người học đạt được:

- Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học, mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2			
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4		

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4		
4	Kiểm tra	2				2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2		
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2		
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5		
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3		
9	Kiểm tra	2				2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4		
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3		
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2		
13	Kiểm tra	1				1
	Tổng cộng	75	41	29		05

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun

2.2. Mục tiêu của môn học, mô đun

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun

Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin

Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- 2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- 2.1.2. Do nhân dân làm chủ
- 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
 - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người Việt Nam Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m², có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Kế hoạch dạy học, Giáo trình Giáo dục chính trị và các tài liệu tham khảo liên quan.

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Tốt nghiệp các ngành Lý luận chính trị; trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản nhất về thế giới quan và phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin;

+ Trình bày nguồn gốc, nội dung cơ bản và ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ (nhất là đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay).

- Về kỹ năng:

+ Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

+ Kỹ năng tư duy logic, khoa học.

+ Kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

+ Các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

+ Kỹ năng lập luận, thuyết trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.
- + Ý thức thực hiện tốt và tuyên truyền “Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.
- + Ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- + Bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin của học sinh.
- + Niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 06 cột điểm (03 thường xuyên, 03 định kỳ)

- Điểm thi kết thúc môn học/mô-đun

+ Hình thức: Thi tự luận.

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Điểm môn học, mô-đun tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học, mô đun: Cho sinh viên năm thứ nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, giảng giải, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp dạy học hiện đại.

- Đối với người học:

+ Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

+ Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giáo viên;

+ Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận, đối thoại dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.

- Những nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- Đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
 - Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
 - Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Các tài liệu liên quan khác./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Thực hiện tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học, mô đun: MH2

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ; tự học 36 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học, mô đun:

- Môn học Giáo dục thể chất là môn học, mô đun điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.
- Chương trình môn học, mô đun bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học, mô đun:

Sau khi học xong môn học, mô đun này, người học đạt được:

- Kiến thức: Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung
- Kỹ năng: Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học, mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
I	Bài mở đầu	1	1			
II	Chương I: Giáo dục thể chất chung					
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1		12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1		13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2				2
III	Chương II: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn (chọn 1	30	2		26	

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	trong các chuyên đề sau)					
1	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2		26	2
	Tổng cộng	60	5		51	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian :1 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun.

2. Nội dung bài học:

2.1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun

2.2. Mục tiêu của môn học, mô đun

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: Giáo dục thể chất chung

Bài 1: Thể dục cơ bản

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học

2. Nội dung bài học:

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

Thời gian 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa.

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung bài học:
 - 2.1. Chạy cự ly ngắn
 - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
 - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
 - 2.2. Chạy cự ly trung bình
 - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Kiểm tra giáo dục thể chất chung

Chương II: Chuyên đề giáo dục thể chất tự chọn

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung bài học:

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
 - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
 - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
 - 2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng
 - 2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Kiểm tra bóng chuyền

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Sân điền kinh, sân Bóng chuyền, sân đá cầu.
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Hồ sơ lên lớp của giáo viên: (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay giáo viên), Bóng chuyền, đồng hồ bấm giây, còi thể thao
3. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Cử nhân giáo dục thể chất, trình độ đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Đây là học phần được xem như chỉ có thực hành

1. Nội dung:

- Thực hiện bài thể dục liên hoàn
- Chạy 100m
- Thực hiện kỹ thuật chuyên bóng cao tay bằng 2 tay trước mặt, kỹ thuật đệm bóng thấp tay bằng 2 tay
- Thực hiện kỹ thuật phát bóng

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT) là các bài thực hành.

+ Số lượng: 05 cột điểm (02 cột thường xuyên, 03 cột định kỳ)

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi thực hành.

+ Thời gian: từ 45 - 60 phút.

- Điểm MH/MĐ tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học, mô đun: Cho sinh viên năm nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn, làm mẫu, thị phạm động tác...

- Đối với người học: Quan sát, chú ý nhìn, nghe và làm theo, tự giác tập luyện

3. Những tâm lý cần chú ý:

- Thể dục là môn học phụ

- Cách giảng dạy môn thể dục không tạo được hứng thú cho học sinh.

- Thể dục là môn học dễ bị điểm kém và dễ phải học lại nhất.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
 - Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
 - Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
 - Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
 - Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
 - Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
 - Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
 - Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Thực hiện tại Điều 10 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: PHÁP LUẬT

Mã môn học, mô đun: MH3

Thời gian môn học, mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; thảo luận: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ; tự học: 41 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học, mô đun:

- Môn học Pháp luật là môn học, mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Chương trình môn học, mô đun bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học, mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;

+ Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng: Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

III. Nội dung môn học, mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

III. Nội dung môn học, mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

SốTT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lýthuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật. 2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	1	1	

	<p>2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật</p> <p>2.2.1.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.1.2. Chế định pháp luật</p> <p>2.2.1.3. Ngành luật</p> <p>2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay</p>				
2	<p>Bài 2: Hiến pháp</p> <p>2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>2.1.1. Khái niệm hiến pháp</p> <p>2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013</p> <p>2.2.1. Chế độ chính trị</p> <p>2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo</p>		1	1	

	<p>đục, khoa học, công nghệ và môi trường</p>			
3	<p>Bài 3: Pháp luật dân sự</p> <p>2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự</p> <p>2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự</p> <p>2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự</p> <p>2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản</p> <p>2.3.2. Hợp đồng</p>	5	3	2
4	<p>Bài 4: Pháp luật lao động</p> <p>2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động</p> <p>2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động</p> <p>2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động</p> <p>2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động</p> <p>2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động</p> <p>2.3.3. Hợp đồng lao động</p> <p>2.3.4. Tiền lương</p> <p>2.3.5. Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi</p> <p>2.3.7. Kỷ luật lao động</p> <p>2.3.8. Tranh chấp lao động</p>	7	5	2

	2.3.9. Công đoàn				
5	<p>Bài 5: Pháp luật hành chính</p> <p>2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính</p> <p>2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính</p> <p>2.2.1. Vi phạm hành chính</p> <p>2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính</p>	4	3	1	
6	<p>Bài 6: Pháp luật hình sự</p> <p>2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự</p> <p>2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự</p> <p>2.2.1. Tội phạm</p> <p>2.2.2. Hình phạt</p>	5	3	2	
7	<p>Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng</p> <p>2.1. Khái niệm tham nhũng</p> <p>2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng</p> <p>2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p> <p>2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng</p> <p>2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng</p>	2	1	1	
8	<p>Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p>	1	1	0	

	2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng				
9	Kiểm tra	2			2
Tổng cộng	30	18	10		2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 : Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 2

giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung bài học:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thời gian: 1 giờ

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

Thời gian: 1 giờ

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: Hiến Pháp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung bài học:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Thời gian: 1 giờ

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

Thời gian: 1 giờ

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật dân sự

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

Thời gian: 1 giờ

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

Thời gian: 1 giờ

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

Thời gian: 1 giờ

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

Thời gian: 1 giờ

2.3.2. Hợp đồng

Thời gian: 1 giờ

Bài 4: Pháp luật lao động

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

Thời gian: 1.5 giờ

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

Thời gian: 1 giờ

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

Thời gian: 4.5 giờ

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5: Pháp luật hành chính

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

Thời gian: 1 giờ

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

Thời gian: 3 giờ

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: Pháp luật hình sự

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

Thời gian: 1.5 giờ

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

Thời gian: 3.5 giờ

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm tham nhũng

Thời gian: 0.25 giờ

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

Thời gian: 0.5 giờ

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 0.5 giờ

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 0.5 giờ

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 0.25 giờ

Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu

Thời gian: 0.5 giờ

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 0.5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m², có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Tốt nghiệp các ngành Luật trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

+ Trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật

+ Trình bày được đầy đủ kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học, mô đun

+ Chuyên cần, say mê môn học, mô đun

+ Thái độ tuân thủ pháp luật trong thực tiễn

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 03 cột điểm (01 thường xuyên, 02 định kỳ)

- Điểm thi kết thúc môn học/ mô đun
- + Hình thức: Thi tự luận.
- + Thời gian: từ 60 - 90 phút.
- Điểm môn học/mô đun tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun

1. Phạm vi áp dụng của môn học, mô đun: cho sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun:

- Đối với giảng viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Đọc trước giáo trình, bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nội dung của Luật Hiến pháp là quan trọng nên khi giảng dạy các bài khác cần trích dẫn và làm rõ vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Bộ Luật lao động, 2012.
- Bộ Luật dân sự, 2015.
- Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
- Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
- Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
- Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
- Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

-. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

VII. Miễn trừ bảo lưu kết quả học tập

- Thực hiện tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG- AN NINH

Mã môn học, mô đun: **MH4**

Thời gian thực hiện: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập:

35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ; tự học 90 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học, mô đun:

- **Môn học, mô đun** Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học, mô đun điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học, mô đun chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

- Chương trình môn học, mô đun bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học, mô đun:

Sau khi học xong môn học, mô đun, người học đạt được:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

+ Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

+ Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

+ Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

+ Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

+ Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

+ Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học, mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra (LT hoặc TH)
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2			
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1		
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1		

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra (LT hoặc TH)
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1		
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1		
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1		
7	Kiểm tra	1				1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2		
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2		
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2		
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2		
12	Kiểm tra	1				1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1		3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5		14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1		5	
16	Kiểm tra	2				2
	Tổng cộng	75	36	13	22	4

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng an ninh

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung bài học:

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học:

2.2. Các nội dung chính:

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học:

2.4. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun:

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập:

Bài 2: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội:

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam:

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ:

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay:

2.5. Thảo luận:

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung bài học:

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ:

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên:

2.3. Thảo luận:

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung bài học:

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia:

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.5. Thảo luận:

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc:

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo:

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam:

2.4. Thảo luận:

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội:

2.3. Thảo luận:

Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng:

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng:

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận:

Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung bài học:

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân:

2.4. Thảo luận:

Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới:

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận:

Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung bài học:

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam:

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay:

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay:

2.4. Thảo luận:

Bài 11: Đội ngũ đơn vị **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung bài học:

2.1. Đội hình tiểu đội:

2.2. Đội hình trung đội:

2.3. Đối hướng đội hình:

2.4. Thực hành:

Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung bài học:

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh:

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh:

2.3. Thực hành:

Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung bài học:

2.1. Cầm máu tạm thời:

2.2. Cố định tạm thời xương gãy:

2.3. Hô hấp nhân tạo:

2.4. Kỹ thuật chuyển thương:

2.5. Thực hành:

IV. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun

1. Địa điểm học tập: Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;

- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPĐ, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO₂ lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;

- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;

IV. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m², có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.
- 2. Trang thiết bị máy móc:** Các phương tiện liên quan đến môn học
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Kế hoạch dạy học, Giáo trình Giáo dục chính trị và các tài liệu tham khảo liên quan.
- 4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên:** Giảng viên giảng dạy quốc phòng an ninh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao

đăng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 05 cột điểm (02 thường xuyên, 03 định kỳ)

- Điểm thi kết thúc môn học/mô đun

- Điểm môn học/mô đun, tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Luật Biên giới quốc gia, 2004.

- Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

- Luật an ninh quốc gia, 2004.
- Bộ luật hình sự, 2015.
- Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
- Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
- Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
- Luật biển Việt Nam, 2012.
- Luật Dân quân tự vệ, 2009.
- Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
- Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
- Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
- Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
- Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

- Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
- Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
- Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
- Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
- Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

VII. Miễn trừ học tập

- Thực hiện tại Điều 10 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: TIN HỌC

Mã môn học, mô đun: MH5

Thời gian thực hiện: 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ; tự học: 59 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học, mô đun

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học, mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học, mô đun bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học, mô đun

Sau khi học xong môn học, mô đun này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học, mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết như sau:

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Bảng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

- 2.8.1. Lựa chọn máy in
- 2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản

- 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
- 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
 - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
 - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
 - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
 - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
 - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
 - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
 - 2.2.2.3. Lưu nội dung
 - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
 - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
 - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
 - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra 15 phút và 45 phút

+ Số lượng: 03 cột điểm (01 thường xuyên, 02 định kỳ)

- Điểm thi kết thúc MH/MĐ: Thi thực hành trên máy

- Điểm môn học/mô-đun tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

- Thực hiện theo Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: TIẾNG ANH

Mã môn học, mô đun: MH6

Thời gian thực hiện: 120 giờ, (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ; Tự học: 120 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học, mô đun

1. Vị trí: Môn học, mô đun Tiếng Anh là một trong các môn học, mô đun ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học, mô đun chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học, mô đun Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học, mô đun

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt;

mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học, mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special	9	3	6	

	occasions)				
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Gia đình;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Nghề nghiệp;	
2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Động từ “to be”;	
2.2.2. Tính từ sở hữu;	
2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;	
2.2.4. Thì hiện tại đơn.	

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình; 2.3.2. Bài tập True/False.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình; 2.4.2. Hỏi và trả lời.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: My friend Minh; 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm; 2.5.3. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).	

Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các môn thể thao;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;	
2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;	
2.2.3. Cấu trúc How often...?.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;	
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;	

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;	
2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;	
2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;	
2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;	
2.5.4. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).	

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Các tính từ thông dụng;	
2.1.3. Các đồ vật trong nhà;	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;	
2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;	
2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.	

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh; 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam; 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).	

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
Các loại thực phẩm và đồ uống	<i>Thời gian: 1h</i>
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được; 2.2.2. Cấu trúc How much/ How many; 2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't; 2.2.4. Cấu trúc Would like.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống; 2.3.2. Bài tập True/False; 2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.	

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;	
2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với <i>much</i> hoặc <i>many</i> ;	
2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;	
2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;	
2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;	
2.5.3. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).	
Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	<i>Thời gian: 4h</i>

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;	
2.1.3. Quần áo và màu sắc.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Thì hiện tại đơn;	
2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;	
2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.	

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;	
2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;	
2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;	
2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;	
2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;	
2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;	
2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;	
2.5.3. Thảo luận.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).	

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;	
2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Thì quá khứ đơn;	

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be; 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can; 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ; 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng; 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ; 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp; 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi; 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi; 2.5.3. Bài tập True/False.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).	

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;	

2.2.2. To infinitive and Gerund.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;	
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;	
2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;	
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;	
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: A letter;	
2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).	

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Sở thích;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Thì quá khứ đơn;	
2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;	

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.\	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;	
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;	
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;	
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).	
Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	<i>Thời gian: 4h</i>

Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Lễ hội;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Cấu trúc Will và going to;	
2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;	

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;	
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;	
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;	
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).	

Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. So sánh hơn (Comparative);	
2.2.2. So sánh nhất (Superlative).	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;	

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;	
2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;	
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;	
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: My travel page;	
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
- Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).	

Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
2.1.1. Các thiết bị công nghệ;	<i>Thời gian: 1h</i>
2.1.2. Công nghệ.	
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;	
2.2.2. Cấu trúc How long...?;	
2.2.3. Giới từ For và since.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;	
2.3.2. Bài tập True/False.	

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ; 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media; 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
-Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).	

Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung của bài:	<i>Thời gian: 9h (LT: 3h; TH: 6h; KT: 0h)</i>
2.1. Từ vựng (Vocabulary)	
Các từ vựng liên quan đến mua sắm.	<i>Thời gian: 1h</i>
2.2. Ngữ pháp (Grammar)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành; 2.2.2. Thì quá khứ đơn; 2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.	
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm; 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.	
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)	<i>Thời gian: 1h</i>
2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;	

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.	
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)	<i>Thời gian: 2h</i>
2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day; 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.	
2.6. Kỹ năng viết (Writing)	<i>Thời gian: 2h</i>
Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).	
Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	<i>Thời gian: 4h</i>

IV. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- **Kỹ năng nghe:** Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- **Kỹ năng nói:** Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và

người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- **Kỹ năng đọc:** Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- **Kỹ năng viết:** Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 07 cột điểm, 03 cột kiểm tra định kỳ (60 phút) trên 01 bài kiểm tra, 04 cột kiểm tra thường xuyên (15 phút) trên 01 bài kiểm tra.

- Điểm thi kết thúc môn học/mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm.

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Điểm môn học/mô-đun tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + Thi \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học, mô đun

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học, mô đun Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học, mô đun

- Thực hiện tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học, mô đun tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, mô đun, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Để giúp học sinh tự học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh:
 - + Xác định lĩnh vực kiến thức hay kỹ năng trong hoặc ngoài chương trình chính thức mình cần phải nâng cao hay quan tâm học hỏi. Ví dụ: học sinh quan tâm đến chuyên ngành có thể muốn học thêm từ vựng có liên quan về các vấn đề chăm sóc bệnh nhân cao tuổi (Caring for the elderly) hay nâng cao kiến thức về chủ đề này thông qua đọc các bài báo bằng tiếng Anh.
 - + Xác định mục tiêu mình cần đạt đối với kiến thức và kỹ năng đã được chọn. Ví dụ: học sinh quan tâm mở rộng kiến thức về cách chăm sóc bệnh nhân cao tuổi có thể đặt mục tiêu hiểu chi tiết các bài báo mình đọc (reading for details).
 - + Lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: với mục đích đọc hiểu chi tiết bài báo về cách chăm sóc bệnh nhân cao tuổi, sau khi đọc học sinh sẽ viết tóm tắt lại những chi tiết mình quan tâm.
 - + Hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Ví dụ: giúp học sinh tìm nguồn tài liệu trên internet hay giải quyết các khó khăn về đọc hiểu mà học sinh gặp phải.
 - + Hướng dẫn học sinh tự đánh giá mức độ đạt được và tổ chức cho học sinh đánh giá kết quả lẫn nhau. Ví dụ: có thể tổ chức buổi trình bày kết quả tự học, để học sinh có cơ hội đánh giá và học hỏi lẫn nhau về các kỹ năng tự học

5. Tài liệu tham khảo

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: QUẢN LÝ - TỔ CHỨC Y TẾ

Mã số môn học: MD1

Thời gian môn học: 32 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; kiểm tra: 2 giờ, tự học: 56 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất
- Tính chất: Môn học quản lý và tổ chức y tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, phục hồi chức năng, tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức về chiến lược, sức mạnh để lãnh đạo và quản lý nhân lực, vật tư tài sản cũng như công tác phục hồi chức năng qua những sự thay đổi và bước phát triển mới của ngành phục hồi chức năng Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung nhằm phục vụ tốt nhất cho sức khỏe của con người.

II. Mục tiêu môn học:

Học xong môn học này người học sẽ có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam, tổ chức và quản lý bệnh viện.
- + Hiểu được những kiến thức nền tảng về tổ chức, quản lý và chính sách y tế Việt Nam hiện nay.
- + Mô tả được sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý phục hồi chức năng từ Trung ương đến cơ sở.
- + Hiểu được các nội dung của công tác quản lý phục hồi chức năng, quản lý nhân lực, vật tư tài sản và thời gian.

- Về kỹ năng:

- + Vận dụng những kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý và chính sách y tế để giải quyết các vấn đề có tính chuyên môn trong thực tiễn công việc.
- + Áp dụng được các đặc tính và phẩm chất lãnh đạo trong công tác quản lý.
- + Tổ chức được một cuộc họp, giao ban phục hồi chức năng.
- + Giải quyết được những vấn đề, mâu thuẫn xảy ra trong mọi tình huống.
- + Lập được kế hoạch công tác cho phục hồi chức năng.

- Về thái độ:

- + Có tinh thần tích cực, tự giác nghiên cứu về các vấn đề tổ chức, quản lý và chính sách y tế, liên hệ các vấn đề lý thuyết ứng dụng vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

+ Có khả năng làm việc độc lập, quản lý thời gian của bản thân hợp lý khi chăm sóc cho người bệnh.

+ Tinh thần trách nhiệm cao khi được giao nhiệm vụ như quản lý nhân lực và tài sản vật tư...

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	LT	TH	KT
1	Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam	2	2		
2	Những quan điểm, chiến lược và chính sách Y tế việt nam	2	2		
3	Tổ chức và quản lý bệnh viện	2	2		
4	Lập kế hoạch y tế	2	2		
5	Giám sát hoạt động y tế	2	2		
6	Cơ cấu tổ chức của một cơ sở PHCN.	1	1		
7	Phong cách lãnh đạo và quản lý	2	2		
8	Phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng khoa kỹ thuật phục hồi chức năng	1	1		
9	Lập kế hoạch công tác điều dưỡng	2	2		
10	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		
11	Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	1	1		
12	Nhiệm vụ điều dưỡng trưởng các cấp	2	2		
13	Quản lý nhân lực	2	2		
14	Xây dựng bảng mô tả công việc	2	2		
15	An toàn người bệnh và quản lý chất lượng chăm sóc	2	2		
16	Quản lý thời gian	1	1		
17	Tổ chức cuộc họp	1	1		
18	Quản lý tài sản vật tư	1	1		
19	Kiểm tra	2			2
Tổng số		32	30		2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được nguyên tắc tổ chức Ngành Y tế Việt Nam.
- Nêu được mô hình chung tổ chức hệ thống y tế Việt Nam
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tuyến trong hệ thống y tế Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

2.2. Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam:

2.2.1. Tổ chức chung của ngành Y tế

2.2.2. Tổ chức theo các tuyến:

2.2.2.1. Tuyến Trung ương: Bộ Y tế

2.2.2.2. Y tế tuyến tỉnh

2.2.2.3. Y tế tuyến huyện

2.2.2.4. Y tế tuyến xã

2.3. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế

2.4. Hệ thống tổ chức ngành điều dưỡng Việt Nam

Bài 2: Những quan điểm, chiến lược và chính sách Y tế Việt Nam Thời gian: 2 giờ.

Mục tiêu

- Đánh giá khái quát được tình hình sức khỏe chung và công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
- Trình bày được ý nghĩa và nội dung của các quan điểm cơ bản về y tế của Việt Nam hiện nay.
- Trình bày được các mục tiêu chiến lược, các giải pháp cơ bản về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Các điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta

2.2. Đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân

2.3. Những quan điểm cơ bản về y tế của Việt Nam hiện nay

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Các chỉ tiêu cụ thể

2.3.3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

2.4. Các giải pháp chủ yếu.

- 2.4.1. Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế
- 2.4.2. Cũng cố hoàn thiện mạng lưới y tế
- 2.4.3. Đẩy mạnh công tác dự phòng nâng cao sức khỏe
- 2.4.4. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh
- 2.4.5. Phát triển y dược cổ truyền
- 2.4.6. Nâng cao sức khỏe sinh sản

Bài 3: Tổ chức và quản lý bệnh viện

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái quát về sự ra đời và phát triển bệnh viện và quản lý bệnh viện.
- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của bệnh viện.
- Mô tả được các chức năng quản lý bệnh viện.

2. Nội dung:

2.1. Tổng quan về bệnh viện

2.1.1. Định nghĩa về bệnh viện

2.1.2. Chức năng chính của bệnh viện

2.1.3. Tổ chức hệ thống bệnh viện

2.1.4. Phân loại bệnh viện

2.1.5. Thẩm quyền quyết định phân bố và xếp loại.

2.2. Mô hình tổ chức bệnh viện

2.2.1. Mô hình tổ chức

2.2.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng

2.3. Mô hình quản lý bệnh viện

2.4. Nội dung quản lý bệnh viện

2.5. Cơ chế quản lý

2.6. Biện pháp đổi mới quản lý bệnh viện

Bài 4: Lập kế hoạch Y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kế hoạch và lập kế hoạch
- Mô tả được các bước và nội dung các bước của tập kế hoạch
- Nhận thức được tầm quan trọng của tập kế hoạch y tế trong việc quản lý y tế

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch

2.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch Y tế

- 2.3. Xác định vấn đề sức khỏe
- 2.4. Năm bước lập kế hoạch Y tế
- 2.5. Các biểu mẫu cho một kế hoạch y tế

Bài 5: Giám sát hoạt động y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của hoạt động giám sát.
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp, hình thức và bước cơ bản trong giám sát.
- Mô tả được quy trình giám sát

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về giám sát
- 2.2. Tầm quan trọng của giám sát
- 2.3. Nguyên tắc cơ bản của giám sát
- 2.4. Phương pháp và hình thức giám sát
- 2.5. Lập kế hoạch giám sát
- 2.6. Xây dựng bảng kiểm giám sát

Bài 6: Cơ cấu tổ chức của một cơ sở PHCN

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu:

- 1. Trình bày được cơ cấu tổ chức của một cơ sở Phục hồi chức năng
- 2. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của một cơ sở Phục hồi chức năng

Nội dung:

- 1. Cơ cấu tổ chức của một cơ sở Phục hồi chức năng
- 2. Chức năng, nhiệm vụ của một cơ sở Phục hồi chức năng
- 3. Sự phối hợp công tác chuyên môn giữa khoa Phục hồi chức năng và các khoa, phòng khác trong bệnh viện
- 4. Điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề đối với từng vị trí chức danh chuyên môn

Bài 7: Phong cách lãnh đạo và quản lý

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm lãnh đạo và các yêu cầu chung của người lãnh đạo, quản lý.
- Trình bày được vai trò của quản lý, nguyên tắc và các biện pháp quản lý.
- Trình bày được các bước trong quy trình quản lý.
- Phân tích được các phong cách quản lý và lãnh đạo hiệu quả.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về lãnh đạo

- 2.2. Phân loại các mô hình quản lý và lãnh đạo
- 2.3. Những yêu cầu chung của người quản lý, lãnh đạo
- 2.4. Phân loại phong cách quản lý và lãnh đạo
- 2.5. Khái niệm về quản lý
- 2.6. Vai trò của quản lý trong công việc
- 2.7. Nguyên tắc và biện pháp quản lý
- 2.8. Quy trình quản lý

Bài 8: Phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 10 phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng.
- Kể được những tính cách, thái độ và hành vi không phù hợp của người điều dưỡng trưởng.

2. Nội dung:

- 2.1. Những phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng
- 2.2. Những tính cách, thái độ, hành vi không phù hợp của người điều dưỡng trưởng
- 2.3. Trách nhiệm của người điều dưỡng trưởng

Bài 9: Lập kế hoạch công tác điều dưỡng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Kể được các nguyên tắc lập kế hoạch.
- Trình bày các nội dung chính của bản kế hoạch, các bước lập kế hoạch.
- Lập được kế hoạch về công tác điều dưỡng của đơn vị.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kế hoạch
- 2.3. Các nguyên tắc lập kế hoạch
- 2.4. Các nội dung chính của bản kế hoạch
- 2.5. Các bước lập kế hoạch
- 2.6. Triển khai thực hiện kế hoạch
- 2.7. Các phương thức đánh giá thực hiện kế hoạch

Bài 10: Kỹ năng giải quyết vấn đề

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quy trình giải quyết vấn đề.

- Thực hiện được quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm

2.2. Quy trình giải quyết vấn đề

2.2.1. Nhận biết vấn đề

2.2.2. Phân tích nguyên nhân

2.2.3. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên.

2.2.4. Thực hiện giải pháp

2.2.5. Đánh giá kết quả

Bài 11: Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Liệt kê được các tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp theo quy định của thông tư Số: 26/2015/TTLT- BYT- BNV

- Trình bày được các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của điều dưỡng.

2. Nội dung:

2.1. Các tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

2.2. Chức danh điều dưỡng

Bài 12: Nhiệm vụ điều dưỡng trưởng các cấp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng Sở Y tế.

- Trình bày được nhiệm vụ của phòng Điều dưỡng bệnh viện.

- Trình bày nhiệm vụ, quyền hạn của Điều dưỡng trưởng bệnh viện và điều dưỡng trưởng khoa.

2. Nội dung:

2.1. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng sở y tế

2.2. Vị trí, tổ chức, nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện

2.3. Nhiệm vụ quyền hạn của trưởng phòng điều dưỡng

2.4. Nhiệm vụ quyền hạn của điều dưỡng trưởng khoa

Bài 13: Quản lý nhân lực

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung của công tác quản lý nhân lực.

- Trình bày được cách tính toán và bố trí nhân lực, điều chỉnh nhân lực điều dưỡng.

- Thực hành được cách tính toán nhân lực cho một cơ sở y tế

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng và nội dung của công tác quản lý nhân lực

2.2. Cơ sở để xây dựng kế hoạch nhân lực

2.3. Cách tính toán và bố trí nhân lực

2.4. Tuyển dụng, tuyển chọn và sử dụng nhân viên

Bài 14: Xây dựng bảng mô tả công việc

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích, quy trình xây dựng một bảng mô tả công việc.

- Trình bày được các nội dung cần thiết của bảng mô tả công việc.

2. Nội dung:

2.1. Mục đích của việc xây dựng bảng mô tả công việc

2.2. Yêu cầu của bảng mô tả công việc.

2.3. Quy trình xây dựng bảng mô tả công việc

2.4. Nội dung bảng mô tả công việc

2.5. Đánh giá công tác theo bảng mô tả công việc.

Bài 15: An toàn người bệnh và quản lý chất lượng chăm sóc

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Kể được mục tiêu của chương trình đảm bảo chất lượng bệnh viện

- Trình bày nguyên tắc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng bệnh viện, các đặc điểm của chất lượng chăm sóc người bệnh.

- Trình bày nội dung các chuẩn chăm sóc người bệnh.

- Tổ chức được nội dung các chuẩn chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Mục tiêu của chương trình đảm bảo chất lượng bệnh viện

2.2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng

2.3. Nội dung triển khai quản lý chất lượng trong bệnh viện.

2.4. Các đặc điểm của chất lượng chăm sóc người bệnh.

2.5. Tiêu chuẩn chất lượng và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Bài 16: Quản lý thời gian

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Liệt kê được các nguyên nhân gây lãng phí thời gian.

- Trình bày được các bước lập kế hoạch quản lý thời gian.

- Trình bày được nguyên tắc chung để quản lý tốt thời gian.

2. Nội dung:

2.1. Yếu tố tiết kiệm thời gian

2.2. Yếu tố/ nguyên nhân gây lãng phí thời gian

2.3. Các bước lập kế hoạch quản lý thời gian.

2.4. Nguyên tắc chung để quản lý tốt thời gian.

Bài 17: Tổ chức cuộc họp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được tầm quan trọng của họp, mục đích của họp và cách tiến hành một cuộc họp.

- Thực hiện được cách ghi biên bản một cuộc họp đủ và đúng.

2. Nội dung:

Định nghĩa

2.1. Tầm quan trọng của họp

2.2. Mục đích của họp

2.3. Một số cuộc họp thông thường trong công tác Điều dưỡng

2.4. Cách tiến hành một cuộc họp

Bài 18: Quản lý tài sản vật tư

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Kể được mục đích, quy trình quản lý tài sản vật tư trong các cơ sở y tế.

- Trình bày được quy định về cất giữ, quản lý tài sản vật tư trong kho.

- Trình bày được nội dung cấp phát, sử dụng, bảo quản tài sản vật tư đúng quy định.

- Lập được bảng dự trù trang thiết bị, y dụng cụ cần thiết của công tác điều dưỡng.

2. Nội dung:

2.1. Mục đích quản lý tài sản vật tư trong các cơ sở y tế

2.2. Quy trình quản lý tài sản vật tư - các bước làm dự trù

2.3. Cất giữ, quản lý tài sản vật tư trong kho

2.4. Cấp phát, sử dụng, bảo quản tài sản vật tư

2.5. Kiểm tra đánh giá.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: phòng lý thuyết: Phòng học có diện tích 75m², có đủ số lượng bàn ghế ngồi cho sinh viên (2 sinh viên/bàn), đảm bảo đủ ánh sáng, an toàn.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa, video, tranh ảnh, dụng cụ để học tập

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.

- Giấy Ao, bút, bảng, phấn.

4. Các điều kiện khác:

- Tiêu chí giảng viên: Cử nhân điều dưỡng trình độ Đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, cao đẳng.

- Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam, tổ chức và quản lý bệnh viện.

+ Hiểu được những kiến thức nền tảng về tổ chức, quản lý và chính sách y tế Việt Nam hiện nay.

+ Mô tả được sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý điều dưỡng từ Trung ương đến cơ sở.

+ Hiểu được các nội dung của công tác quản lý điều dưỡng, quản lý nhân lực, vật tư tài sản và thời gian.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng những kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý và chính sách y tế để giải quyết các vấn đề có tính chuyên môn trong thực tiễn công việc.

+ Áp dụng được các đặc tính và phẩm chất lãnh đạo trong công tác quản lý.

+ Tổ chức được một cuộc họp, giao ban điều dưỡng.

+ Giải quyết được những vấn đề, mâu thuẫn xảy ra trong mọi tình huống.

+ Lập được kế hoạch công tác

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có tinh thần tích cực, tự giác nghiên cứu về các vấn đề tổ chức, quản lý và chính sách y tế, liên hệ các vấn đề lý thuyết ứng dụng vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

+ Có khả năng làm việc độc lập, quản lý thời gian của bản thân hợp lý khi chăm sóc cho người bệnh.

+ Tinh thần trách nhiệm cao khi được giao nhiệm vụ như quản lý nhân lực và tài sản vật tư...

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình (kí hiệu: QT):

- 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm. Thời gian: 15 phút

- 2 cột điểm kiểm tra định kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm. Thời gian: 30 - 45 phút

- Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm trên.

2.2. Điểm thi kết thúc học phần (kí hiệu: KTHP):

- Hình thức: trắc nghiệm hoặc tự luận

- Thời gian: 45 - 60 phút

2.3. Điểm học phần (kí hiệu: HP): tính theo công thức sau:

$$HP = \frac{QT \times 4 + KTHP \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho sinh viên năm thứ 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận và làm bài tập nhóm.

- Đối với người học:

+ Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học.

+ Tham dự giờ giảng một cách tích cực.

+ Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Quy trình quản lý công tác điều dưỡng

- Lập kế hoạch công tác điều dưỡng

- Tổ chức cuộc họp

- Kỹ năng giải quyết vấn đề

4. Tài liệu tham khảo:

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Bộ Luật Lao động*

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp 2013*

- Trường Đại học Y dược Huế (2014), *Giáo trình Tổ chức và Quản lý y tế*, NXB đại học Huế.

- Vụ Khoa học và đào tạo Bộ Y Tế (2015), *Giáo trình Quản lý và Tổ chức y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012), *tài liệu đào tạo tăng cường năng lực Quản lý Điều dưỡng*.
- Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), *Quản lý Điều dưỡng*, Nhà xuất bản Y học.
- Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (1996), *Quy chế bệnh viện*, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế(1999), *Chức năng nhiệm vụ Điều dưỡng trưởng Sở* (ban hành kèm theo Quyết định số 1939/2001/BYT ngày 02/7/1999).
- Bộ Y tế (2002), *Kế hoạch hành động Quốc gia về tăng cường công tác Điều dưỡng - Hộ sinh 2002 - 2010*.
- Quyết định 84/BYT – K2ĐT ngày 24/6/2014 về việc ban hành tài liệu QLCLBV.
- Quyết định 162/QĐ – BHYT ngày 26/3/2018 về việc ban hành chương trình hành động BHYT thực hiện Nghị quyết 20/ NQ –TW về tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

TÊN MÔ ĐƠN: HÓA SINH

Mã mô đơn: MD2

Thời gian thực hiện mô đơn: 32 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn

- **Vị trí:** là môn học thuộc phần kiến thức Y học cơ sở
- **Tính chất:** Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hoá sinh học bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hoá của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hoá năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hoá sinh lâm sàng.

Vận dụng những kiến thức của môn học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

II. Mục tiêu mô đơn

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về hoá sinh học bao gồm: Các loại chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hoá của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học, hoá sinh các mô và các dịch sinh vật.
2. Áp dụng và liên hệ được các kiến thức hoá sinh vào việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

III. Nội dung mô đơn

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về hóa sinh học	2	2	0	
2	Enzym	2	2	0	
3	Vitamin	2	2	0	
4	Hormon.	4	4	0	
5	Hoá học glucid - chuyển hoá glucid	4	4	0	
6	Hoá học lipid - chuyển hoá lipid	4	4	0	
7	Hoá học protid - chuyển hoá protid	2	2	0	
8	Hoá học hemoglobin - chuyển hoá Hemoglobin	2	2	0	
9	Hoá sinh hệ thống gan mật.	4	4	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
10	Hoá sinh thận và nước tiểu, hoá sinh một số dịch cơ thể.	4	4	0	
	Tổng số giờ	32	30	0	2

Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về hóa sinh học

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được vai trò và phạm vi ứng dụng hóa sinh lâm sàng
2. Trình bày được tầm quan trọng của hóa sinh lâm sàng
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Khái niệm về Hóa sinh lâm sàng.
2. Chương trình môn Hóa sinh
3. Vai trò hóa sinh

Bài 2: Enzym Mục tiêu bài học:

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được bản chất hóa học và đặc điểm của enzym
2. Phân tích được tính đặc hiệu, cơ chế hoạt động và tác dụng của enzym.
3. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của enzyme
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Đại cương về enzym
 - 1.1. Sự xúc tác
 - 1.2. Bản chất hóa học.
 - 1.3. Đặc điểm sinh học.
2. Cách gọi tên enzym và phân loại enzym
 - 2.1. Cách gọi tên
 - 2.1.1. Phân loại enzym
 - 2.2. Tác dụng của các loại enzyme

3. Cấu trúc phân tử enzyme
4. Tính chất đặc hiệu của enzyme
7. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme

Bài 3: Vitamin

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được khái niệm về vitamin. Phân loại, cách gọi tên của vitamin
2. Trình bày cấu tạo, chức năng sinh học, nguồn gốc các vitamin tan trong nước
3. Trình bày cấu tạo, chức năng sinh học, nguồn gốc các vitamin tan trong dầu.
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Phân loại
 - 1.3. Cách gọi tên
2. Một số vitamin tan trong nước
 - 2.1. Vitamin B1 (thiamin, vitamin chống bệnh beri- beri)
 - 2.2. Vitamin B2 (riboflavin)
 - 2.3. Vitamin PP (vitamin B3, Niacin chống bệnh pellagra)
 - 2.4. Vitamin B6 (pyridoxin)
 - 2.5. Vitamin B12 (cyano cobalamin)
 - 2.6. Vitamin C (acid ascorbic, vitamin chống bệnh hoại huyết)
3. Vitamin tan trong dầu
 - 3.1. Vitamin A (Axerophthol, vitamin chống khô mắt)
 - 3.2. Vitamin D (vitamin chống còi xương)
 - 3.3. Vitamin K (chống chảy máu)
 - 3.4. Vitamin E (Tocopherol, vitamin của sự sinh sản)

Bài 4: Hormon

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo và phân loại hormone
2. Phân tích được cơ chế tác dụng của hormon.
3. Phân tích được tác dụng của một số hormon.

4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Định nghĩa

1.2. Phân loại Hormon

1.3 Cơ chế tác dụng

1.4. Chất truyền tin thứ 2

2. Hormon vùng dưới đồi tuyến yên

2.1. Vùng dưới đồi

2.2. Hormon tuyến tùng

2.3. Hormon tuyến yên

2.3.1. Hormon tuyến yên sau

2.3.2. Hormon tuyến yên trước

2.4. Các rối loạn vùng dưới đồi- tuyến yên

3. Hormon cận giáp & calcitonin

4. Hormone tuyến tụy

4.1. Định lượng insulin

4.2. Định lượng C peptid

5. Hormone tiêu hóa

6. Hormon tủy thượng thận

7. Hormon tuyến giáp

7.1. Hormon tuyến giáp

7.1.1. Giải phẫu và sự hình thành tuyến giáp

7.1.2. Tổng hợp hormone tuyến giáp

7.1.3. Hormon tuyến giáp trong máu

7.1.4. Điều hòa bài tiết Hormone tuyến giáp

7.1.5. Vai trò của Hormone tuyến giáp

7.2. Xét nghiệm đánh giá chức năng tuyến giáp

7.2.1. Định lượng FT3, FT4

7.2.2. Định lượng T3, T4

7.2.3. Định lượng TSH

7.2.5. Định lượng tự kháng thể

8. Hormon steroid

8.1. Hormon giới tính nam (androgen)

8.2. Hormon giới tính nữ

8.3. Hormon vỏ thượng thận

Bài 5: Hóa học và chuyển hóa Glucid

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Phân tích cấu tạo hóa học của Glucid

2. Phân tích quá trình tiêu hóa, hấp thu glucid ở đường tiêu hóa; quá trình thoái glucid ở tế bào và mô

3. Vận dụng các kiến thức về thoái hóa Glucid ở tế bào và mô từ đó đưa ra được ý nghĩa của sự thoái và so sánh sự khác nhau của quá trình thoái hóa Glucose ở điều kiện yếm khí và ái khí

4. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin, tự học, thuyết trình nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phân biện/phê phán.

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Định nghĩa :

1.2. Nguồn gốc

1.3. Vai trò

2. Monosaccarid

2.1. Cấu tạo và danh pháp :

2.2. Tính chất của monosaccarid

3. Oligosaccarid

3.1. Saccarose

3.2. Lactose

3.3. Maltose

4. Polysaccarid

4.1. Polysaccarid thuần

4.2. Polysaccarid tạp

5. Sự tiêu hóa và hấp thu Glucid

5.1. Tiêu hóa glucid ở đường tiêu hóa

5.2. Hấp thu glucid:

6. Sự thoái hóa Glucid ở tế bào và mô

6.1. Thoái hóa glycogen thành glucose

6.2. Thoái hóa glucose

7. Sự tổng hợp glucose

Bài 6: Hóa học và chuyển hóa Lipid

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích cấu tạo hóa học của Lipid

2. Phân tích quá trình tiêu hóa, hấp thu lipid ở đường tiêu hóa

3. Giải được quá trình chuyển hóa lipid ở tế bào và mô và tính được bilan năng lượng khi beta oxi hóa một acid béo bão hòa có số cacbon chẵn

4. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin, tự học, thuyết trình nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguồn gốc

2. Vai trò và nguồn gốc

2.1. Vai trò

2.2. Nguồn gốc

3. Cấu tạo của Lipid

3.1. Acid béo

3.2. Alcol của lipid

4. Lipid thuần

4.1. Glycerid

4.2. Sterid

4.3. Cerid

5. Lipid tạp

5.1. Glycerophospholipid

5.2. Sphingolipid

6. Sự tiêu hóa và hấp thu Lipid

7. Chuyển hoá lipid ở tế bào và mô

7.1. Thoái hoá glycecol

7.2. Thoái hoá acid béo bão hoà có số carbon chẵn

7.3. Các thể ceton và sự oxy hoá chúng

7.4. Thoái hoá triglycerid (triacylglycerol)

Bài 7: Hóa học và chuyển hóa Protid

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích cấu tạo của acidamin và cấu trúc protein
2. Phân tích được quá trình khử amin oxy hoá và quá trình trao đổi amin.
3. Giải thích liên quan giữa chu trình ure và chu trình acid citric
4. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin, tự học, thuyết trình nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phân biện/phê phán.

Nội dung bài

1. Nguồn gốc, vai trò của Protid
 - 1.1. Nguồn gốc
 - 1.2. Vai trò
2. Acid amin
 - 2.1. Định nghĩa, cấu tạo
 - 2.2. Phân loại
 - 2.3. Tính chất của acid amin
3. Peptid
 - 3.1. Định nghĩa
 - 3.2. Tên gọi của peptid
 - 3.3. Tính chất của peptid
 - 3.4. Một số peptid có hoạt tính sinh học quan trọng
4. Protein
 - 4.1. Định nghĩa
 - 4.2. Phân loại
 - 4.3. Cấu trúc
 - 4.4. Tính chất của protein
 - 4.5. Chức năng của protein
5. Sự thủy phân protein thành acid amin
 - 5.1. Sự thủy phân protein ngoại sinh (sự tiêu hoá protein).
 - 5.2 Sự thủy phân protein nội sinh

6. Thoái hoá chung của acid amin
- 6.1. Chuyển hoá của nhóm amin trong acid amin
- 6.2. Chuyển hoá của nhóm carboxyl
- 6.3. Chuyển hoá của khung carbon

Bài 8: Hóa học và chuyển hóa Hemoglobin

Thời gian 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích cấu trúc của Hemoglobin
2. Giải thích được quá trình thoái hóa Hemoglobin và các hiện tượng sinh lý, bệnh lý liên quan đến quá trình chuyển hóa Hemoglobin.
3. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin, tự học, thuyết trình nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phân biện/phê phán.

Nội dung

1. Cấu tạo của Hemoglobin.
 - 1.1. Cấu tạo Hem
 - 1.2. Cấu tạo Globin
 - 1.3. Phân tử 2, 3 DPG
2. Một số loại Hemoglobin ở người
3. Tính chất của Hemoglobin
 - 3.1. Hb kết với các khí
 - 3.2. Sự oxy hóa Hb
 - 3.3. Tính chất enzym của Hb
 - 3.4. Tính chất đệm của Hb
4. Thoái hóa Hemoglobin
 - 4.1. Các quá trình thoái hoá Hb
 - 4.2. Rối loạn thoái hoá Hb

Bài 9: Hóa sinh hệ thống gan mật

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được các thành phần hoá học của gan.
2. Trình bày được các chức năng hoá sinh của gan.
3. Trình bày được các xét nghiệm thăm dò chức năng gan.
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Thành phần hóa học của gan
 - 1.1. Protein
 - 1.2. Glucid
 - 1.3. Lipid
 - 1.4. Enzym và vitamin
2. Các chức năng của gan
 - 2.1. Chức năng tạo mật
 - 2.1.1. Thành phần hoá học của mật
 - 2.1.2. Quá trình bài xuất mật
 - 2.1.3. Tác dụng của mật
 - 2.2. Chức năng chuyển hoá
 - 2.2.1. Chuyển hoá Glucid
 - 2.2.1.1. Tổng hợp glycogen
 - 2.2.1.2. Phân ly glycogen
 - 2.2.1.3. Gan tham gia điều hoà đường huyết
 - 2.2.2. Chức năng chuyển hoá lipid
 - 2.2.3. Chức năng chuyển hoá protid
 - 2.3. Chức năng khử độc của gan
 - 2.4. Chức năng dự trữ của gan
3. Xét nghiệm hóa sinh hệ thống gan mật

Bài 10: Hóa sinh thận, nước tiểu và dịch cơ thể

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được chức phận của thận
2. Trình bày được các tính chất của nước tiểu
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Chức năng của thận:
 - 1.1. Chức phận bài tiết:
 - 1.2. Chức phận chuyển hóa:
 - 1.3. Vai trò của thận trong thăng bằng Acid-Base:
2. Nước tiểu:

- 2.1. Tính chất lý hóa của nước tiểu:
- 2.2. Thành phần hóa học của nước tiểu bình thường:
- 2.3. Các chất bất thường trong nước tiểu:
3. Hóa sinh các dịch sinh vật
 - 3.1. Dịch não tủy
 - 3.1.1. Nguồn gốc
 - 3.1.2. Tính chất vật lý
 - 3.1.3. Tính chất hóa học
 - 3.1.4. Xét nghiệm hóa sinh cơ bản về dịch não tủy
 - 3.1.5. Sự thay đổi thành phần hóa học trong dịch não tủy trong một số bệnh lý
 - 3.2. Dịch tràn
 - 3.2.1. Nguồn gốc
 - 3.2.2. Xét nghiệm hóa sinh cơ bản dịch tràn
 - 3.2.3. Phân biệt dịch thấm và dịch tiết
 - 3.2.4. Sự thay đổi thành phần hóa học trong dịch tràn trong một số bệnh lý
 - 3.3. Dịch bạch huyết
 - 3.3.1. Nguồn gốc
 - 3.3.2. Thành phần hóa học cơ bản dịch bạch huyết
 - 3.3.3. Xét nghiệm dưỡng chất

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - Lý thuyết: học tập trung tại giảng đường
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính, projector
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Bài giảng điện tử, giấy A0, bút, phấn,..
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: những kiến thức cơ bản về hóa học và chuyển hóa glucid, lipid, protein, hemoglobin, hóa sinh gan mật, thận nước tiểu, thăng bằng acid base

2. Phương pháp:

* **Điểm quá trình:** Được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thương xuyên: 1 cột

+ Điểm định kỳ: 1 cột

- Hình thức:

+ Kiến thức: Kiểm tra bằng test trắc nghiệm, Thời gian 45 – 60 phút

* **Điểm thi kết thúc mô đun:** Thi viết trắc nghiệm. Thời gian từ 60 – 90 phút.

* **Điểm tổng kết mô đun:**

+ Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học tự chọn được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng xét nghiệm.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

2.1. Chuẩn bị

- Đối với giảng viên , giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên, thảo luận nhóm

- Đối với người học: Đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học. Tham gia đầy đủ các buổi học, kiểm tra và thi. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo

2.2. Tổ chức dạy - học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Hóa sinh học. NXB Y học.

- Bệnh viện Bạch Mai (2006). Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh. NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

TÊN MÔ ĐUN: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã môn học: MĐ3

Thời gian thực hiện môn học: 78 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành: 30 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học bắt buộc, Môn học được thực hiện vào học kỳ I năm 1
- Tính chất: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình thái, cấu trúc và các quy luật hoạt động sinh lý của các cơ quan cơ thể trong mỗi liên hệ thống nhất với nhau, mỗi liên hệ giữa cơ thể với môi trường sống.
- Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng rèn luyện các năng lực làm việc nhóm, tính tích cực trong học tập giải quyết các tình huống lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học:

1. Mô tả được vị trí, hình thể các hệ cơ quan của cơ thể người.
2. Chỉ được vị trí các hệ cơ quan trên phương tiện thực hành giải phẫu.
3. Vận dụng kiến thức về sinh lý để giải thích được quá trình hoạt động cơ chế và khả năng tự điều chỉnh của cơ thể.
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Giới thiệu môn GPSL, sinh lý đại cương	2	2	0	03
2.	Giải phẫu sinh lý hệ xương-hệ khớp	11	6	6	
3.	Giải phẫu- sinh lý hệ cơ	11	6	6	
4.	Giải phẫu- sinh lý hệ thần kinh	11	5	6	
5.	Giải phẫu sinh lý nội tiết	2	3	0	
6.	Giải phẫu- sinh lý hệ hô hấp	9	4	4	
7.	Giải phẫu- sinh lý hệ tuần hoàn	9	4	2	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
8.	Giải phẫu- sinh lý hệ tiêu hóa	11	4	2	
9.	Sinh lý máu	4	3	0	
10.	Giải phẫu- sinh lý hệ tiết niệu	8	4	2	
11.	Giải phẫu- sinh lý hệ sinh dục	9	4	2	
12.	Kiểm tra	3	0	0	
	Tổng	78	45	30	03
	Quy ước ra tín chỉ:	4			

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Giới thiệu môn GPSL, sinh lý đại cương

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được phạm vi nghiên cứu của môn học.
2. Trình bày được các nguyên tắc đặt tên và danh từ giải phẫu học
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Vị trí của môn giải phẫu học
 - 1.1. Các mức cấu tạo của cơ thể
 - 1.2. các cách mô tả và phân chia cơ thể
 - 1.3. Sinh lý học
 - 1.4. Định nghĩa
 - 1.5. Đối tượng môn GP-SL
 - 1.6. Vị trí
 - 1.7. Duy trì sự sống

Bài 2: Giải phẫu sinh lý hệ xương-hệ khớp, *Thời gian: 12 giờ (LT 06 giờ; TH 06 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Xác định chính xác được vị trí và tên các loại xương.
2. Mô tả các khớp trên cơ thể.

3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Cấu tạo và phân loại bộ xương
3. Thành phần hóa học của Xương
4. Xương hộp sọ
5. Xương thân mình
6. Xương chi

Bài 3: Giải phẫu sinh lý hệ cơ

Thời gian: 12 giờ (LT 06 giờ; TH 06 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được những kiến thức đại cương của hệ cơ
2. Trình bày được các cơ đầu mặt cổ.
3. Trình bày được các cơ chi trên.
4. Trình bày được các cơ chi dưới.
5. Trình bày được các cơ thân mình, đáy chậu.
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương hệ cơ
2. Cơ đầu mặt cổ
3. Cơ chi trên
4. Cơ chi dưới
5. Cơ thân mình

Bài 4: Giải phẫu- sinh lý hệ thần kinh *Thời gian: 11 giờ (LT 05 giờ; TH 06 giờ)*

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được những kiến thức đại cương của hệ thần kinh.
2. Trình bày được đặc điểm giải phẫu của tủy sống
3. Trình bày được đặc điểm giải phẫu của não
4. Trình bày được sinh lý thần kinh vận động
5. Trình bày được sinh lý thần kinh cảm giác
6. Trình bày được sinh lý thần kinh tự chủ

Nội dung

1. Đại cương hệ thần kinh
2. Tủy sống
3. Não
4. Thần kinh ngoại biên
5. Sinh lý thần kinh vận động
6. Sinh lý thần kinh cảm giác
7. Sinh lý thần kinh tự chủ

Bài 5: Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết *Thời gian: 02 giờ (LT 03 giờ; TH 00 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được đặc điểm của hệ nội tiết
2. Trình bày được các tuyến nội tiết trong cơ thể

Nội dung

1. Đặc điểm chung hệ nội tiết
2. Các tuyến nội tiết trong cơ thể

Bài 6: Giải phẫu- sinh lý hệ hô hấp *Thời gian: 08 giờ (LT 04 giờ; TH 04 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Mô tả được đặc điểm giải phẫu mũi, hầu, thanh quản, khí quản, cây phế quản, phổi và màng phổi.
2. Giải thích được trao đổi khí ở phổi, ở mô và giải thích được hiện tượng cơ học của hô hấp.
3. Vận dụng được kiến thức về sự hoạt động của trung tâm hô hấp và điều hoà hô hấp để giải thích được cơ chế hình thành bệnh tật hệ hô hấp trong tình huống dạy thực hành.
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung bài học

1. Đại cương
2. Vị trí và hình thể ngoài hệ hô hấp
 - 2.2 Mũi
 - 2.3 Hầu
 - 2.4 Thanh quản
 - 2.5 Khí quản
 - 2.6 Phổi

- 2.7 Màng phổi
- 2.8 Mạch và thần kinh
3. Chức năng thông khí của phổi
 - 3.1. Các động tác hô hấp
 - 3.2. Động tác hít vào
 - 3.3. Động tác thở ra
4. Một số động tác hô hấp đặc biệt
 - 4.1. Chức năng vận chuyển khí của máu
 - 4.2. Máu vận chuyển Oxy từ phổi đến mô
 - 4.3. Máu vận chuyển CO₂ từ mô đến phổi
 - 4.4. Điều hòa hô hấp
 - 4.5. Cấu tạo các trung tâm hô hấp
 - 4.6. Hoạt động của các trung tâm hô hấp
5. Các yếu tố điều hòa hô hấp
 - 5.1. Vai trò của CO₂
 - 5.2. Vai trò của O₂
 - 5.3. Vai trò của các receptor nhận cảm về áp suất và hóa học
 - 5.4. Vai trò của thần kinh cảm giác nông
 - 5.5. Vai trò của dây X
 - 5.6. Vai trò của thân nhiệt
 - 5.7. Vai trò của các trung tâm thần kinh khác

Bài 7: Giải phẫu- sinh lý hệ tuần hoàn *Thời gian: 06 giờ (LT 04 giờ; TH 02 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được những kiến thức đại cương của hệ tuần hoàn.
2. Mô tả được đặc điểm giải phẫu, sinh lý của tim.
3. Trình bày được các động mạch lớn, tĩnh mạch chính của cơ thể.
4. Trình bày được chu kỳ hoạt động của tim và điều hòa hoạt động tim
5. Trình bày được các loại huyết áp động mạch và điều hòa huyết áp động mạch.
6. Trình bày được quá trình trao đổi chất ở mao mạch và tuần hoàn tĩnh mạch.
7. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Đại cương về hệ tuần hoàn

2. Tim
3. Các động mạch chính của cơ thể
4. Các hệ thống tĩnh mạch của cơ thể
5. Sinh lý tim
 - 5.1. Đặc tính sinh lý của tim.
 - 5.2. Chu kỳ hoạt động của tim.
 - 5.3. Lưu lượng tim.
 - 5.4. Các biểu hiện bên ngoài của chu kỳ tim.
 - 5.5. Điều hòa hoạt động của tim.
6. Sinh lý tuần hoàn động mạch.
 - 6.1. Các đặc tính sinh lý của động mạch.
 - 6.2. Các loại huyết áp động mạch.
 - 6.3. Điều hòa huyết áp động mạch
7. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
 - 7.1. Đặc điểm, cấu trúc, chức năng.
 - 7.2. Các nguyên nhân của tuần hoàn tĩnh mạch.
 - 7.3. Điều hòa tuần hoàn tĩnh mạch.
8. Sinh lý tuần hoàn mao mạch.
 - 8.1. Đặc điểm, cấu trúc của mao mạch.
 - 8.2. Trao đổi chất ở mao mạch.
 - 8.3. Điều hòa tuần hoàn mao mạch.

Bài 8: Giải phẫu- sinh lý hệ tiêu hóa *Thời gian: 06 giờ (LT 04 giờ; TH 02 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được cấu tạo chung của ống tiêu hóa
2. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài của gan, tụy và đường dẫn mật ngoài gan, các ống tụy.
3. Mô tả được các hiện tượng cơ học ở ống tiêu hóa
4. Trình bày được tính chất, thành phần, tác dụng và điều hòa bài tiết các dịch ở các đoạn của ống tiêu hóa.
5. Trình bày sự hấp thu các chất ở các đoạn của ống tiêu hóa và chức năng của gan.
6. Rèn luyện được kỹ năng tích cực, chủ động, sáng tạo, giải quyết tình huống, kỹ năng tư vấn trong học tập để làm việc nhóm được hiệu quả.

Nội dung

1. Giới thiệu về phúc mạc
2. Miệng và các cấu trúc phụ thuộc
3. Ống tiêu hóa
4. Các tạng tiêu hóa
5. Quá trình tiêu hóa ở miệng và thực quản
6. Tiêu hóa ở dạ dày
7. Tiêu hóa ở ruột non
8. Tiêu hóa ở ruột già
9. Gan và các chức năng của gan

Bài 9: Sinh lý máu

Thời gian: 3 giờ (LT 03 giờ; TH 00 giờ)

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được thành phần và đặc điểm tính chất của máu.
2. Trình bày được cấu tạo, chức năng, số lượng bình thường của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu
3. Trình bày được phân loại hệ nhóm máu ABO, hệ nhóm máu Rh Phân tích cơ bản được các giá trị bình thường và bất thường các chỉ số: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hemoglobin trên các kết quả xét nghiệm cận lâm sàng và ứng dụng trên lâm sàng
4. Ý thức được tầm quan trọng của máu đối với cơ thể người và an toàn khi truyền máu.
5. Rèn luyện được kỹ năng tích cực, chủ động, sáng tạo, giải quyết tình huống, kỹ năng tư vấn trong học tập để làm việc nhóm được hiệu quả.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tính chất của máu
3. Chức năng của máu
4. Các thành phần của máu
 - 1.1. Hồng cầu
 - 1.2. Bạch Cầu
 - 1.3. Tiểu cầu

Bài 10: Giải phẫu- sinh lý hệ tiết niệu *Thời gian: 06 giờ (LT 04 giờ; TH 02 giờ)*

Mục tiêu bài học

1. Mô tả được vị trí hình thể ngoài, liên quan của thận, niệu quản, bàng quang, niệu đạo.
2. Vận dụng kiến thức về giải phẫu để chỉ được các mốc giải phẫu hệ tiết niệu trên mô hình tại phòng tiền lâm sàng.
3. Vận dụng kiến thức về sinh lý tiết niệu để giải thích được quá trình lọc của quá trình tạo nước tiểu.
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung

1. Giải phẫu hệ tiết niệu
 - 1.1. Thận
 - 1.2. Vị trí, số lượng, kích thước
 - 1.3. Hình thể ngoài và liên quan
 - 1.4. Hình thể trong
 - 1.5. Cấu tạo mô học
 - 1.6. Bao thận
 - 1.7. Niệu quản
 - 1.8. Giới hạn và kích thước
 - 1.9. Phân đoạn, liên quan
 - 1.10. Bàng quang
 - 1.11. Vị trí
 - 1.12. Hình thể ngoài và liên quan
 - 1.13. Hình thể trong
 - 1.14. Niệu đạo
 - 1.15. NĐ nam
 - 1.16. Niệu đạo nữ
2. Sinh lý tiết niệu
 - 2.2. Quá trình lọc cầu thận
 - 2.2.1. Cơ chế lọc
 - 2.2.2. Thành phần dịch lọc
 - 2.2.3. Yếu tố ảnh hưởng lưu lượng lọc
 - 2.2.4. Điều hòa lưu lượng lọc
 - 2.3. Tái hấp thu và bài tiết ống thận

2.3.1. Ống lượn gần

2.3.2. Ống lượn xa

2.3.3. Quai henle

2.3.4. Ống góp

2.4 Kết quả quá trình tái hấp thu và bài tiết

2.5 Đường dẫn niệu, động tác tiểu tiện

Bài 11: Giải phẫu- sinh lý hệ sinh dục Thời gian: 06 giờ (LT 04 giờ; TH 02 giờ)

Mục tiêu bài học

1. Mô tả vị trí, hình thể ngoài và cấu tạo của cơ quan sinh dục nam, nữ.
2. Trình bày được chức năng nội tiết của buồng trứng
3. Trình bày được các giai đoạn của chu kỳ kinh nguyệt
4. Trình bày được chức năng nội tiết và chức năng tạo tinh trùng của tinh hoàn.
5. Trình bày được các biện pháp tránh thai
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung

Phần Giải phẫu sinh dục

1. Cơ quan sinh dục nữ giới
 - 1.1. Các cơ quan sinh dục trong
 - 1.2. Buồng trứng
 - 1.3. Vòi tử cung
 - 1.4. Tử cung
 - 1.5. Âm đạo
 - 1.6. Các cơ quan sinh dục ngoài
 - 1.7. Âm hộ
 - 1.8. Các tạng cương
 - 1.9. Các tuyến sinh dục
 - 1.10. Tuyến vú
2. Cơ quan sinh dục nam
 - 1.11. Cơ quan sinh dục trong
 - 2.2.1. Tinh hoàn
 - 2.2.2. Đường dẫn tinh
 - 2.2.3. Các tuyến sinh dục nam

2.3 Cơ quan sinh dục ngoài

2.3.1. Dương vật

2.3.2. Bìu

Phần Sinh lý sinh dục

1. Chức năng bộ máy sinh dục nữ

1.1. Hormon của buồng trứng

1.2. Estrogen

1.3. Progesteron

1.4. Inhibin

1.5. Điều hòa chức năng buồng trứng

1.6. Chu kì kinh nguyệt

1.7. Định nghĩa

1.8. Giai đoạn tăng sinh

1.9. Giai đoạn bài tiết

1.10. Giai đoạn hành kinh

1.11. Đặc điểm giai đoạn dậy thì, mang thai, tiền mãn kinh, mãn kinh

1.12. Cơ sở sinh lý của các biện pháp tránh thai

1.13. Tránh thai tạm thời

1.14. Tránh thai vĩnh viễn.

2. Sinh lý sinh sản nam

2.1 Chức năng tinh hoàn

2.1.2. Ngoại tiết

2.1.3. Nội tiết

2.2 Hoạt động sinh dục nam

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
- Dụng cụ chăm sóc (thực hành)

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình và tình huống lâm sàng cho sinh viên.
- Bài giảng slide
- Mô hình

- Mục tiêu bài học

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)

- Chia tổ thực hành: không quá 25 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Kiến thức: Hiểu về giải phẫu cơ thể người, kiến thức về sinh lý để giải thích các quy luật hoạt động sinh lý của các cơ quan cơ thể trong mối liên hệ thống nhất với nhau, mối liên hệ giữa cơ thể với môi trường sống.

- Kỹ năng:

+ Chỉ được vị trí các hệ cơ quan cơ thể người tại phòng thực hành giải phẫu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện được thái độ tôn trọng, ân cần trong giao tiếp và ứng xử của điều dưỡng với người bệnh, người bệnh mô phỏng (người đóng thế)..

+ Sử dụng tốt công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Biết được một số từ tiếng anh chuyên ngành. Có khả năng độc lập hoặc phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Biết quản lý thời gian. Tự tin phát biểu trước môi trường học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm

+ Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc mô-đun

+ Hình thức: thi trắc nghiệm

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31.

3. Hướng dẫn thực hiện môn học

3.1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật PHCN vào học kỳ 1.

3.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Thông báo cho sinh viên biết trước nội dung giảng dạy, đưa tình huống lâm sàng, câu hỏi thảo luận để sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp. Sử dụng các phương pháp giảng dạy để tích cực hóa sinh viên trong học tập.
- Giảng dạy lý thuyết, giảng viên giảm thuyết trình mà đưa ra tình huống lâm sàng để sinh viên thảo luận, phát biểu, giảng viên tóm tắt các nội dung của sinh viên, tổng hợp các vấn đề lý thuyết.
- Để giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết sau mỗi bài cần giao bài tập đến từng sinh viên. Các bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học, kiểm tra đánh giá và công bố kết quả công khai.
Tăng cường sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, trình diễn mẫu để tăng hiệu quả dạy học.

4. Chuẩn bị

- Đối với giảng viên , giảng viên:
 - + Cung cấp tài liệu, tình huống lâm sàng, câu hỏi yêu cầu cho sinh viên
 - + Hướng dẫn cho sinh viên tự học trước khi đến lớp
 - + Nghiên cứu sản phẩm tự học của sinh viên trước buổi giảng
 - + Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật liệu dạy học
 - + Soạn giáo án giảng dạy.
 - + Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Tích hợp, lớp học đảo chiều, giải quyết tình huống, hướng dẫn thực hành
- Đối với sinh viên:
Chuẩn bị trước khi đến lớp
 - + Nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu tình huống và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên trong các tình huống. Xem video hệ cơ quan GPSL, nghiên cứu tài liệu.
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - + Mạnh dạn liên hệ với giảng viên (cố vấn học tập) để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu qua các địa chỉ Email, gọi điện ...

- + Chuẩn bị các phương tiện trình bày, thảo luận nhóm khi đến lớp
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và mỗi cá nhân được nhóm đánh giá.
- + Mỗi bài chuẩn bị bài tập nhóm cần có trưởng nhóm; thư ký; báo cáo viên; người theo dõi thời gian.

Chuẩn bị hoạt động trên lớp

Ngồi đúng nhóm theo sự phân công, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công trong nhóm.

- + Thực hiện báo cáo kết quả thảo luận
- + Hăng hái đóng góp ý kiến trong giờ thảo luận
- + Bổ sung, góp ý kiến cho các thành viên trong nhóm hoặc nhóm khác
- + Lắng nghe ý kiến góp ý của giảng viên.

5. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình GPSL
- Nguyễn Văn Huy, Giải phẫu học, Nhà xuất bản Y học
- Phạm Thị Minh Đức, Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học

TÊN MÔ ĐUN: VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG

Mã môn học: MD4

Thời gian thực hiện môn học: 32 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Thi/kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học bắt buộc, vào kỳ 2 của chương trình đào tạo
- Tính chất: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về vi sinh – ký sinh trùng y học.

II. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus.
2. Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng bệnh và điều trị các bệnh do một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.
3. Trình bày được các đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, các phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng bệnh đối với các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

III. Nội dung môn học:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			Kiểm tra
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	
1.	Đại cương về vi khuẩn; virút;	2	2	0	2
2.	Sự đề kháng của cơ thể vi sinh vật gây bệnh	4	4	0	
3.	Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp: (Tụ cầu, liên cầu, phế cầu, ly)	5	5	0	
4.	Một số virus gây bệnh thường gặp: (Cúm, Sởi, Dengue, viêm gan, HIV)	5	5	0	
5.	Đại cương về ký sinh trùng	2	2	0	
6.	Ký sinh trùng sốt rét	3	3	0	
7.	Các loại giun tròn gây bệnh trên người (giun chỉ, đũa, tóc, móc, kim)	5	5	0	
8.	Các loại sán gây bệnh thường gặp	4	4	0	
9.	Kiểm tra	2	0	0	
	TỔNG	32	30	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Đại cương vi khuẩn, virút

Thời gian 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được định nghĩa vi khuẩn và tầm quan trọng của ngành vi khuẩn học.
2. Trình bày được các dạng hình thể và kích thước vi khuẩn.
3. Vẽ và mô tả được cấu tạo tế bào vi khuẩn.
4. Trình bày khái niệm, cấu trúc, đặc điểm chung của virus gây bệnh.
5. Trình bày quá trình nhân lên của virút trong tế bào cảm thụ và hậu quả quá trình nhân lên

Nội dung bài

1. Hình thể vi khuẩn

- 1.1. Cầu khuẩn
- 1.2. Trục khuẩn
- 1.3. Xoắn khuẩn

2. Cấu tạo vi khuẩn

- 2.1. Nhân
- 2.2. Nguyên sinh chất
- 2.3. Màng nguyên sinh
- 2.4. Vách
- 2.5. Vỏ
- 2.6. Lôông
- 2.7. Pili
- 2.8. Nha bào

3. Sinh lý vi khuẩn

- 3.1. Dinh dưỡng của vi khuẩn
- 3.2. Hô hấp của vi khuẩn
- 3.3. Chuyển hóa của vi khuẩn

4. Sự phát triển vi khuẩn

- 4.1. Sự phát triển của vi khuẩn trong môi trường lỏng
- 4.2. Sự phát triển của vi khuẩn trong môi trường đặc
- 4.3. Sinh sản của vi khuẩn

5. Khái niệm virut

6. Đặc điểm sinh học cơ bản

- 6.1. Cấu trúc cơ bản
- 6.2. Cấu trúc riêng
7. Sự nhân lên của virus trong tế bào cảm thụ
8. Hậu quả của sự tương tác virus và tế bào

Bài 2. Sự đề kháng của cơ thể vi sinh vật gây bệnh

Thời gian 04 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được khái niệm về 2 hệ thống phòng ngự của cơ thể.
2. Nêu được vai trò của các hàng rào trong hệ thống phòng ngự không đặc hiệu.
3. Trình bày được các cơ chế bảo vệ của kháng thể và cơ chế miễn dịch tế bào của hàng rào phòng ngự đặc hiệu trong chống nhiễm trùng

Nội dung bài

1. Miễn dịch
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Kháng nguyên
 - 1.3. Kháng thể
2. Hệ thống phòng ngừa tự nhiên
 - 2.1. Hàng rào da và niêm mạc
 - 2.2. Hàng rào tế bào
 - 2.3. Hàng rào thể dịch
3. Hệ thống phòng ngừa đặc hiệu
 - 3.1. Miễn dịch dịch thể
 - 3.2. Miễn dịch tế bào

Bài 3. Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian 05 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh của Tụ cầu, liên cầu, lậu cầu, phế cầu
2. Trình bày được chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh do của Tụ cầu, liên cầu, lậu cầu, phế cầu

Nội dung bài

1. Tụ cầu
 - 1.1. Đặc điểm sinh học
 - 1.1.1. Hình thể và tính chất bắt màu

- 1.1.2. Nuôi cấy
- 1.1.3. Khả năng đề kháng
- 1.2. Khả năng gây bệnh
- 1.3. Chẩn đoán
- 1.4. Phòng bệnh và điều trị
2. Liên cầu
- 2.1. Đặc điểm sinh học
- 2.1.1. Hình thể và tính chất bắt màu
- 2.1.2. Nuôi cấy
- 2.1.3. Khả năng đề kháng
- 2.2. Khả năng gây bệnh
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Phòng bệnh và điều trị
3. Lậu cầu
- 3.1. Đặc điểm sinh học
- 3.1.1. Hình thể và tính chất bắt màu
- 3.1.2. Nuôi cấy
- 3.1.3. Khả năng đề kháng
- 3.2. Khả năng gây bệnh
- 3.3. Chẩn đoán
- 3.4. Phòng bệnh và điều trị
4. Phế cầu
- 4.1. Đặc điểm sinh học
- 4.1.1. Hình thể và tính chất bắt màu
- 4.1.2. Nuôi cấy
- 4.1.3. Khả năng đề kháng
- 4.2. Khả năng gây bệnh
- 4.3. Chẩn đoán
- 4.4. Phòng bệnh và điều trị
5. Ly
- 5.1. Đặc điểm sinh học
- 5.1.1. Hình thể và tính chất bắt màu
- 5.1.2. Nuôi cấy

5.1.3. Khả năng đề kháng

5.2. Khả năng gây bệnh

5.3. Chẩn đoán

5.4. Phòng bệnh và điều trị

Bài 4. Một số virus gây bệnh thường gặp

Thời gian 05 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh của virus cúm, sởi, dengue, viêm gan, HIV
2. Trình bày được chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh do virus cúm, sởi, dengue, viêm gan, HIV

Nội dung bài

1. Virus cúm
 - 1.1. Đặc điểm sinh học
 - 1.1.1. Cấu trúc
 - 1.1.2. Nuôi cấy
 - 1.1.3. Khả năng đề kháng
 - 1.2. Khả năng gây bệnh
 - 1.3. Chẩn đoán
 - 1.4. Phòng bệnh và điều trị
2. Virus sởi
 - 2.1. Đặc điểm sinh học
 - 2.1.1. Cấu trúc
 - 2.1.2. Nuôi cấy
 - 2.1.3. Khả năng đề kháng
 - 2.2. Khả năng gây bệnh
 - 2.3. Chẩn đoán
 - 2.4. Phòng bệnh và điều trị
3. Virus Dengue
 - 3.1. Đặc điểm sinh học
 - 3.1.1. Cấu trúc
 - 3.1.2. Nuôi cấy
 - 3.1.3. Khả năng đề kháng
 - 3.2. Khả năng gây bệnh

- 3.3. Chẩn đoán
- 3.4. Phòng bệnh và điều trị
- 4. Virus viêm gan
 - 4.1. Đặc điểm sinh học
 - 4.1.1. Cấu trúc
 - 4.1.2. Nuôi cấy
 - 4.1.3. Khả năng đề kháng
 - 4.2. Khả năng gây bệnh
 - 4.3. Chẩn đoán
 - 4.4. Phòng bệnh và điều trị
- 5. Virus HIV
 - 5.1. Đặc điểm sinh học
 - 5.1.1. Cấu trúc
 - 5.1.2. Nuôi cấy
 - 5.1.3. Khả năng đề kháng
 - 5.2. Khả năng gây bệnh
 - 5.3. Chẩn đoán
 - 5.4. Phòng bệnh và điều trị

Bài 5. Đại cương về ký sinh trùng

Thời gian 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày những khái niệm cơ bản về ký sinh trùng.
2. Trình bày các loại chu kỳ của KST.
3. Mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thái cấu tạo và đặc điểm ký sinh của KST.
4. Trình bày đặc điểm sống và sinh sản của KST.
5. Trình bày tóm tắt đặc điểm dịch tễ học KST ở VN
6. Trình bày nguyên tắc và biện pháp phòng chống KST và bệnh KST.

Nội dung bài

1. Các thuật ngữ cơ bản dùng trong ký sinh trùng
2. Đặc điểm hình thể và cấu tạo cơ quan của ký sinh trùng
3. Đặc điểm ký sinh và sinh sản của ký sinh trùng
4. Phân loại chu kỳ sống và ý nghĩa thực tiễn
5. Tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng

Bài 6. Ký sinh trùng sốt rét

Thời gian 03 giờ

Mục tiêu bài học

1. Mô tả được đặc điểm hình thể và cấu tạo của KST sốt rét
2. Trình bày được chu kỳ phát triển của KST sốt rét
3. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, bệnh học, chẩn đoán và điều trị bệnh KST sốt rét

Nội dung bài

1. Hình thể
2. Đặc điểm sinh học
3. Chu kỳ
 - 3.1. Giai đoạn tiền hồng cầu
 - 3.2. Giai đoạn hồng cầu
4. Bệnh học và triệu chứng
5. Chẩn đoán
6. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống

Bài 7. Các loại giun tròn gây bệnh trên người

Thời gian 05 giờ

Mục tiêu bài học

1. Mô tả được đặc điểm hình thể và cấu tạo của các loại giun đũa, giun tóc; giun móc/mỏ, giun kim
2. Trình bày được chu kỳ phát triển của giun đũa, giun tóc; giun móc/mỏ, giun kim
3. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, bệnh học, chẩn đoán và điều trị giun đũa, giun tóc; giun móc/mỏ, giun kim

Nội dung bài

1. Giun đũa
 - 1.1. Hình thể
 - 1.2. Chu kỳ phát triển
 - 1.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học
 - 1.4. Chẩn đoán
 - 1.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống
2. Giun tóc
 - 2.1. Hình thể
 - 2.2. Chu kỳ phát triển

- 2.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống
- 3. Giun móc/mỏ
- 3.1. Hình thể
- 3.2. Chu kỳ phát triển
- 3.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học
- 3.4. Chẩn đoán
- 3.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống
- 4. Giun kim
- 4.1. Hình thể
- 4.2. Chu kỳ phát triển
- 4.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học
- 4.4. Chẩn đoán
- 4.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống

Bài 8. Các loại sán gây bệnh thường gặp

Thời gian 04 giờ

Mục tiêu bài học

- 1. Mô tả được đặc điểm hình thể và cấu tạo của các loại sán lá gan nhỏ, sán lá ruột, sán lá phổi
- 2. Trình bày được chu kỳ phát triển của sán lá gan nhỏ, sán lá ruột, sán lá phổi
- 3. Trình bày được đặc điểm dịch tễ, bệnh học, chẩn đoán và điều trị sán lá gan nhỏ, sán lá ruột, sán lá phổi

Nội dung bài

- 1. Sán lá gan nhỏ
 - 1.1. Hình thể
 - 1.2. Chu kỳ phát triển
 - 1.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học
 - 1.4. Chẩn đoán
 - 1.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống
- 2. Sán lá phổi
 - 2.1. Hình thể
 - 2.2. Chu kỳ phát triển
 - 2.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học

2.4. Chẩn đoán

2.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống

3. Sán lá ruột

3.1. Hình thể

3.2. Chu kỳ phát triển

3.3. Đặc điểm dịch tễ, bệnh học

3.4. Chẩn đoán

3.5. Nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng chống

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Lý thuyết: học tập trung tại giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng điện tử, giấy A0, bút, phấn,..

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Trình bày được những kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus.
- Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng bệnh và điều trị các bệnh do một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.
- Trình bày được các đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, các phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng bệnh đối với các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm

- + Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ
- Điểm thi kết thúc mô đun
- + Hình thức: thi trắc nghiệm
- + Thời gian: 60 – 90 phút
- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật PHCN vào kỳ 2.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên, thảo luận nhóm

- Đối với người học:

Đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học. Tham gia đầy đủ các buổi học, kiểm tra và thi.

Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các đặc điểm về cấu tạo của vi khuẩn, virus, ký sinh trùng.

Đặc điểm một số loại vi khuẩn, virus, ký sinh trùng thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Vi sinh - Trường Đại học Y Hà Nội (2017). Vi sinh Y học. NXB Y học.
- Bộ Y tế (2017). Ký sinh trùng. NXB Y học.

TÊN MÔ ĐƠN: DƯỢC LÝ – SINH LÝ BỆNH MIỄN DỊCH

Mã mô đơn: MD5

Thời gian thực hiện mô đơn: 47 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành/thảo luận/bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn:

Vị trí: là mô đơn thuộc phần kiến thức y học cơ sở

Tính chất: Mô đơn này cung cấp kiến thức của hai môn học y học cơ sở

- **Sinh lý bệnh miễn dịch:** Những kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan khi bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn xét nghiệm lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

- **Dược lý:** Những kiến thức cơ bản về dược động học: hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể. Những kiến thức phân dược động học: cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng các thuốc thông thường, nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập. Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu mô đơn

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những khái niệm chính về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh.

+ Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan trong một số tình trạng bệnh lý thường gặp.

+ Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc và nhận biết và nguyên tắc sử dụng các dạng thuốc.

+ Trình bày tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng thuốc thiết yếu

+ Hướng dẫn sử dụng đúng các loại thuốc thường dùng và quản lý thuốc, đúng quy chế trong phạm vi được phân công.

- Về kỹ năng:

+ Trình bày được cơ chế của các tình trạng bệnh lý thường gặp; vận dụng được vào việc học tập một số môn Y học cơ sở khác và môn chuyên ngành.

+ Rèn luyện tác phong thận trọng, tỷ mỉ, chính xác khi dùng thuốc

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin, tự học, thuyết trình nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (Giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
I	Sinh lý bệnh – MD	22	22	1
1	Khái niệm đáp ứng miễn dịch	2	2	
2	Đáp ứng miễn dịch dịch thể	2	2	
3	Đáp ứng miễn dịch tế bào	2	2	
4	Kết hợp Kháng nguyên – Kháng thể	2	2	
5	Vaccin và huyết thanh	2	2	
6	Sinh lý bệnh quá trình viêm	2	2	
7	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt	2	2	
8	Rối loạn nước điện giải	2	2	
9	Rối loạn chuyển hóa Glucid	2	2	
10	Rối loạn chuyển hóa Lipid, protid	2	2	
11	Rối loạn thăng bằng kiềm toan	2	2	
II	Dược lý	23	23	1
12	Dược lý đại cương Một số khái niệm cơ bản về thuốc và cách sử dụng	5	5	
13	Glucocorticoid, hormone sinh dục, thuốc tránh thai	4	4	0
14	Thuốc điều trị dị ứng, hen phế quản	2	2	
15	Thuốc kháng sinh	4	4	
16	Thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng	2	2	
17	Thuốc chống viêm không steroid	2	2	
18	Thuốc điều trị tăng huyết áp	2	2	
19	Thuốc điều trị đái tháo đường, rối loạn lipid	2	2	
	Tổng số	47	45	2

1. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái niệm đáp ứng miễn dịch

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được khái niệm đáp ứng miễn dịch, các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch
2. Trình bày được khái niệm miễn dịch tự nhiên và các hàng rào của miễn dịch tự nhiên

Nội dung

1. Khái niệm đáp ứng miễn dịch
2. Các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch
 - 2.1. Cơ quan lympho trung ương
 - 2.2. Cơ quan lympho ngoại vi
 - 2.3. Các tế bào miễn dịch
3. Miễn dịch tự nhiên
 - 3.1 Khái niệm
 - 3.2. Các hàng rào của đáp ứng miễn dịch tự nhiên
 - 3.2.1. Hàng rào vật lý
 - 3.2.2. Hàng rào hóa học
 - 3.2.3. Hàng rào tế bào
 - 3.2.4. Hàng rào thể chất

Bài 2: Đáp ứng miễn dịch tế bào

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được quá trình hình thành đáp ứng miễn dịch thu được
2. Trình bày được các đặc điểm của đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào

Nội dung

1. Miễn dịch thu được (miễn dịch đặc hiệu)
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Những đặc điểm cơ bản của đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
 - 1.3. Phân loại đáp ứng miễn dịch thu được
2. Đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào
 - 2.1. Chức năng của Lympho Th (TCD4)
 - 2.2. Chức năng của Tc (TCD8)

Bài 3: Đáp ứng miễn dịch dịch thể

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các đặc điểm của đáp ứng miễn dịch dịch thể

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Cấu trúc kháng thể
 - 2.1. Đặc điểm các loại kháng thể
 - 2.2. Chức năng kháng thể

Bài 4: Kết hợp Kháng nguyên – Kháng thể

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được về các loại kháng nguyên và tính sinh miễn dịch của nó.
2. Trình bày đặc tính trong phản ứng kết hợp KN-KT.
3. Trình bày nguyên lý và các loại phản ứng tủa.
4. Trình bày nguyên lý và các loại phản ứng ngưng kết.
5. Trình bày các loại kỹ thuật đánh dấu.

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Kháng nguyên
 - 1.2 Paratop và epitop
 - 1.3. Ba đặc tính của phản ứng kết hợp Kháng nguyên – Kháng thể
2. Các loại phản ứng kết hợp Kháng nguyên – Kháng thể in vitro
 - 2.1. Phản ứng tủa
 - 2.1.1. Phản ứng tủa phát hiện Kháng nguyên hoặc kháng thể trong môi trường lỏng
 - 2.1.2. Phản ứng tủa trong gel
 - 2.2. Phản ứng ngưng kết
 - 2.2.1. Ngưng kết chủ động (hay trực tiếp)
 - 2.2.2. Ngưng kết thụ động (hay gián tiếp)
 - 2.2.3. Phản ứng Coombs
 - 2.3. Miễn dịch đánh dấu
 - 2.3.1. Miễn dịch huỳnh quang
 - 2.3.2. Miễn dịch gắn enzym (ELISA: Enzym linked immunosorbent assay)
 - 2.3.3. Miễn dịch phóng xạ (RIA: Radio-Immunoassay)
 - 2.3.4. Dấu ấn miễn dịch Western blotting

Bài 5: Vaccin và huyết thanh

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích được các khái niệm cơ bản về vacxin và huyết thanh
2. Vận dụng được các kiến thức trong bài để giải thích mối liên quan giữa vacxin và huyết thanh với sức khỏe và bệnh tật

Nội dung

1. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc tiêm vaccin
2. Phân loại vaccin
 - 2.1. Các loại vaccin thông thường
 - 2.1.1. Vaccin sống giảm độc lực
 - 2.1.2. Vaccin bất hoạt
 - 2.1.3. Vaccin tinh thể
 - 2.2. Vaccin mới
 - 2.2.1. Vaccin mới tái tổ hợp
 - 2.2.2. Các vaccin sống được biến đổi
 - 2.2.3. Vaccin peptid hay tổng hợp
 - 2.2.4. Vaccin gen học
3. Lịch tiêm chủng
4. Huyết thanh điều trị
 - 4.1. Nguồn gốc kháng thể
 - 4.1.1. Sử dụng các kháng thể làm từ huyết thanh động vật
 - 4.1.2. Sử dụng các kháng thể lấy từ huyết thanh người
 - 4.1.3. Sử dụng kháng thể đơn clon
 - 4.2. Ứng dụng điều trị
 - 4.2.1. Huyết thanh miễn dịch
 - 4.2.2. Các globulin người
 - 4.2.3. Kháng thể

Bài 6: Sinh lý bệnh quá trình viêm

Thời gian 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được khái niệm và nguyên nhân gây viêm
2. Phân tích cơ chế, biểu hiện của rối loạn vận mạch tại ổ viêm.
3. Trình bày cơ chế và vai trò của phản ứng tế bào trong viêm.

4. Trình bày được đặc điểm rối loạn chuyển hóa và quá trình lành vết thương trong viêm.

5. Phân tích mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Khái niệm

1.2. Nguyên nhân gây viêm

1.2.1. Nguyên nhân bên ngoài

1.2.2. Nguyên nhân bên trong

1.3. Phân loại viêm

2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm

2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm

2.1.1. Rối loạn vận mạch

2.1.2. Hình thành dịch viêm

2.1.3. Bạch cầu xuyên mạch

2.1.4. Bạch cầu thực bào

2.2. Rối loạn chuyển hóa trong ổ viêm

2.2.1. Rối loạn chuyển hóa glucid

2.2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa protid

2.3. Tổn thương mô

2.4. Tăng sinh tế bào – Quá trình lành vết thương

3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể

3.1. Ảnh hưởng của cơ thể đối với ổ viêm

3.1.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm

3.1.2. Ảnh hưởng của nội tiết đến phản ứng viêm

3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể

3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 7: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Giải thích sự điều hòa thân nhiệt của cơ thể

2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế và ý nghĩa y học của sốt

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt
 - 1.2. Trung tâm điều hòa nhiệt
2. Thay đổi thân nhiệt thụ động
 - 2.1. Hạ thân nhiệt
 - 2.1.1. Hạ thân nhiệt sinh lý
 - 2.1.2. Hạ thân nhiệt bệnh lý
 - 2.2. Tăng thân nhiệt
3. Tăng thân nhiệt chủ động: Sốt
 - 3.1. Định nghĩa sốt
 - 3.2. Chất gây sốt (pyrogen) và cơ chế gây sốt
 - 3.2.1. Chất gây sốt ngoại sinh
 - 3.2.2. Chất gây sốt nội sinh
 - 3.2.3. Cơ chế gây sốt
 - 3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt
 - 3.3.1. Giai đoạn tăng thân nhiệt (sốt lên)
 - 3.3.2. Giai đoạn thân nhiệt ổn định ở mức cao (sốt đứng)
 - 3.3.3. Giai đoạn thân nhiệt trở về bình thường (sốt lui)
 - 3.4. Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến sốt
 - 3.4.1. Sự điều chỉnh hoạt động trung tâm điều nhiệt
 - 3.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới sốt
 - 3.4.3. Các kiểu sốt
 - 3.5. Rối loạn chuyển hóa trong sốt
 - 3.5.1. Chuyển hóa năng lượng
 - 3.5.2. Chuyển hóa glucid
 - 3.5.3. Chuyển hóa lipid
 - 3.5.4. Chuyển hóa protid
 - 3.5.5. Chuyển hóa muối nước và thăng bằng acid-base
 - 3.6. Rối loạn chức năng các cơ quan trong sốt
 - 3.6.1. Rối loạn chức năng thần kinh
 - 3.6.2. Rối loạn chức năng tuần hoàn
 - 3.6.3. Rối loạn chức năng hô hấp
 - 3.6.4. Rối loạn chức năng tiêu hóa

3.6.5. Rối loạn chức năng cơ quan tiết niệu

3.6.6. Rối loạn chức năng nội tiết

3.6.7. Rối loạn chức năng gan

3.6.8. Rối loạn chức năng miễn dịch

3.7. Ý nghĩa của sốt

3.7.1. Ý nghĩa bảo vệ

3.7.2. Tác dụng xấu

3.7.3. Thái độ xử trí

Bài 8: Rối loạn nước và điện giải

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được vai trò và sự phân bố nước, các chất điện giải trong cơ thể người, các kiểu rối loạn nước và điện giải ở người bệnh.
2. Xác định được tình trạng rối loạn nước và điện giải, nhận biết được tình trạng mất nước, thừa nước ở người bệnh.
3. Xác định được sự cần thiết phải đánh giá rối loạn nước và điện giải cho người bệnh.

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Nước

1.2. Các chất điện giải

2. Cân bằng nước và muối trong cơ thể

2.1. Cân bằng trao đổi nước của cơ thể

2.2. Cân bằng trao đổi muối

3. Phân bố, trao đổi nước và điện giải giữa các khu vực trong cơ thể

3.1. Sự phân bố nước và các chất điện giải

3.2. Trao đổi nước, điện giải giữa gian bào và lòng mạch

3.3. Trao đổi nước, điện giải giữa gian bào và tế bào

4. Điều hòa lượng nước và áp lực thẩm thấu

4.1. Vai trò của thần kinh cảm giác khát

4.2. Vai trò của nội tiết

4.2.1. ADH

4.2.2. Aldosteron

5. Rối loạn phân bố nước và điện giải

5.1. Rối loạn phân bố nước

5.1.1. Mất nước

5.1.2. Phù

5.2. Rối loạn cân bằng điện giải

5.2.1. Cân bằng Natri

5.2.2. Cân bằng Kali

5.2.3. Cân bằng Clo

Bài 9: Rối loạn chuyển hóa Glucid

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến đường huyết (CĐRMĐ 2,4,5)
2. Mô tả được sinh lý bệnh của hạ glucose máu, tăng glucose máu và mối liên quan của các xét nghiệm với các tình trạng bệnh lý.

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Vai trò điều hòa của nội tiết

1.2. Vai trò thần kinh

2. Rối loạn chuyển hóa glucid

2.1. Rối loạn glucose máu nói chung

2.1.1. Giảm glucose máu

2.1.2. Tăng glucose máu

2.2. Bệnh Đái tháo đường

2.2.1. Bệnh nguyên và bệnh sinh của Đái tháo đường typ 1

2.2.2. Bệnh nguyên và bệnh sinh của Đái tháo đường typ 2

2.2.3. Biến chứng và hậu quả

Bài 10: Rối loạn chuyển hóa lipid, protid

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Phân tích được các dạng lipoprotein trong máu: đặc điểm và vai trò sinh học của từng loại
2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của một số rối loạn chuyển hóa lipid thường gặp
3. Trình bày nguyên nhân, giải thích các biểu hiện rối loạn số lượng protid huyết tương
4. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện thay đổi thành phần protid huyết tương
5. Trình bày cơ chế bệnh sinh do thay đổi về đặc trưng protid và các rối loạn thoái hóa protid

Nội dung

I. Rối loạn chuyển hóa lipid

1. Đại cương

2. Các rối loạn chuyển hóa lipid thường gặp và cơ chế bệnh sinh

2.1. Các rối loạn chuyển hóa lipid thường gặp

2.2. Cơ chế bệnh sinh

2.2.1. Tăng lipid máu

2.2.2. Rối loạn lipoprotein

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol

2.2.4. Béo phì

2.2.5. Gan nhiễm mỡ

2.2.6. Xơ vữa động mạch

3. Hậu quả của rối loạn chuyển hóa lipid thường gặp

II. Rối loạn chuyển hóa Protid

1. Đại cương

1.1. Vai trò của protid trong cơ thể

1.2. Nhu cầu

1.3. Chuyển hóa

2. Rối loạn chuyển hóa protid

2.1. Rối loạn protid số lượng huyết tương

2.1.1. Giảm lượng protid huyết tương

2.1.2. Tăng lượng protid huyết tương

2.2. Rối loạn tổng hợp protid về chất

2.2.1. Rối loạn gen cấu trúc

2.2.2. Rối loạn gen điều hòa

2.3. Rối loạn chuyển hóa acid nucleic

Bài 11: Rối loạn thăng bằng acid-base

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được phân loại rối loạn thăng bằng acid -base, cho ví dụ

2. Trình bày được bệnh nguyên và cơ chế rối loạn đặc trưng của nhiễm acid hơi bệnh lý.

3. Trình bày được bệnh nguyên và cơ chế rối loạn đặc trưng của nhiễm acid cố định bệnh lý.

4. Trình bày được ý nghĩa các thông số đánh giá thăng bằng kiềm toan ?

Nội dung

1. pH máu

2. Các cơ chế điều hòa pH của máu

2.1. Vai trò của các hệ thống đệm

2.1.1. Các hệ thống đệm

2.1.2. Hoạt động của hệ đệm

2.1.3. Tính chất của các hệ thống đệm

2.2. Vai trò của hô hấp

2.2.1. Ở các mô

2.2.2. Ở phổi

2.2.3. Trung tâm hô hấp rất nhạy cảm với CO₂

2.3. Vai trò của thận

3. Rối loạn cân bằng acid-base

3.1. Nhiễm acid (nhiễm toan)

3.1.1. Phân loại nhiễm acid

3.1.2. Một vài loại nhiễm acid thường gặp

3.2. Nhiễm base (nhiễm kiềm)

3.2.1. Nhiễm base hơi

3.2.2. Nhiễm base cố định

3.3. Đánh giá cân bằng acid-base

3.3.1. Các thông số đo khác ở huyết tương

3.3.2. Trong nước tiểu có thể đo

Bài 12: Dược lý đại cương. Cách đọc tên thuốc. Các dạng thuốc và cách sử dụng

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu bài

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về thuốc, thuốc thiết yếu

2. Thực hành được cách đọc tên thuốc

3. Trình bày được các nội dung trong đơn thuốc và trình tự thực hiện khi nhận y lệnh từ đơn thuốc

4. Nắm được các dạng bào chế thuốc thông thường và ưu, nhược điểm của các dạng bào chế thuốc

5. Thực hành hướng dẫn sử dụng một số dạng thuốc đặc biệt

Nội dung

1. Thuốc là gì
2. Tên thuốc
3. Nguyên tắc đọc tên thuốc
 - 3.1. Quy tắc chung
 - 3.2. Nguyên tắc đọc các nguyên âm và nguyên âm kép
 - 3.3. Nguyên tắc đọc các phụ âm đơn, kép và nguyên âm ghép trước phụ âm
 - 3.4. Nguyên tắc đọc các vần có phụ âm đứng sau nguyên âm khác với nguyên tắc đọc thông thường trong tiếng Việt
 - 3.5. Một số nguyên tắc đọc ngoại lệ
4. Thuốc thiết yếu
5. Đơn thuốc
6. Các dạng thuốc và sử dụng các thuốc có dạng bào chế đặc biệt
 - 6.1. Phân loại các dạng bào chế thuốc
 - 6.2. Một số dạng bào chế thuốc viên
 - 6.2.1. Viên nén
 - 6.2.2. Viên nang
 - 6.2.3. Thuốc đặt
 - 6.3. Dung dịch thuốc
 - 6.4. Thuốc hỗn dịch
 - 6.5. Thuốc tiêm truyền
 - 6.6. Thuốc mỡ

Bài 13: Glucocorticoid, hormone sinh dục, thuốc tránh thai

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được bài tiết glucocorticoid trong cơ thể
2. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid
3. Trình bày được các loại hormon sinh dục
4. Trình bày được tác dụng của hormone sinh dục nam và hormone sinh dục nữ
5. Trình bày được phân loại các thuốc tránh thai và cách sử dụng thuốc tránh thai

Nội dung

1. Glucocorticoid tổng hợp

- 1.1. Thông tin chung
- 1.2. Các nguyên tắc sử dụng glucocorticoid
- 1.3. Phân loại các thuốc glucocorticoid
- 1.4. Thuốc cụ thể
2. Hormon sinh dục nam
 - 2.1. Bài tiết hormon sinh dục nam
 - 2.2. Thuốc cụ thể
3. Hormon sinh dục nữ
 - 3.1. Estrogen
 - 3.2. Progesteron
 - 3.3. Thuốc tránh thai
 - 3.3.1. Phân loại
 - 3.3.2. Thuốc uống chống thụ thai phối hợp
 - 3.3.3. Thuốc chống thụ thai đơn thuần chỉ có progestogen
 - 3.3.4. Tránh thai khẩn cấp
 - 3.3.5. Các thuốc cụ thể

Bài 14: Thuốc điều trị dị ứng, hen phế quản

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định các thuốc điều trị hen phế quản
2. Trình bày được cách sử dụng các dụng cụ xịt, hít thuốc điều trị hen phế quản

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Các nguyên tắc điều trị hen phế quản
 - 1.2.1. Mục tiêu dài hạn của điều trị hen
 - 1.2.2. Sự hợp tác giữa bệnh nhân – nhân viên y tế
 - 1.2.3. Chu trình điều trị hen giúp giảm yếu tố nguy cơ và kiểm soát triệu chứng
2. Thuốc điều trị hen phế quản
 - 2.1. Phân loại
 - 2.2. Thuốc làm giãn phế quản
 - 2.2.1. Thuốc cường β_2 adrenergic
 - 2.2.2. Thuốc hủy phó giao cảm
 - 2.2.3. Theophyllin và dẫn xuất

2.3. Thuốc chống viêm

2.3.1. Glucocorticoid

2.3.2. Natri cromoglicat

2.3.3. Thuốc leucotrien

2.4. Cách sử dụng một số dụng cụ phân phối thuốc

2.4.1. Bình hít định liều

2.4.2. Bình hít bột khô Turbuhaler

Bài 15: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được định nghĩa, cách phân loại kháng sinh
2. Trình bày được các nguyên tắc sử dụng kháng sinh an toàn, hợp lý
3. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng của các kháng sinh có trong bài học

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Đại cương về vi khuẩn học

1.1.1. Khái quát về vi khuẩn

1.1.2. Cấu tạo tế bào vi khuẩn

1.1.3. Hệ vi khuẩn ở cơ thể người bình thường

1.2. Đại cương về kháng sinh

1.2.1. Lịch sử phát triển của kháng sinh

1.2.2. Khái niệm thuốc kháng sinh

1.2.3. Phổ kháng khuẩn

1.2.4. Phân loại

1.2.5. Các nguyên tắc sử dụng kháng sinh kháng khuẩn

2. Các thuốc cụ thể

2.1. Kháng sinh nhóm beta-lactam

2.1.1. Phân nhóm penicillin

2.1.2. Phân nhóm cephalosporin

2.1.3. Các beta-lactam khác

2.2. Kháng sinh nhóm aminoglycosid

2.2.1. Phổ kháng khuẩn

2.2.2. Tác dụng không mong muốn

- 2.2.3. Các thuốc cụ thể
- 2.3. Kháng sinh nhóm macrorid
 - 2.3.1. Phân loại
 - 2.3.2. Phổ kháng khuẩn
- 2.4. Nhóm lincosamid
- 2.5. Nhóm tetracyclin
 - 2.5.1. Các tetracyclin tự nhiên
 - 2.5.2. Các tetracyclin bán tổng hợp
- 2.6. Nhóm phenicol
- 2.7. Nhóm quinolone
 - 2.7.1. Quinolone thế hệ 1
 - 2.7.2. Các quinolone thế hệ sau
 - 2.7.3. Các thuốc cụ thể
- 2.8. Nhóm nitro-imidazol
- 2.9. Nhóm peptid
 - 2.9.1. Glycopeptid
 - 2.9.2. Polypeptid
- 2.10. Trimethoprin và sulfamethoxazol

Bài 16: Thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được cách phân loại chung của các thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng
2. Trình bày được tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều dùng, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng có trong bài học

Nội dung

1. Đại cương
2. Phân loại thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng
3. Các thuốc cụ thể
 - 3.1. Magnesi hydroxyd
 - 3.2. Nhôm hydroxyd
 - 3.3. Cimetidin và các thuốc kháng Histamin H₂
 - 3.4. Omeprazol và cá thuốc ức chế bơm proton
 - 3.5. Bismuth subcitrat

Bài 17: Thuốc chống viêm không steroid

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Kể tên được các thuốc có tác dụng giảm đau hạ sốt chống viêm không steroid
2. Trình bày được tác dụng của các thuốc chống viêm không steroid, tác dụng không mong muốn của các thuốc chống viêm không steroid trên các cơ quan

Nội dung

1. Đại cương
2. Các thuốc cụ thể
 - 2.1. Aspirin
 - 2.2. Meloxicam
 - 2.3. Piroxicam
 - 2.4. Diclofenac
 - 2.5. Indomethacin
 - 2.6. Ibuprofen
 - 2.7. Celecoxib

Bài 18: Thuốc điều trị tăng huyết áp

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được khái niệm, phân loại, đặc điểm chung, tác dụng của thuốc điều trị tăng huyết áp
2. Trình bày được tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều dùng, chống chỉ định của thuốc điều trị tăng huyết áp

Nội dung

1. Thuốc điều trị tăng huyết áp
 - 1.1. Đại cương về tăng huyết áp
 - 1.2. Phân loại các thuốc điều trị tăng huyết áp
 - 1.3. Các thuốc điều trị tăng huyết áp thường sử dụng
 - 1.3.1. Nhóm chẹn β
 - 1.3.2. Nhóm ức chế men chuyển đổi (-RAA)
 - 1.3.3. Nhóm đối kháng thụ thể Angiotensin II
 - 1.3.4. Nhóm kích thích adrenergic trung ương
 - 1.3.5. Nhóm ức chế kênh calci
 - 1.3.6. Nhóm lợi tiểu

Bài 19: Thuốc điều trị đái tháo đường, rối loạn lipid

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được các tác dụng, tác dụng không mong muốn, phân loại, cách sử dụng và bảo quản insulin
2. Trình bày được phân loại, tác dụng, tác dụng không mong muốn và thời điểm sử dụng các thuốc viên điều trị đái tháo đường
3. Trình bày được tên của một số thuốc viên điều trị đái tháo đường
4. Trình bày được khái niệm, phân loại, đặc điểm chung, tác dụng của các thuốc điều trị rối loạn lipid máu
5. Trình bày được tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều dùng, chống chỉ định của một số thuốc điều trị rối loạn lipid máu

Nội dung

1. Insulin và thuốc viên điều trị đái tháo đường
 - 1.1. Insulin
 - 1.1.1. Một số loại insulin
 - 1.1.2. Chỉ định
 - 1.1.3. Tác dụng không mong muốn
 - 1.1.4. Chống chỉ định
 - 1.1.5. Lưu ý khi sử dụng
 - 1.2. Các nhóm thuốc viên điều trị đái tháo đường
 - 1.2.1. Các Sulfonylurea (Sulphamid hạ đường máu)
 - 1.2.2. Nhóm Meglitinide
 - 1.2.3. Nhóm Biguanide – Merformin
 - 1.2.4. Nhóm ức chế men α – Glucosidase
 - 1.2.5. Nhóm Thiazolidinedione
 - 1.2.6. Nhóm ức chế men DPP-4
2. Thuốc điều trị rối loạn lipid máu
 - 2.1. Nhóm Statin
 - 2.2. Nhóm fibrat

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Các kiến thức cơ bản dược lý cơ bản, cách đọc tên thuốc, các nhóm thuốc glucocorticoid, hormone sinh dục, thuốc điều trị dị ứng, hen phế quản, kháng

sinh, thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng, thuốc chống viêm không steroid, thuốc an thần gây ngủ, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu

+ Quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan khi bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch.

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nội dung kiểm tra/thi hết module.

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

* **Điểm quá trình:** Được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thường xuyên: 2 cột, được đánh giá ở phần Dược lý 1 cột, phần Sinh lý bệnh - MD 1 cột.

+ Điểm định kỳ: 2 cột, được đánh giá ở phần Dược lý 1 cột, phần Sinh lý bệnh - MD 1 cột.

- Hình thức:

+ Kiến thức: Kiểm tra bằng test trắc nghiệm, Thời gian 45 – 60 phút

* **Điểm thi kết thúc mô đun:** Thi viết trắc nghiệm. Thời gian từ 60 – 90 phút.

* **Điểm tổng kết mô đun:**

- Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình môn học tự chọn được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật viên

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

2.1 Chuẩn bị:

- Đối với giảng viên , giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi. Chia nhóm 05 SV/nhóm.
- Đối với người học: SV làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi, gửi kết quả tự học vào email của giảng viên 2 ngày trước khi học.

2.2 Tổ chức dạy – học:

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nhận biết các dạng thuốc và trình bày được nguyên tắc sử dụng các dạng thuốc.
- Các khái niệm tác dụng, tác dụng không mong muốn của thuốc.
- Tác dụng, tác dụng không mong muốn, lưu ý khi sử dụng của các nhóm thuốc glucocorticoid, thuốc kháng sinh, thuốc điều trị dị ứng, thuốc điều trị hen, dị ứng, thuốc điều trị bệnh tim mạch, thuốc chống viêm không steroid, thuốc điều trị loét dạ dày, tá tràng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Dược thư quốc gia Việt Nam. Nhà xuất bản Y học - Bộ Y tế (2015)
- Dược lý học lâm sàng - Nhà xuất bản Y học - Bộ Y tế (2012)
- Dược lâm sàng: Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị- Nhà xuất bản Y học- Trường Đại học Dược Hà Nội và Đại học Groningen Hà Lan (2012)
- Bộ Y tế (2010). Sinh lý bệnh. NXB Giáo dục
- Trường Đại học Y Hà Nội (2007). Sinh lý bệnh và Miễn dịch. NXB Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2004). Miễn dịch. NXB Y học

TÊN MÔ ĐƠN: DINH DƯỠNG - VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM, DỊCH TỄ SỨC KHOẺ - VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Mã mô đơn: MĐ6

Thời gian thực hiện mô đơn: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; TH: 29; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn

- Vị trí: là mô đơn thuộc phần kiến thức y học cơ sở, được sắp xếp học trước các mô đơn y học chuyên ngành

- Tính chất:

+ Mô đơn này cung cấp kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Học xong mô đơn này sinh viên có thể hiểu được, ứng dụng được một số kiến thức dinh dưỡng vào thực tế.

+ Phần Dịch tễ học: Vận dụng kiến thức để biết các nguyên nhân gây bệnh, dịch tễ học, để giải thích các vấn đề sức khỏe của gia đình và cộng đồng. Vận dụng được nguyên lý phòng chống dịch, các biện pháp nâng cao sức khỏe để nâng cao sức khỏe của gia đình và cộng đồng.

+ Phần Sức khỏe - Vệ sinh môi trường: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các yếu tố có thể gây bệnh, nơi tồn tại, các con đường lây truyền, phát triển thành dịch. Các kiến thức cơ bản về phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

II. Mục tiêu mô đơn

Về kiến thức

1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng cho một số đối tượng
2. Trình bày các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Trình bày khái niệm/phân loại ngộ độc thực phẩm.
4. Trình bày được một số khái niệm dịch tễ học, cách đề cập dịch tễ học với bệnh tật, chu trình nghiên cứu dịch tễ học và các cấp độ dự phòng
5. Giải thích được một số chỉ số đo lường bệnh tật và tử vong
6. Trình bày được các thiết kế cơ bản trong nghiên cứu dịch tễ học
7. Trình bày được khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây
8. Trình bày được quá trình dịch và các nguyên lý dự phòng
9. Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

Về kỹ năng

1. Thực hiện được các quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Xây dựng được khẩu phần dinh dưỡng hợp lý
3. Phân tích được tác hại của yếu tố môi trường đến sức khỏe con người.
4. Áp dụng nguyên lý dịch tễ học giải thích được mối liên quan giữa tác nhân gây bệnh, các yếu tố môi trường và sức khỏe con người
5. Tính toán và phiên giải được một số chỉ số đo lường bệnh tật và tử vong

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thể hiện thận trọng, tỷ mỉ, chính xác, đảm bảo an toàn thực phẩm trong bệnh viện
2. Nhận thức được tầm quan trọng của mối liên quan giữa tác nhân gây bệnh, các yếu tố môi trường và sức khỏe con người
3. Nhận thức được tầm quan trọng của các cấp độ dự phòng trong dịch tễ học

II. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, thảo luận, BT	Kiểm tra
I	Chương I: Dinh dưỡng - VSATTP	13	12		1
1	Bài 1: Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng	3	3		
2	Bài 2: Thực phẩm giá trị dinh dưỡng của thực phẩm	2	2		
3	Bài 3: Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý	2	2		
4	Ngộ độc thực phẩm	2	2		
5	Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm	3	3		
6	Kiểm tra	1			
II	Chương II: Dịch tễ học	10	10		
1	Tổng quan về dịch tễ học	2	2		
2	Các chỉ số đo lường bệnh tật và tử	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, thảo luận, BT	Kiểm tra
	vong				
3	Các loại thiết kế cơ bản trong dịch tễ học	2	2		
4	Bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây truyền	2	2		
5	Quá trình dịch và các nguyên lý phòng chống dịch	2	2		
III	Chương II. Sức khỏe - Vệ sinh môi trường	9	8		1
1	Sức khỏe môi trường	2	2		
2	Ô nhiễm đất, nước và sức khỏe cộng đồng	2	2		
3	Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng	2	2		
4	Vệ sinh nhà ở và quy hoạch đô thị	2	2		
5	Kiểm tra	1	1		1
	Tổng	32	30	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I: DINH DƯỠNG – VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Bài 1.: Vai trò, nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng: thời gian 3 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được vai trò và nhu cầu của năng lượng, Protein, Lipid và Glucid với cơ thể con người
2. Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng không sinh năng lượng với cơ thể con người
3. Vận dụng kiến thức trong bài để tính toán được nhu cầu dinh dưỡng cho từng cá thể trong tư vấn dinh dưỡng và xây dựng thực đơn

4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm

Nội dung:

1. Vai trò và nhu cầu năng lượng
 - 1.1. Cân bằng năng lượng
 - 1.2. Vai trò năng lượng
 - 1.2.1. Năng lượng cho chuyển hóa cơ an
 - 1.2.2. Năng lượng cho hoạt động thể lực
 - 1.2.3. Năng lượng tiêu hao cho tác dụng động lực đặc hiệu của thức ăn.
 - 1.2.4. Tính nhu cầu năng lượng cả ngày
 - 1.3. Hậu quả của thiếu hoặc thừa năng lượng
2. Vai trò và nhu cầu các chất sinh năng lượng
 - 2.1. Protid
 - 2.2. Lipid
 - 2.3. Glucid
3. Vai trò và nhu cầu các chất không sinh năng lượng
 - 3.1. Chất khoáng
 - 3.2. Vitamin
4. Nước
5. Chất xơ

Bài 2: Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm Thời gian 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được đặc điểm và giá trị dinh dưỡng của các thức ăn nguồn gốc động vật: Thịt, cá, tôm, trứng, sữa.
2. Trình bày được đặc điểm và giá trị dinh dưỡng của nhóm thức ăn cung cấp năng lượng: gạo, mì, ngô, khoai, sắn.
3. Trình bày được đặc điểm và giá trị dinh dưỡng của nhóm Đậu, đỗ và các hạt có dầu.
4. Trình bày được đặc điểm và giá trị dinh dưỡng của nhóm rau, củ quả.
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm.

Nội dung:

1. Đại cương

2. Đặc điểm một số thực phẩm thường dùng

- 2.1. Thịt
- 2.2. Cá và các loại thủy hải sản
- 2.3. Sữa
- 2.4. Trứng
- 2.5. Gạo
- 2.6. Ngô
- 2.7. Sản phẩm từ lúa mì
- 2.8. Khoai củ
- 2.9. Đậu đỗ và các hạt có dầu
- 2.10. Rau, quả
- 2.11. Dầu mỡ
- 2.12. Các loại nước chấm

Bài 3: Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý: Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được cách tính nhu cầu năng lượng hàng ngày cho các đối tượng người lớn và trẻ em.
2. Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng hợp lý.
3. Trình bày được các nguyên tắc và thực hành xây dựng thực đơn.
4. Áp dụng kiến thức để tính nhu cầu năng lượng cho các đối tượng
5. Xây dựng khẩu phần ăn cho một số đối tượng cụ thể.

Nội dung:

1. Phương pháp tính nhu cầu năng lượng
2. Các chất dinh dưỡng
3. Nguyên tắc dinh dưỡng hợp lý.
4. Xây dựng khẩu phần ăn hợp lý

Bài 4: Ngô độc thực phẩm

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu:

1. Trình bày được ngô độc thực phẩm là gì và phân loại ngô độc thực phẩm
2. Nêu và nhận biết được các ngô độc thực phẩm thường gặp
3. Trình bày được lời khuyên để phòng ngô độc thực phẩm
4. Áp dụng kiến thức để nhận biết và xử trí các trường hợp ngô độc thực phẩm.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Ngộ độc thức ăn.
3. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp.
4. Nguyên tắc chế biến thực phẩm an toàn

Bài 5: Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm *Thời gian: 3 giờ*

Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm và nội dung các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.
2. Trình bày được các bước kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm

Nội dung

1. Khái niệm vệ sinh an toàn thực phẩm
2. Các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm bếp ăn bệnh viện
 - 2.1. Điều kiện về cơ sở
 - 2.2. Điều kiện về trang thiết bị và dụng cụ chế biến nấu nướng
 - 2.3. Điều kiện về con người
 - 2.4. Điều kiện về thực phẩm chế biến
3. Các bước kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 3.1. Kiểm soát nguyên liệu đầu vào
 - 3.2. Kiểm soát chất lượng thực phẩm
 - 3.3. Kiểm soát khâu chế biến thức ăn
 - 3.4. Kiểm soát khâu bảo quản thực phẩm
 - 3.5. Kiểm soát khâu vận chuyển thực phẩm
 - 3.6. Kiểm soát nhà ăn

CHƯƠNG II: DỊCH TỄ HỌC

Bài 1: Tổng quan dịch tễ học: Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa dịch tễ học, đối tượng nghiên cứu dịch tễ học.
2. Trình bày được nội dung dịch tễ học và chu trình nghiên cứu dịch tễ học.
3. Trình bày được đối tượng đề cập dịch tễ học, các cấp độ dự phòng

Nội dung của bài:

1. Định nghĩa dịch tễ học
2. Lịch sử dịch tễ học
3. Đối tượng nghiên cứu dịch tễ học

4. Các nội dung dịch tễ học
5. Chu trình nghiên cứu và cách đề cập dịch tễ học
6. Các cấp độ dự phòng

Bài 2: Các chỉ số đo lường bệnh tật và tử vong Thời gian 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Phân biệt được các khái niệm tỷ suất, tỷ số và tỷ lệ
2. Trình bày được cách tính tỷ lệ hiện mắc và ý nghĩa
3. Trình bày được cách tính tỷ lệ mới mắc và ý nghĩa
4. Mô tả được mối quan hệ giữa tỷ lệ mới mắc và tỷ lệ hiện mắc

Nội dung của bài:

1. Tỷ suất, tỷ số, tỷ lệ
2. Một số khái niệm
3. Tỷ số mắc bệnh, tử vong

Bài 3: Các loại thiết kế cơ bản trong dịch tễ học Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Phân biệt được ưu nhược điểm của một số loại nghiên cứu
2. Trình bày được yêu cầu, lựa chọn và đạo đức nghiên cứu

Nội dung của bài:

1. Các thiết kế nghiên cứu quan sát
2. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp
3. Yêu cầu của các thiết kế nghiên cứu
4. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu
5. Các nguyên lý về đạo đức nghiên cứu

Bài 4: Bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây truyền Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được khái niệm nhiễm trùng và phân loại bệnh truyền nhiễm
2. Trình bày được dịch tễ học một số bệnh không lây

Nội dung của bài:

1. Khái niệm nhiễm trùng
2. Phân loại bệnh truyền nhiễm
3. Dịch tễ học bệnh không lây nhiễm

Bài 5: Quá trình dịch và các nguyên lý phòng chống dịch Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được khái niệm quá trình dịch.
2. Trình bày được ba yếu tố trực tiếp và hai yếu tố gián tiếp của quá trình dịch.
3. Trình bày được các biện pháp và kiểm soát trong phòng chống dịch

Nội dung của bài

1. Quá trình dịch
 - Ba yếu tố trực tiếp
 - Hai yếu tố gián tiếp
2. Các biện pháp phòng chống
3. Các biện pháp và kiểm soát trong phòng chống dịch
 - 3.1. Một số khái niệm
 - 3.2. Các bước điều tra một vụ dịch
 - 3.3. Các biện pháp xử lý một vụ dịch

Chương III: SỨC KHOẺ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Bài 1: Sức khỏe môi trường *Thời gian: 2 giờ*

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được định nghĩa về môi trường, sức khỏe môi trường.
2. Trình bày được các yếu tố môi trường tác động đến sức khỏe.
3. Trình bày được mối liên quan giữa các yếu tố môi trường và sức khỏe.
4. Trình bày được các bệnh tật liên quan đến môi trường và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nâng cao sức khỏe.

Nội dung

1. Khái niệm về môi trường và sức khỏe
 - 1.1. Định nghĩa về môi trường
 - 1.2. Định nghĩa về sức khỏe
 - 1.3. Định nghĩa về sức khỏe môi trường
2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe
 - 2.1. Các yếu tố di truyền
 - 2.2. Các yếu tố môi trường
 - 2.2.1. Các yếu tố môi trường tự nhiên
 - 2.2.2. Các yếu tố môi trường xã hội
 - 2.2.3. Hệ thống chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế
 - 2.2.4. Lối sống cá nhân và cộng đồng
3. Những yếu tố môi trường hiện đại

- 3.1. Ô nhiễm môi trường đất, các nguồn nước do hóa chất độc
- 3.2. Ô nhiễm không khí ngoài trời
- 3.3. Ngộ độc thực phẩm
- 3.4. Tai nạn thương tích
- 3.5. Biến đổi khí hậu thời tiết do môi trường suy thoái
- 3.6. Lối sống không lành mạnh
- 4. Các bệnh liên quan đến môi trường

Bài 2: Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng *Thời gian: 2 giờ*

Mục tiêu bài học

- 1. Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân gây ô nhiễm đất
- 2. Phân tích được tác động của ô nhiễm đất tới sức khỏe cộng đồng
- 3. Phân tích được những nguyên tắc phòng chống ô nhiễm đất

Nội dung

- 1. Định nghĩa
- 2. Nguyên nhân ô nhiễm đất
 - 2.1. Các chất nhiễm bản từ tự nhiên
 - 2.1.1. Do chất thải sinh hoạt
 - 2.1.2. Do chất thải sản xuất công nghiệp
 - 2.1.3. Chất thải từ sản xuất nông nghiệp
 - 2.2. Tình hình ô nhiễm đất ở Việt Nam
- 3. Tác động ô nhiễm đất tới sức khỏe, bệnh tật
 - 3.1. Các tác nhân sinh học
 - 3.1.1. Phương thức Người-đất-người
 - 3.1.2. Phương thức Động vật-đất-người
 - 3.1.3. Phương thức Đất-người
 - 3.2. Tác nhân hóa học, phóng xạ
- 4. Nguyên tắc cơ bản phòng chống ô nhiễm đất
 - 4.1. Quản lý, xử lý chất thải trên cơ sở khoa học vệ sinh
 - 4.2. Kiểm tra, giám sát môi trường đất
 - 4.3. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền giáo dục sức khỏe môi trường
 - 4.4. Các biện pháp phối hợp khác

Bài 3: Ô nhiễm nước, không khí và sức khỏe cộng đồng: thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được các nguồn, tác nhân gây ô nhiễm nước, nguyên nhân của ô nhiễm nước.
2. Trình bày được nguy cơ cho sức khỏe do ô nhiễm nước và các bệnh do ô nhiễm nước gây ra.
3. Trình bày được các biện pháp phòng chống ô nhiễm nước

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nguyên nhân
 - 1.3. Phân loại
2. Các nguồn gây ô nhiễm và tác nhân gây ô nhiễm
 - 2.1. Nguồn gây ô nhiễm
 - 2.1.2. Nguồn gây ô nhiễm nước thải công nghiệp
 - 2.1.3. Hoạt động nông nghiệp và các nguồn khác tại khu vực nông thôn
 - 2.1.4. Nguồn gây ô nhiễm Giao thông đường thủy
 - 2.1.5. Ô nhiễm nước do không khí, ô nhiễm đất do hoạt động của hệ sinh vật có trong nước
 - 2.2. Tác nhân gây ô nhiễm nước
3. Nguy cơ cho sức khỏe do ô nhiễm nước và các bệnh do ô nhiễm nước
 - 3.1. Nguy cơ do tác nhân sinh học
 - 3.2. Nguy cơ do tác nhân lý hóa, phóng xạ
4. Giải pháp chống ô nhiễm

Bài 4: Vệ sinh nhà ở và quy hoạch đô thị: Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được tầm quan trọng của vệ sinh nhà ở tới sức khỏe con người và một đặc điểm vệ sinh vi khí hậu nhà ở.
2. Nêu được các yếu tố nguy cơ của môi trường đô thị tới sức khỏe khu dân cư.
3. Trình bày được các nguồn gây, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng đến sức khỏe của ô nhiễm không khí trong nhà.
4. Trình bày khái niệm, triệu chứng và nguyên nhân của hội chứng bệnh nhà kín và các giải pháp cải thiện điều kiện vệ sinh nhà ở, phòng ngừa hội chứng SBS.

Nội dung

1. Tầm quan trọng của vệ sinh nhà ở tới sức khỏe con người
2. Đặc điểm vệ sinh vi khí hậu nhà ở
 - 2.1. Nhiệt độ không khí
 - 2.2. Độ ẩm không khí
 - 2.3. Chuyển động của không khí
 - 2.4. Bức xạ
3. Các yếu tố nguy cơ của môi trường đô thị tới sức khỏe khu dân cư
 - 3.1. Khái niệm đô thị hóa
 - 3.2. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe trong môi trường đô thị
4. Không khí trong nhà
 - 4.1. Chất lượng không khí trong nhà
 - 4.2. Nguồn ô nhiễm không khí trong nhà
 - 4.3. Những ảnh hưởng đến sức khỏe của ô nhiễm không khí trong nhà
 - 4.4. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong nhà
 - 4.4.1. Giảm thiểu tối đa các chất ô nhiễm không khí bằng nhiều biện pháp
 - 4.4.2. Nâng cao hiệu quả của hệ thống điều hòa không khí
5. Hội chứng bệnh nhà kín (SBS)
 - 5.1. Khái niệm Hội chứng bệnh nhà kín
 - 5.2. Các triệu chứng của hội chứng SBS
 - 5.3. Nguyên nhân
6. Giải pháp cải thiện vệ sinh nhà ở, phòng ngừa hội chứng SBS
 - 6.1. Chống nóng
 - 6.2. Chống ẩm
 - 6.3. Biện pháp làm thoáng khí
 - 6.4. Cung cấp đầy đủ ánh sáng trong nhà
 - 6.5. Phòng chống tiếng ồn

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Giáo trình dạy học
 - Bài giảng slide
3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường) lý thuyết, thực hành
- Chia tổ thảo luận, thực hành

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức:

- + Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng cơ bản, nguyên tắc xây dựng một số chế độ dinh dưỡng bệnh lý thường gặp, các bước trong quy trình giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, kiến thức về ngộ độc thực phẩm.
- + Giải thích được một số khái niệm về dịch tễ học, đường lây truyền và các biện pháp dự phòng.
- + Các yếu tố có thể gây bệnh, nơi tồn tại, các con đường lây truyền, phát triển thành dịch, phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe nhân dân

- Kỹ năng:

- + Xây dựng một số chế độ dinh dưỡng phù hợp với một số bệnh
- + Áp dụng tiến hành một số biện pháp phòng bệnh theo tình huống
- *Thái độ:* Thể hiện được thái độ tôn trọng, ân cần trong giao tiếp, ứng xử, giáo dục sức khỏe của điều dưỡng với người bệnh.
- *Mức độ năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Sử dụng tốt công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Có khả năng độc lập hoặc phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Biết quản lý thời gian, tự tin phát biểu trước môi trường học tập.

2. Phương pháp và hình thức đánh giá

* **Điểm quá trình:** được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thường xuyên: 2 cột, được đánh giá ở phần dinh dưỡng 1 cột, phần Dịch tễ - sức khoẻ VSMT 1 cột.

+ Điểm định kỳ: 2 cột, được đánh giá ở phần dinh dưỡng 1 cột, phần Dịch tễ - sức khoẻ VSMT 1 cột.

- Hình thức: Kiến thức: kiểm tra bằng test trắc nghiệm, Thời gian 45 – 60 phút

* **Điểm thi kết thúc mô đun:** Thi viết trắc nghiệm. Thời gian từ 60 – 90 phút.

* **Điểm tổng kết mô đun:**

+ Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng phục hồi chức năng, năm thứ 2

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

2.1. Đối với giảng viên

- Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Thông báo cho sinh viên biết trước nội dung giảng dạy, đưa tình huống lâm sàng, câu hỏi thảo luận để sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp. Sử dụng các phương pháp giảng dạy để tích cực hóa sinh viên trong học tập.
- Yêu cầu về giảng viên : có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy.
- Các phương pháp mà GV sử dụng: Thảo luận; Phát vấn; Thuyết trình;

2.2. Đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Tích cực tham gia trả lời và thực hành trong bài giảng

3. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà nội (1993), Dịch tễ học đại cương quyển 2 Nhà xuất bản Y học
- WHO (1993), Dịch tễ học cơ sở, Nhà xuất bản Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội (2001) Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, , Nhà xuất bản Y học
- Dương Đình Thiện (2001); Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại Học Y Hà Nội (1995), Thực hành Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học
- Nguyễn Minh Sơn (2010), Dịch tễ học, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
- Trường Đại học Y Huế (2006), Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học
- Nguyễn Trần Hiên - Nguyễn Minh Sơn (2012), Dịch tễ học cơ sở và các bệnh

phổ biến, Nhà xuất bản Y học

- Nguyễn Quốc Anh, Đinh Thị Kim Liên (2012) “*Tư vấn dinh dưỡng cho người trưởng thành*” Nhà xuất bản y học.
- Nguyễn Thị Lâm, Phạm Thị Thu Hương (2008) “*Hướng dẫn chế độ ăn cho người bệnh đái tháo đường theo đơn vị chuyên đổi thực phẩm*”, nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Công Khẩn, Hà Thị Anh Đào (2007) “*Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam*”.
- Trần Đáng (2005), *Vệ sinh an toàn thực phẩm*, Bộ Y Tế-Cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Hà Nội
- Bộ môn Dinh dưỡng & An toàn TP (2008), *Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm*, NXBYH, Hà Nội.
- Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (1999), *Những điều cần biết về vệ sinh an toàn thực phẩm*, NXBYH, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2008), *Dinh dưỡng, Dành cho các trường trung cấp y tế*, NXBGD.
- Bệnh viện Bạch Mai (2010), QT02 - Giám sát VSATTP trong bếp ăn bệnh viện, tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008
- Bệnh viện Bạch Mai (2010), QT03 - Nhiệm vụ của người giám sát việc thực hiện chế độ ăn, uống trong bệnh viện, tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008
- Phương pháp và kỹ năng truyền thông giáo dục và tư vấn dinh dưỡng, Bộ môn Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Đại học Y Hà nội (2012)

TÊN MÔ ĐƠN: BỆNH HỌC NỘI VÀ NHI

Mã mô đơn: MD7

Thời gian thực hiện mô đơn: 32 giờ (Lý thuyết: 30 giờ, Thực hành: 0 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn:

- **Vị trí:** Là mô đơn bắt buộc thuộc phần mô đơn môn học cơ sở, vào học kỳ thứ 3 của chương trình đào tạo.

- Tính chất:

Mô đơn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh nội khoa và nhi khoa, liên hệ được với các biến đổi về xét nghiệm trong các tình trạng bệnh lý khác nhau ngoài ra còn cung cấp kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân và cơ chế hình thành, triệu chứng lâm sàng, bệnh học, thuốc điều trị và dinh dưỡng các bệnh lý của trẻ em. Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc bệnh nhi trong tình huống lâm sàng cụ thể. Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình

Mô đơn cung cấp kiến thức và kỹ năng rèn luyện các năng lực làm việc nhóm, giải quyết các tình huống lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

1. Phân tích được các đặc điểm về giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh trẻ em.
2. Nhận định được các triệu chứng của một số bệnh lý nhi khoa
3. Trình bày được nguyên nhân, nhận định được các dấu hiệu lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng hỗ trợ chẩn đoán và xử trí của một số bệnh lý Nội khoa thường gặp

- Kỹ năng:

4. Phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp cấp cứu phản vệ
5. Lựa chọn được phương pháp giao tiếp phù hợp để giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình.

- Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm:

6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, kỹ năng thuyết trình.
7. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm, quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập
8. Thể hiện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong khi thực hành xét nghiệm

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
BỆNH HỌC NỘI KHOA					
1.	Bệnh Suy tim; tăng huyết áp	2	2	0	
2.	Viêm phổi; Hen phế quản;	3	3	0	
3.	Loét dạ dày tá tràng; Bệnh đại tràng	2	2	0	
4.	Viêm gan Virus - Xơ gan	2	2	0	
5.	Nhiễm khuẩn đường tiết niệu	1	1	0	
6.	Tai biến mạch máu não	2	2	0	
7.	Bệnh cột sống	2	2	0	
8.	Đái tháo đường	2	2	0	
9.	Viêm khớp dạng thấp, Thoái hóa khớp	2	2	0	
10.	Sốc phản vệ; Ngộ độc cấp	2	2	0	
11.	Kiểm tra	1	0	0	1
BỆNH HỌC NHI KHOA					
12.	Các thời kỳ phát triển của trẻ em: - Đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ em - Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động trẻ em	4	4	0	
13.	Tiêu chảy cấp	2	2	0	
14.	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính	2	2	0	
15.	Viêm cầu thận cấp, Hội chứng thận hư	2	2	0	
16.	Kiểm tra	1	0	0	1
Tổng		32	30	0	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Bệnh Suy tim; Tăng huyết áp

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu được nguyên nhân của suy tim; tăng huyết áp
2. Nhận biết được các dấu hiệu, triệu chứng lâm sàng của suy tim và tăng huyết áp
3. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh suy tim và tăng huyết áp

Nội dung

1. Suy tim
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Nguyên nhân
 - 1.2.1. Suy tim trái
 - 1.2.2. Suy tim phải
 - 1.2.3. Suy tim toàn bộ
 - 1.3. Triệu chứng
 - 1.3.1. Suy tim trái
 - 1.3.2. Suy tim phải
 - 1.3.3. Suy tim toàn bộ
 - 1.4. Điều trị
2. Đại cương
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Tăng huyết áp thứ phát
 - 2.1.2. Tăng huyết áp nguyên phát
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.3. Tiến triển và biến chứng
 - 2.4. Điều trị
 - 2.5. Dự phòng

Bài 2: Viêm phổi, Hen phế quản

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu được nguyên nhân của bệnh Viêm phổi, Hen phế quản
2. Mô tả, nhận định các dấu hiệu lâm sàng của Viêm phổi; hen phế quản
3. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh Hen phế quản

Nội dung

1. Viêm phổi
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Triệu chứng
 - 1.2.1. Lâm sàng
 - 1.2.2. Cận lâm sàng
 - 1.3. Chẩn đoán
 - 1.4. Điều trị
2. Hen phế quản
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3. Tiến triển và biến chứng
 - 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Điều trị cơn hen phế quản
 - 2.4.2. Điều trị ngoài cơn
 - 2.5. Phòng bệnh

Bài 3: Loét dạ dày tá tràng, Bệnh đại tràng

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu các nguyên nhân thường gặp gây bệnh loét dạ dày tá tràng, bệnh đại tràng
2. Mô tả, nhận định các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng của loét dạ dày tá tràng và bệnh đại tràng

Nội dung

1. Loét dạ dày tá tràng
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.3. Cận lâm sàng
 - 1.4. Điều trị
 - 1.4.1. Điều trị nội khoa
 - 1.4.2. Điều trị ngoại khoa
2. Bệnh đại tràng
 - 2.1. Đại cương

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Phân loại
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Một số phương pháp điều trị

Bài 4: Viêm gan virus, Xơ gan

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

- 1. Nêu nguyên nhân thường gặp gây xơ gan
- 2. Mô tả, nhận định được các dấu hiệu lâm sàng của viêm gan virus, xơ gan

Nội dung

- 1. Viêm gan virus
 - 1.1. Đại cương
 - 1.1.1. Định nghĩa
 - 1.1.2. Dịch tễ học
 - 1.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.2.1. Phân chia thể lâm sàng
 - 1.2.2. Triệu chứng
 - 1.3. Chẩn đoán
 - 1.3.1. Căn cứ lâm sàng
 - 1.3.2. Căn cứ xét nghiệm
 - 1.3.3. Căn cứ tiền sử, dịch tễ
 - 1.4. Tiến triển và biến chứng
 - 1.4.1. Nguyên tắc điều trị
 - 1.4.2. Một số thuốc điều trị
- 2. Xơ gan
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Lâm sàng
 - 2.3. Cận lâm sàng
 - 2.4. Tiến triển và biến chứng
 - 2.5. Điều trị và dự phòng
 - 2.5.1. Điều trị
 - 2.5.2. Dự phòng

Bài 5: Nhiễm khuẩn đường tiết niệu

Thời gian: 01 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu được một số căn nguyên chính gây nhiễm khuẩn đường tiết niệu
2. Nhận định được các triệu chứng, dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng nhiễm khuẩn đường tiết niệu

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nguyên nhân
 - 1.3. Các tác nhân gây bệnh
2. Triệu chứng
 - 2.1. Lâm sàng
 - 2.2. Cận lâm sàng
3. Phòng bệnh và điều trị

Bài 6: Đột quy não

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Mô tả, nhận biết được các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của đột quy não
2. Trình bày được một số phương pháp điều trị đột quy não, dự phòng đột quy não

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Phân loại
 - 1.3. Nguyên nhân
2. Triệu chứng lâm sàng
3. Triệu chứng cận lâm sàng
4. Chẩn đoán
5. Điều trị
 - 5.1. Nguyên tắc điều trị
 - 5.2. Các phương pháp điều trị
6. Dự phòng

Bài 7: Bệnh cột sống

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Kể tên một số bệnh cột sống
2. Mô tả, nhận định được triệu chứng của một số bệnh cột sống thường gặp

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Bệnh lý cột sống
2. Triệu chứng
 - 2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
3. Chẩn đoán
4. Một số phương pháp điều trị

Bài 8: Đái tháo đường

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Mô tả và nhận định được các triệu chứng lâm sàng của bệnh đái tháo đường
2. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh đái tháo đường

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nguyên nhân
2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
3. Tiến triển và biến chứng
4. Điều trị
 - 4.1. Chế độ không dùng thuốc
 - 4.2. Chế độ dùng thuốc

Bài 9: Viêm khớp dạng thấp, Thoái hóa khớp

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây bệnh viêm khớp dạng thấp
2. Mô tả, nhận định được các triệu chứng của bệnh viêm khớp dạng thấp

Nội dung

1. Viêm khớp dạng thấp
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.2.1. Triệu chứng tại khớp
 - 1.2.2. Triệu chứng ngoài khớp
 - 1.3. Cận lâm sàng
 - 1.3.1. Xét nghiệm máu
 - 1.3.2. Chẩn đoán hình ảnh
 - 1.4. Tiến triển
 - 1.5. Chẩn đoán
 - 1.6. Điều trị
2. Thoái hóa khớp
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.4. Chẩn đoán
 - 2.5. Các phương pháp điều trị
 - 2.5.1. Giáo dục người bệnh
 - 2.5.2. Biện pháp không dùng thuốc
 - 2.5.3. Điều trị nội khoa

Bài 10: Sốc phản vệ, Ngộ độc cấp

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nhận biết được một số dấu hiệu, triệu chứng của sốc phản vệ, ngộ độc cấp
2. Xử trí cấp cứu ban đầu sốc phản vệ, ngộ độc cấp

Nội dung

1. Sốc phản vệ
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Nguyên nhân
 - 1.3. Dấu hiệu lâm sàng

- 1.4. Chẩn đoán
- 1.5. Điều trị
 - 1.5.1. Nguyên tắc
 - 1.5.2. Phác đồ cấp cứu
- 1.6. Những biện pháp hạn chế dị ứng thuốc và sốc phản vệ
- 2. Ngộ độc cấp
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.4. Các biện pháp xử trí ngộ độc cấp

Bài 11: Các thời kỳ phát triển của trẻ em

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học :

- 1. Kể được các thời kỳ của trẻ em
- 2. Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý của trẻ qua từng thời kỳ
- 3. Trình bày được sự phát triển về tâm thần, vận động bình thường của trẻ qua các lứa tuổi
- 4. Sử dụng biểu đồ tăng trưởng để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phát triển của trẻ
- 5. Ứng dụng trên lâm sàng khi thăm khám bệnh
- 6. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm, quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung bài học:

1. Các thời kỳ của trẻ em

- 1.1. Thời kỳ trong tử cung
- 1.2. Thời kỳ sơ sinh
- 1.3. Thời kỳ nhũ nhi
- 1.4. Thời kỳ răng sữa
- 1.5. Thời kỳ thiếu niên
- 1.6. Thời kỳ dậy thì

2. Đặc điểm Giải phẫu, sinh lý trẻ:

- 2.1. Đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ
- 2.2. Đặc điểm hệ da, cơ, xương, thần kinh

2.3. Đặc điểm hệ hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu của trẻ

2.4. Đặc điểm sự tạo máu và máu ngoại biên

3. Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ:

3.1. Sự phát triển cân nặng, chiều cao

3.2. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng

3.4. Sự phát triển tinh thần vận động của trẻ em qua các thời kỳ.

Bài 12: Tiêu chảy cấp

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu môn học :

1. Định nghĩa tiêu chảy cấp

2. Kể được đặc điểm của bệnh tiêu chảy ở trẻ em tại các nước đang phát triển

3. Kể được tính chất dịch tễ học của bệnh tiêu chảy

4. Trình bày được cách đánh giá và phân loại mất nước trên lâm sàng của bệnh tiêu chảy

Nội dung

1. Đại cương

2. Định nghĩa

3. Dịch tễ học

4. Bệnh sinh học

5. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

6. Nguyên tắc điều trị

7. Phòng bệnh

Bài 13: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu môn học :

1. Trình bày được tầm quan trọng và mục tiêu của chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp (NKHHCT)

2. Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, viêm phổi, hen phế quản ở trẻ em.

3. Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng của NKHHCT ở trẻ em

4. Vận dụng kiến thức đã học để nhận định, đánh giá và phân loại trẻ mắc bệnh đường hô hấp

5. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm, quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung

1. Tầm quan trọng của chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính
2. Mục tiêu của chương trình
3. Nguyên nhân
4. Các yếu tố nguy cơ
5. Phân loại NKHHCT
6. Các dấu hiệu lâm sàng
7. Phác đồ xử trí NKHHCT ở trẻ em
8. Phòng bệnh

Bài 14: Viêm cầu thận cấp, HCTH

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học :

1. Trình bày được đặc điểm giải phẫu sinh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây bệnh viêm cầu thận cấp, HCTH.
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và diễn biến, biến chứng của bệnh viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư.

Nội dung

1. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý hệ tiết niệu
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng
4. Tiến triển và biến chứng
5. Nguyên tắc điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện môn học
 - Giáo trình và tình huống lâm sàng cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Chuẩn đầu ra môn học
 - Mục tiêu bài học

3. Các điều kiện khác:
– Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Kiến thức:

1. Phân tích được các đặc điểm về giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh trẻ em.
2. Giải thích được các nguyên nhân gây ra bệnh, các thuốc và chế độ dinh dưỡng cho trẻ em.
3. Nhận định được các triệu chứng của các bệnh lý nhi khoa
4. Giải thích được nguyên nhân, nhận định được triệu chứng của các bệnh lý nội khoa. Liên hệ được với các biến đổi về xét nghiệm trong các tình trạng bệnh lý khác nhau

Kỹ năng:

5. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện được một số biến đổi về xét nghiệm của người bệnh nội khoa và nhi khoa
6. Lựa chọn được phương pháp giao tiếp phù hợp để giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình

Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm:

7. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, kỹ năng thuyết trình.
8. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm, quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

2. Phương pháp lượng giá:

- a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,4;
- b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm
+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ
- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun:
+ Hình thức: thi trắc nghiệm

+ Thời gian: từ 60 -90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật PHCN vào học kỳ thứ 3

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Cung cấp tài liệu, tình huống lâm sàng, câu hỏi cho sinh viên
- + Hướng dẫn cho sinh viên tự học trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật liệu dạy học
- + Sử dụng các phương pháp giảng dạy, chuẩn bị kế hoạch dạy học đầy đủ

- *Đối với sinh viên:*

- + Đọc đề cương, tài liệu và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu trong đề cương
- + Hăng hái đóng góp ý kiến trong giờ thảo luận
- + Bổ sung, góp ý kiến cho các thành viên trong nhóm
- + Lắng nghe ý kiến góp ý của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nguyên nhân, triệu chứng, cách điều trị, dự phòng một số bệnh lý Nội khoa thường gặp
- Các đặc điểm giải phẫu, sinh lý trẻ em
- Nguyên nhân, triệu chứng, cách điều trị, dự phòng một số bệnh lý Nhi khoa thường gặp

4. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu dạy học:

- Trường CDYT Đăk Lăk. Bài giảng bệnh học nội và nhi khoa

Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Bệnh học nội khoa. NXB Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Bệnh học nhi khoa. NXB Y học

TÊN MÔ ĐƠN: BỆNH HỌC NGOẠI VÀ SẢN

Mã mô đơn: MD8

Thời gian thực hiện mô đơn: 32 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Thi/ kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn:

- **Vị trí:** Là mô đơn thuộc phần kiến thức y học cơ sở trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng vào học kỳ thứ 3.

- **Tính chất:**

Học xong mô đơn này sinh viên có thể nhận biết quá trình phát triển của thai, các triệu chứng của bệnh Ngoại khoa và Sản phụ khoa và các biến đổi của các xét nghiệm trong các tình trạng bệnh lý.

II. Mục tiêu môn học:

- **Về kiến thức:**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phòng một số bệnh Ngoại khoa, sản khoa thường gặp.

- **Về kỹ năng:**

2. Vận dụng kiến thức bệnh học để biện luận các kết quả xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh Ngoại khoa, sản khoa thường gặp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

3. Thể hiện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong khi thực hành xét nghiệm và chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đơn:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đơn	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bệnh học Ngoại				
1.	Viêm ruột thừa cấp	1	1	0	
2.	Tắc ruột	1	1	0	
3.	Thủng dạ dày cấp	1	1	0	
4.	Viêm phúc mạc	1	1	0	

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
5.	Sỏi mật	1	1	0	
6.	Sỏi hệ tiết niệu	1	1	0	
7.	U xơ tuyến tiền liệt	2	2	0	
8.	Chấn thương ngực	2	2	0	
9.	Chấn thương bụng	2	2	0	
10.	Chấn thương sọ não	2	2	0	
11.	Gãy xương; Trật khớp	2	2	0	
	Kiểm tra	1	0	0	1
	Bệnh học Sản phụ khoa				
12.	Sự thụ tinh – Làm tổ và phát triển của trứng	2	2	0	
13.	Thay đổi GPSL ở phụ nữ có thai	1	1	0	
14.	Chảy máu trong nửa đầu thời kì thai nghén	4	4	0	
15.	Chảy máu trong nửa sau thời kì thai nghén	4	4	0	
16.	Các khối u đường sinh dục và vú	2	2	0	
17.	Các biện pháp sinh đẻ kế hoạch	1	1	0	
	Kiểm tra	1	0	0	1
	Tổng cộng	32	30	0	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Viêm ruột thừa cấp

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày đặc điểm về giải phẫu sinh lý của ruột thừa liên quan đến chẩn đoán

2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của viêm ruột thừa
3. Trình bày chẩn đoán viêm ruột thừa
4. Trình bày được biến chứng của viêm ruột thừa cấp

Nội dung bài học:

1. Đặc điểm về giải phẫu sinh lý của ruột thừa liên quan đến chẩn đoán viêm ruột thừa
2. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của viêm ruột thừa
 - 1.1. Thuyết nhiễm khuẩn
 - 1.2. Thuyết rối loạn vận động
 - 1.3. Thuyết rối loạn thần kinh vận mạch
2. Chẩn đoán viêm ruột thừa cấp
 - 2.1. Chẩn đoán bằng lâm sàng và xét nghiệm đơn giản
 - 2.2. Chụp X quang ổ bụng không chuẩn bị
 - 2.3. Siêu âm
 - 2.4. Chụp cắt lớp vi tính
 - 2.5. Các xét nghiệm sinh hóa
3. Tiến triển và biến chứng

Bài 2: Viêm phúc mạc

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày phân loại viêm phúc mạc
2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của viêm phúc mạc thứ phát
3. Trình bày chẩn đoán viêm phúc mạc thứ phát
4. Trình bày được điều trị của viêm phúc mạc thứ phát

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Phân loại
 - 2.1. Theo tiến triển chia ra
 - 2.2. Theo căn nguyên bệnh sinh
3. Viêm phúc mạc nguyên phát
 - 3.1. Đặc điểm chung
 - 3.2. Điều trị
4. Viêm phúc mạc thứ phát

- 4.1. Đặc điểm chung
- 4.2. Căn nguyên thường gặp
- 4.3. Triệu chứng
 - 4.3.1. Toàn thân
 - 4.3.2. Thực thể
 - 4.3.3. Cận lâm sàng
- 4.4. Chẩn đoán
- 4.5. Điều trị

Bài 3: Tắc ruột

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày đặc điểm về giải phẫu sinh lý của tắc ruột cơ học
- 2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của tắc ruột
- 3. Trình bày triệu chứng, chẩn đoán tắc ruột
- 4. Trình bày được biến chứng của tắc ruột gây nên

Nội dung bài học:

- 1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Phân loại
 - 1.2.1. Tắc ruột cơ năng
 - 1.2.2. Tắc ruột cơ học
- 2. Giải phẫu bệnh lý và sinh lý bệnh của tắc ruột cơ học
 - 2.1. Giải phẫu bệnh
 - 2.1.1. Đại thể
 - 2.1.2. Vi thể
 - 2.2. Sinh lý bệnh
 - 2.2.1. Các rối loạn trong tắc ruột
 - 2.2.2. Hậu quả tắc ruột
- 3. Triệu chứng
 - 3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 3.2. Triệu chứng thực thể
 - 3.2.1. Toàn thân
 - 3.2.2. Tại chỗ
 - 3.3. Cận lâm sàng

3.3.1. X quang

3.3.2. Siêu âm

3.3.3. Chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ hạt nhân

4. Diễn biến

5. Chẩn đoán

5.1. Chẩn đoán nguyên nhân gây tắc

5.2. Chẩn đoán vị trí tắc

5.3. Chẩn đoán phân biệt

6. Điều trị

6.1. Nguyên tắc

6.2. Điều trị các rối loạn toàn thân do tắc ruột gây nên

6.3. Điều trị phẫu thuật giải quyết nguyên nhân tắc và phục hồi lưu thông ruột

Bài 4: Thủng dạ dày cấp

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được giải phẫu bệnh lỗ thủng dạ dày cấp
2. Trình bày các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thủng dạ dày cấp
3. Trình bày một số phương pháp điều trị

Nội dung

1. Đại cương

1.1. Về lứa tuổi

1.2. Về mùa

1.3. Về giới

2. Giải phẫu bệnh

2.1. Lỗ thủng

2.2. Vị trí thủng

2.3. Kích thước lỗ thủng

2.4. Tình trạng ổ bụng

3. Lâm sàng

3.1. Triệu chứng cơ năng

3.2. Triệu chứng thực thể

3.3. Triệu chứng toàn thân

3.4. Liềm hơi

3.5. Tiền sử viêm loét dạ dày tá tràng

3.6. Diễn biến

4. Điều trị

4.1. Khâu lỗ thủng đơn thuần

4.2. Khâu lỗ thủng qua nội soi ổ bụng

4.3. Khâu lỗ thủng+nối vị tràng

4.4. Khâu lỗ thủng kết hợp tạo hình môn vị

4.5. Khâu lỗ thủng kết hợp với cắt dây X

4.6. Cắt đoạn dạ dày cấp cứu

4.7. Dẫn lưu lỗ thủng

Bài 5: Sỏi mật

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế hình thành sỏi mật
2. Trình bày vị trí và cấu tạo sỏi mật
3. Trình bày triệu chứng và điều trị sỏi mật

Nội dung bài học:

1. Đại cương
 - a. Khái niệm
 - b. Sự thường gặp của bệnh
 - c. Cơ chế hình thành sỏi mật
2. Vị trí và cấu tạo sỏi mật
 - 2.1. Vị trí
 - 2.2. Cấu tạo sỏi
3. Triệu chứng
 - 3.1. Lâm sàng
 - 3.2. Cận lâm sàng
4. Chẩn đoán
 - 4.1. Chẩn đoán xác định
 - 4.2. Chẩn đoán phân biệt
5. Điều trị
 - 5.1. Điều trị nội khoa
 - 5.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 6: Sỏi tiết niệu

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế hình thành sỏi tiết niệu
2. Trình bày phân loại sỏi tiết niệu
3. Trình bày triệu chứng và điều trị sỏi tiết niệu

Nội dung bài học:

1. Đại cương
 - 1.1. Giải phẫu cơ quan hệ tiết niệu
 - 1.2. Dịch tễ học sỏi tiết niệu
2. Cơ chế hình thành sỏi tiết niệu
3. Phân loại sỏi tiết niệu
 - 3.1. Theo đặc điểm và tính chất của sỏi
 - 3.2. Theo thành phần hóa học của sỏi
 - 3.3. Theo nguyên nhân hình thành sỏi
4. Triệu chứng sỏi thận và sỏi niệu quản
 - 4.1. Lâm sàng
 - 4.2. Cận lâm sàng
5. Chẩn đoán
 - 5.1. Chẩn đoán xác định
 - 5.2. Chẩn đoán phân biệt
6. Điều trị
 - 6.1. Điều trị nội khoa
 - 6.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 7: U xơ tuyến tiền liệt

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh bệnh u xơ tuyến tiền liệt
2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh u xơ tuyến tiền liệt
3. Trình bày được một số phương pháp điều trị u xơ tuyến tiền liệt

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Dịch tễ
 - 1.2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh
 - 1.3. Các yếu tố nguy cơ liên quan hình thành bệnh u xơ tuyến tiền liệt

- 1.4. Sinh lý bệnh
- 1.5. Giải phẫu bệnh
- 2. Triệu chứng
 - 2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2. Thang điểm đánh giá triệu chứng tuyến tiền liệt
 - 2.4. Triệu chứng thực thể
 - 2.5. Cận lâm sàng
- 3. Chẩn đoán
 - 3.1. Chẩn đoán xác định
 - 3.2. Chẩn đoán giai đoạn
 - 3.3. Chẩn đoán biến chứng
- 4. Điều trị
 - 4.1. Điều trị nội khoa
 - 4.2. Điều trị ngoại khoa
 - 4.3. Một số phương pháp điều trị khác

Bài 8: Chấn thương ngực kín

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày phân loại, giải phẫu bệnh của chấn thương ngực kín
- 2. Trình bày sinh lý bệnh, triệu chứng của chấn thương ngực kín
- 3. Trình bày các biện pháp điều trị của chấn thương ngực kín

Nội dung bài học:

- 1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Phân loại
 - 1.2.1. Theo nguyên nhân
 - 1.2.2. Theo mức độ tổn thương
- 2. Giải phẫu bệnh
 - 2.1. Thành ngực
 - 2.2. Khoang màng phổi
 - 2.3. Nhu mô phổi
- 3. Các cơ quan khác trong lồng ngực
 - 3.1. Sinh lý bệnh
 - 3.2. Rối loạn hô hấp

- 3.3. Rối loạn tuần hoàn
- 3.4. Sốc
- 4. Triệu chứng
 - 4.1. Lâm sàng
 - 4.2. Cận lâm sàng
- 5. Điều trị
 - 5.1. Các biện pháp điều trị chung
 - 5.2. Điều trị một số tổn thương cụ thể

Bài 9. Chấn thương ổ bụng

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày chẩn đoán của chấn thương ổ bụng
- 2. Trình bày các biện pháp điều trị của chấn thương ngực kín

Nội dung bài học:

- 1. Đại cương
 - 1.1. Chấn thương bụng kín
 - 1.2. Vết thương thấu bụng
- 2. Chẩn đoán
 - 2.1. Chẩn đoán lâm sàng
 - 2.1.1. Chấn thương thấu bụng
 - 2.1.2. Vết thương thấu bụng
 - 2.2. Chẩn đoán cận lâm sàng
 - 2.2.1. Chọc rửa xong phúc mạc chẩn đoán
 - 2.2.2. FAST
 - 2.2.3. CT
 - 2.2.4. X quang không chuẩn bị
 - 2.2.5. Nội soi đại tràng xích- ma
 - 2.2.6. Các xét nghiệm
- 3. Điều trị
 - 3.1. Xử trí
 - 3.1.1. Chấn thương bụng kín
 - 3.1.2. Vết thương thấu bụng
 - 3.2. Chuẩn bị trước phẫu thuật
 - 3.3. Đánh giá và kiểm soát các tổn thương

3.4. Chẩn đoán và xử trí tổn thương các tạng

Bài 10: Chấn thương sọ não

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày chẩn đoán chấn thương sọ não
2. Trình bày hướng xử trí và phác đồ điều trị chấn thương sọ não
3. Trình bày tiên lượng và biến chứng của chấn thương sọ não

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Hỏi bệnh sử
 - 2.2. Khám lâm sàng
 - 2.3. Chỉ định
 - 2.4. Xét nghiệm
 - 2.5. Đánh giá mức độ và yếu tố nguy cơ
 - 2.6. Hướng xử trí
3. Điều trị
 - 3.1. Cấp cứu
 - 3.2. Điều trị bảo tồn
 - 3.3. Điều trị phẫu thuật
 - 3.3.1. Lún sọ
 - 3.3.2. Vết thương sọ não
 - 3.3.3. Máu tụ ngoài màng cứng
 - 3.3.4. Máu tụ dưới màng cứng
 - 3.3.5. Máu tụ trong não
 - 3.3.6. Máu tụ hố sau
 - 3.3.7. Mở sọ giải áp
4. Tiên lượng và biến chứng
 - 4.1. Tái khám và theo dõi
 - 4.2. Tiên lượng
 - 4.3. Biến chứng

Bài 11: Gãy xương, Trật khớp

Thời gian: 2 giờ

Bài 11.1. Gãy xương

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được các nguyên nhân gãy xương
2. Trình bày được cơ chế và các loại đường gãy
3. Trình bày được các triệu chứng, biến chứng của gãy xương và một số phương pháp điều trị gãy xương

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
 - 2.1. Chấn thương
 - 2.2. Bệnh lý
3. Các hình thức gãy xương
 - 3.1. Gãy xương không hoàn toàn
 - 3.2. Gãy hoàn toàn
 - 3.3. Các kiểu gãy đặc biệt
4. Phân loại gãy xương
5. Các dấu hiệu lâm sàng của gãy xương
6. Cận lâm sàng
7. Các biến chứng của gãy xương
 - 7.1. Biến chứng sớm
 - 7.2. Biến chứng muộn

Bài 11.2: Trật khớp

Mục tiêu bài học

1. Phân loại các loại trật khớp
2. Triệu chứng và điều trị trật khớp cũ và trật khớp mới

Nội dung

1. Đặc điểm chung
 - 1.1. Khớp xương
 - 1.1.1. Khớp bất động
 - 1.1.2. Khớp bán động
 - 1.1.3. Khớp động
 - 1.2. Trật khớp
2. Phân loại trật khớp
 - 2.1. Theo nguyên nhân
 - 2.2. Theo vị trí

- 2.3. Theo thời gian
- 2.4. Theo biến chứng
- 2.5. Theo thương tổn tổ chức phần mềm
- 3. Trật khớp mới
 - 3.1. Định nghĩa
 - 3.2. Tiên lượng
 - 3.3. Chẩn đoán
 - 3.3.1. Lâm sàng
 - 3.3.2. X quang
 - 3.4. Điều trị
 - 3.4.1. Mục đích
 - 3.4.2. Nguyên tắc kỹ thuật
- 4. Trật khớp cũ
 - 4.1. Định nghĩa
 - 4.2. Chẩn đoán
 - 4.2.1. Lâm sàng
 - 4.2.2. Cận lâm sàng
 - 4.3. Điều trị

Bài 12: Sự thụ tinh – Làm tổ và phát triển của trứng

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

- 1. Nêu được định nghĩa của sự thụ tinh
- 2. Mô tả được sự di chuyển và làm tổ của trứng
- 3. Trình bày được sự phát triển của trứng và phần phụ

Nội dung

- 1. Sự thụ tinh
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Sự sinh tinh
 - 1.3. Noãn bào
 - 1.4. Quá trình thụ tinh
- 2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng
 - 2.1. Sự di chuyển
 - 2.2. Sự làm tổ
- 3. Sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng

- 3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức
 - 3.1.1. Sự hình thành bào thai
 - 3.1.2. Sự hình thành phần phụ
- 3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức
 - 3.2.1. Sự phát triển của thai
 - 3.2.2. Sự phát triển của phần phụ

Bài 13: Thay đổi giải phẫu sinh lý ở phụ nữ có thai *Thời gian: 1 giờ*

Mục tiêu bài học

- 1. Trình bày được các thay đổi giải phẫu sinh lý ở tử cung khi có thai
- 2. Trình bày được các thay đổi ở hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu của người phụ nữ khi mang thai.

Nội dung

- 1. Thay đổi giải phẫu sinh lý ở từng bộ phận
 - 1.1. Thay đổi ở mắt và bụng
 - 1.2. Thay đổi ở vú
 - 1.3. Thay đổi về tuần hoàn
 - 1.4. Thay đổi về tiêu hóa
 - 1.5. Thay đổi về hô hấp
 - 1.6. Thay đổi về tiết niệu
 - 1.7. Thay đổi về xương
 - 1.8. Thay đổi về nội tiết
 - 1.9. Thay đổi về thần kinh
- 2. Những thay đổi ở bộ phận sinh dục
 - 2.1. Thay đổi ở thân tử cung
 - 2.1.1. Về giải phẫu
 - 2.1.2. Về sinh lý
 - 2.1.3. Thay đổi ở eo tử cung
 - 2.1.4. Thay đổi ở cổ tử cung
 - 2.2. Thay đổi ở phần phụ

Bài 14: Chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén *Thời gian: 4 giờ*

Mục tiêu bài học

- 1. Nêu được các khái niệm: sảy thai, chửa ngoài tử cung, chửa trứng và thai chết lưu

2. Kể được các nguyên nhân gây sảy thai, thai chết lưu
3. Trình bày được triệu chứng và hướng xử trí của sảy thai, chữa ngoài tử cung, chữa trứng và thai chết lưu
4. Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén

Nội dung

1. Sảy thai
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Nguyên nhân
 - 1.3. Phân loại
 - 1.4. Chẩn đoán và xử trí
 - 1.4.1. Dọa sảy thai
 - 1.4.2. Sảy thai
 - 1.4.3. Đã sảy thai
2. Chữa ngoài tử cung
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng và xử trí chữa ngoài tử cung
 - 2.3.1. Chữa ngoài tử cung chưa vỡ
 - 2.3.2. Triệu chứng của chữa ngoài tử cung vỡ
 - 2.3.3. Chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
 - 2.4. Phòng bệnh
3. Chửa trứng
 - 3.1. Đại cương
 - 3.2. Triệu chứng
 - 3.3. Diễn biến của chửa trứng
 - 3.4. Hướng xử trí và theo dõi
4. Thai chết lưu
 - 4.1. Khái niệm
 - 4.2. Nguyên nhân
 - 4.2.1. Nguyên nhân về phía người mẹ:
 - 4.2.2. Nguyên nhân về phía thai, có thể do:
 - 4.2.3. Nguyên nhân về phía phần phụ của thai, có thể gặp:
 - 4.3. Triệu chứng

4.3.1. Thai chết khi tuổi thai dưới 22 tuần

4.3.2. Thai chết khi tuổi thai từ 22 tuần

4.4. Diễn biến của thai chết trong tử cung

4.5. Xử trí

Bài 15: Chảy máu trong nửa sau thời kì thai nghén

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu được các khái niệm: rau tiền đạo, rau bong non, dọa vỡ và vỡ tử cung
2. Nêu được nguyên nhân của rau tiền đạo, rau bong non và vỡ tử cung
3. Trình bày được các triệu chứng và hướng xử trí của rau tiền đạo, rau bong non và vỡ tử cung

Nội dung

1. Rau tiền đạo
 - 1.1. Đại cương
 - 1.1.1. Định nghĩa
 - 1.1.2. Phân loại
 - 1.2. Nguyên nhân của rau tiền đạo
 - 1.3. Triệu chứng
 - 1.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 1.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 1.4. Thái độ xử trí đối với rau tiền đạo
 - 1.4.1. Khi chưa chuyển dạ
 - 1.4.2. Khi chuyển dạ
2. Rau bong non
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Xử trí
 - 2.3.1. Thể không có triệu chứng và thể nhẹ
 - 2.3.2. Thể trung bình
 - 2.3.3. Thể nặng

- 3. Doạ vỡ và vỡ tử cung
 - 3.1. Nguyên nhân
 - 3.1.1. Về phía mẹ
 - 3.1.2. Về phía thai
 - 3.1.3. Do thầy thuốc
 - 3.2. Triệu chứng
 - 3.2.1. Doạ vỡ tử cung
 - 3.2.2. Vỡ tử cung
 - 3.2.3. Vỡ tử cung có sẹo mổ cũ
 - 3.3. Xử trí
 - 3.3.1. Doạ vỡ tử cung
 - 3.3.2. Vỡ tử cung
 - 3.3.3. Nứt sẹo mổ cũ

Bài 16: Các khối u đường sinh dục và vú

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu bài học

1. Trình bày được triệu chứng của các khối u sinh dục.
2. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục

Nội dung

1. Bệnh ở vú
 - 1.1. Bệnh xơ nang tuyến vú
 - 1.1.1. Lâm sàng
 - 1.2. Cận lâm sàng
 - 1.3. U xơ tuyến
 - 1.3.1. Lâm sàng
 - 1.3.2. Cận lâm sàng
 - 1.4. Ung thư vú
 - 1.4.1. Chẩn đoán
2. Khối u lành tính và ác tính âm hộ - âm đạo
 - 2.1. Các khối u lành tính ở âm hộ
 - 2.2. Các khối u lành tính ở âm đạo
 - 2.3. Các khối u ác tính ở âm hộ
 - 2.3.1. Ung thư biểu mô lát âm hộ
 - 2.3.2. Các khối u ác tính khác

- 2.4. Các khối u ác tính ở âm đạo
 - 2.4.1. Ung thư biểu mô lát
 - 2.4.2. Ung thư biểu mô tuyến
 - 2.4.3. Ung thư cơ trơn thành âm đạo
- 3. U nang buồng trứng
 - 3.1. Phân loại
 - 3.1.1. U nang cơ năng
 - 3.1.2. U nang thực thể
 - 3.2. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 3.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 3.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 3.2.3. Cận lâm sàng
 - 3.3. Tiến triển và biến chứng
- 4. U xơ tử cung
 - 4.1. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 4.1.1. Triệu chứng cơ năng
 - 4.1.2. Triệu chứng thực thể
 - 4.1.3. Cận lâm sàng
- 5. Ung thư cổ tử cung
 - 5.1. Các yếu tố nguy cơ
 - 5.2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 5.2.1. Giai đoạn sớm
 - 5.2.2. Giai đoạn muộn
- 6. Ung thư niêm mạc tử cung
 - 6.1. Các yếu tố nguy cơ
 - 6.2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 6.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 6.2.2. Cận lâm sàng

Bài 17: Các biện pháp sinh đẻ kế hoạch

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học

1. Nêu được những chỉ định và chống chỉ định, cách sử dụng của ba biện pháp tránh thai tạm thời.
2. Kể được các tác dụng phụ và biến chứng có thể gặp của 3 biện pháp tránh

thai tạm thời.

3. Trình bày nội dung của phương pháp tránh thai khẩn cấp

Nội dung

1. Ba biện pháp tránh thai tạm thời

1.1. Bao cao su

1.1.1 Cơ chế tác dụng

1.1.2. Thuận lợi

1.1.3. Không thuận lợi

1.1.4. Chỉ định

1.1.5. Chống chỉ định

1.2. Thuốc tránh thai

1.2.1. Cơ chế tác dụng

1.2.2. Chỉ định

1.2.3. Chống chỉ định

1.2.4. Thuận lợi

1.2.5. Không thuận lợi

1.2.6. Tác dụng phụ

1.2.7. Phân loại và cách sử dụng

1.3. Dụng cụ tử cung

1.3.1. Cơ chế

1.3.2. Chỉ định

1.3.3. Chống chỉ định

1.3.4. Thuận lợi

1.3.5. Không thuận lợi

1.3.6. Tác dụng phụ

1.3.7. Biến chứng

1.3.8. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung

2. Hai biện pháp tránh thai lâu dài

2.1. Đình sản nam

2.1.1. Chỉ định

2.1.2. Thuận lợi

2.1.3. Không thuận lợi

2.1.4. Kỹ thuật

2.2. Đình sản nữ

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Chống chỉ định

2.2.3. Thuận lợi

2.2.4. Không thuận lợi

2.2.5. Kỹ thuật

3. Một số biện pháp tránh thai khác

3.1. Vô kinh cho con bú

3.2. Chọn ngày an toàn theo vòng kinh

3.3. Xuất tinh ngoài âm đạo

3.4. Màng ngăn âm đạo, mũ cổ tử cung

3.5. Thuốc diệt tinh trùng

4. Tránh thai khẩn cấp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Lý thuyết: học tập trung tại giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Bài giảng điện tử, giấy A0, bút, phấn,..

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh thuộc Ngoại, Sản phụ khoa. Các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của thai nhi. Liên hệ được với các biến đổi về xét nghiệm trong các tình trạng bệnh lý khác nhau.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện được một số biến đổi về xét nghiệm của người bệnh ngoại khoa, sản khoa.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,4;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 – 90 phút

- Thang điểm: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật PHCN vào học kỳ 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Lý thuyết: Thuyết trình ngắn tích cực hóa sinh viên, thảo luận nhóm

- Đối với người học: Chủ động học tập, nghiên cứu bài học trước giờ lên lớp, chuẩn bị bài báo cáo khi có yêu cầu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu dạy học:

- Trường CDYT Đắc Lắc. Bài giảng bệnh học ngoại và sản khoa

Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Bệnh học Ngoại khoa. NXB Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Sản phụ khoa. NXB Y học

TÊN MÔ ĐƠN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã môn học: MĐ9

Thời gian thực hiện mô đơn: 62 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn

- Vị trí: Là mô đơn bắt buộc, mô đơn được thực hiện vào học kỳ I năm 2; Mô đơn được bố trí sau khi sinh viên đã học các mô đơn/môn học khoa học cơ bản, y học cơ sở.
- giải quyết các tình huống lâm sàng. Tính chất: Mô đơn cung cấp cho sinh viên những kiến thức kiểm soát nhiễm khuẩn, cung cấp kiến thức về mục đích, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, chỉ định, chống chỉ định, các lưu ý để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trong các tình huống dạy học cụ thể. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng và các kỹ thuật sơ cấp cứu trong các tình huống lâm sàng an toàn và hiệu quả. Dự phòng, theo dõi, phát hiện và xử trí các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp, thái độ đúng đắn khi gặp các tình huống lâm sàng. Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể
- Mô đơn cung cấp kiến thức và kỹ năng rèn luyện các năng lực làm việc nhóm,

II. Mục tiêu mô đơn

- **Về kiến thức:**
 1. Vận dụng được kiến thức về điều dưỡng học và kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng ngừa chuẩn để thiết lập môi trường bệnh viện an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.
 2. Vận dụng được kiến thức về mục đích, chỉ định, áp dụng, không áp dụng, tai biến, phòng và xử trí khi thực hiện kỹ thuật để giải thích cho người bệnh lý do thực hiện kỹ thuật và xử trí các tai biến.
 3. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây nên các tai nạn thương tích tại cộng đồng để đưa ra hướng xử trí phù hợp trong việc cấp cứu ban đầu an toàn và hiệu quả.
- **Về kỹ năng:**
 1. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng và các kỹ thuật sơ cấp cứu đúng quy trình kỹ thuật, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
 2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thể hiện thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà, thái độ đúng đắn khi gặp các tình huống lâm sàng trong

các tình huống dạy học cụ thể.

- **VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM:**

1. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Quản lý tốt thời gian và tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện kỹ thuật. Tự đánh giá mức độ thực hiện sản phẩm học tập của bản thân.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	TÊN BÀI	Tổng số giờ	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành/ Tích hợp	Kiểm tra
1.	Lịch sử ngành điều dưỡng. Kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa chuẩn	6	4	2	
2.	Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn	8	4	4	
3.	Nguyên tắc cho NB dùng thuốc, các đường dùng thuốc. Kỹ thuật tiêm thuốc, tai biến và xử trí khi dùng thuốc. Tiêm an toàn. Cấp cứu Phán vệ	6	4	2	
4.	Kỹ thuật tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp	5	2	3	
5.	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	5	2	3	
6.	Kỹ thuật truyền tĩnh mạch	6	2	4	
7.	Kỹ thuật bệnh phẩm xét nghiệm	3	2	1	
8.	Vận chuyển người bệnh	3	2	1	
9.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn	4	2	2	
10.	Garô cầm máu	4	2	2	
11.	Kỹ thuật sơ cứu và băng bó vết thương	4	2	2	
12.	Kỹ thuật cố định gãy xương	6	2	4	
	Kiểm tra	2			2
	Tổng	62	30	30	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về điều dưỡng học. Kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa chuẩn

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được sơ lược lịch sử của ngành điều dưỡng thế giới, điều dưỡng Việt Nam.
2. Trình bày được vai trò chức năng của người điều dưỡng, nhiệm vụ của người điều dưỡng chăm sóc.
3. Trình bày được định nghĩa về nhiễm khuẩn bệnh viện, tác nhân gây nhiễm khuẩn BV, nguồn lây, đường lây truyền, các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và cách phòng ngừa nhiễm khuẩn BV.
4. Trình bày được khái niệm và nội dung phòng ngừa chuẩn.
5. Vận dụng các nội dung phòng ngừa chuẩn trong thực hành chăm sóc
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập. Tự tin phát biểu trong mọi trường học tập. Tự tin thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

Nội dung bài học:

1. Sơ lược lịch sử ngành Điều dưỡng thế giới
2. Sơ lược lịch sử ngành Điều dưỡng Việt Nam
 - 2.1 Ngành Điều dưỡng Việt Nam
 - 2.1 Sự ra đời và phát triển của Hội điều dưỡng
3. Vai trò của người điều dưỡng
 - 3.1. Người chăm sóc
 - 3.2. Người điều phối
 - 3.3. Người giáo dục
 - 3.4. Người tư vấn sức khỏe
 - 3.5. Người biện hộ cho người bệnh
 - 3.6. Vai trò khác
4. Chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng
 - 4.1. Chức năng
 - 4.1.1 Chức năng chủ động
 - 4.1.2 Chức năng phụ thuộc
 - 4.1.3 Chức năng phối hợp
 - 4.2. Nhiệm vụ
5. Định nghĩa và một số khái niệm nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) và kiểm soát nhiễm khuẩn

- 5.1. Định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện
- 5.2. Hướng dẫn chung và khuyến cáo về thực hiện KSNK
- 5.3. Tác nhân gây NKBV
- 5.4. Đường lây truyền
- 5.5. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
- 5.6. Nguyên tắc phòng ngừa NKBV
6. Phòng ngừa chuẩn
 - 6.1. Khái niệm
 - 6.2. Các nội dung phòng ngừa chuẩn
 - 6.2.1. Vệ sinh tay;
 - 6.2.2. Sử dụng dụng cụ phòng hộ cá nhân;
 - 6.2.3. Vệ sinh đường hô hấp;
 - 6.2.4. Dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn/kim;
 - 6.2.5. Khử khuẩn tiết khuẩn;
 - 6.2.6. Xử lý, vận chuyển thích hợp đồ vải bẩn sử dụng lại;
 - 6.2.7. Làm sạch môi trường;
 - 6.2.8. Xử lý chất thải thích hợp;
 - 6.2.9. Sắp xếp giường bệnh;

Bài 2: Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Vận dụng được hiểu biết về mục đích, chỉ định để áp dụng và giải thích lý do đo DHST trên người bệnh già định.
2. Giải thích được các chỉ số bình thường, bất thường để đánh giá tình trạng NB trong tình huống LS. Vận dụng được các quy tắc khi tiến hành đo DHST để đảm bảo kết quả chính xác .
3. Tiến hành kỹ thuật đo DHST đúng quy trình trong tình huống dạy học cụ thể tại phòng tiền lâm sàng. Tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh. .
4. Theo dõi, phát hiện, dự phòng và xử trí các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện KT trong các tình huống dạy học cụ thể.
5. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành.
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ

năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Mục đích
3. Chỉ định
4. Quy tắc đo DHST
5. Đơn vị tính
6. Chỉ số BT, bất thường
7. Thay đổi sinh lý, bệnh lý (các yếu tố ảnh hưởng) và cách chăm sóc.
8. Vị trí đo
9. Dụng cụ đo
10. Quy trình kỹ thuật
 - 10.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 10.2. Chuẩn bị điều dưỡng
 - 10.3. Chuẩn bị dụng cụ
 - 10.4. Tiến hành kỹ thuật
 - 10.5. Xử trí bất thường

Bài 3: Nguyên tắc cho NB dùng thuốc, các đường dùng thuốc. Kỹ thuật tiêm thuốc, tai biến và xử trí khi dùng thuốc. Tiêm an toàn

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được đại cương và nguyên tắc cho người bệnh dùng thuốc.
2. Trình bày được các đường dùng thuốc, các tai biến khi dùng thuốc.
3. Vận dụng được các kỹ thuật tiêm thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể.
4. Trình bày được các tai biến và hướng xử trí khi dùng thuốc cho người bệnh
5. Phân tích được các nội dung tiêm an toàn
6. Thể hiện được thái độ tôn trọng, ân cần trong giao tiếp, phòng ngừa nhiễm khuẩn và an toàn để người bệnh yên tâm, tin tưởng vào công tác chăm sóc.
7. Rèn luyện được tác phong nhanh nhẹn, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc

- 2.1. Kiến thức về thuốc
- 2.2. Tác phong làm việc
- 2.3. Nhận định về người bệnh
- 2.4. Hiểu rõ y lệnh về thuốc, nếu nghi ngờ phải hỏi lại
- 2.5. Kiểm tra 5 đúng
- 2.6. Theo dõi tác dụng của thuốc
- 2.7. Ghi chép hồ sơ
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
4. Các đường dùng thuốc
 - 4.1. Uống
 - 4.2. Thuốc ngấm qua niêm mạc
 - 4.3. Thuốc tác dụng ngoài da
 - 4.4. Tiêm thuốc
5. Các tai biến khi tiêm thuốc
 - 5.1. Do vô khuẩn không tốt
 - 5.2. Do quá trình tiêm
 - 5.3. Do tác dụng của thuốc
6. Phác đồ chẩn đoán và cấp cứu ban đầu phản vệ
 - 6.1. Chẩn đoán phản vệ
 - 6.2. Nhóm thuốc dễ gây phản vệ cần theo dõi sát khi tiêm thuốc
7. Tiêm an toàn

Bài 4: Kỹ thuật tiêm dưới da, trong da, tiêm bắp *Thời gian: 5 giờ*

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được mục đích khi thực hiện được kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp theo đúng quy trình trên người bệnh giả định
2. Vận dụng các kiến thức về các tai biến có thể xảy ra khi tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, phát hiện và xử trí kịp thời .
3. Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể, biết sử dụng các trang thiết bị và phương tiện tại các phòng thực hành .
4. Thực hiện được kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp đúng quy trình, an toàn trong tình huống giả định.
5. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành

6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện KT. Tự đánh giá được mức độ hoàn thành sản phẩm học tập của bản thân.

Nội dung bài học

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Áp dụng
 - 1.3. Không áp dụng
 - 1.4. Vị trí tiêm
2. Quy trình kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp
 - 2.1. Chuẩn bị người bệnh.
 - 2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
 - 2.3. Chuẩn bị dụng cụ.
 - 2.4. Thực hiện kỹ thuật.
 - 2.5. Ghi phiếu CS điều dưỡng
3. Tai biến, dự phòng và xử trí
4. Lượng giá

Bài 5: Kỹ thuật Tiêm tĩnh mạch

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật tiêm tĩnh mạch.
2. Xác định được đúng vị trí tiêm tĩnh mạch trên người bệnh giả định hoặc mô hình thay thế.
3. Trình bày được các tai biến, cách phát hiện, dự phòng và hướng xử trí các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện kỹ thuật trong tình huống lâm sàng.
4. Chuẩn bị được người bệnh, điều dưỡng, dụng cụ đầy đủ, chu đáo, khoa học để tiến hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho người bệnh theo đúng quy trình.
5. Tiến hành đúng, đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch cho người bệnh với tình huống dạy học cụ thể, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
6. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong tình huống dạy học cụ thể.
7. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm để thực hiện quy trình kỹ thuật.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Áp dụng
 - 1.3. Không áp dụng
 - 1.4. Vị trí tiêm
2. Quy trình kỹ thuật
 - 2.1. Chuẩn bị người bệnh.
 - 2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
 - 2.3. Chuẩn bị dụng cụ.
 - 2.4. Thực hiện kỹ thuật.
 - 2.5. Ghi phiếu CS điều dưỡng
3. Tai biến, dự phòng và xử trí
4. Lượng giá

Bài 6: Kỹ thuật truyền tĩnh mạch

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.
2. Trình bày được nguyên tắc, tai biến, dấu hiệu, phòng ngừa và hướng xử trí những tai biến có thể xảy ra trong truyền dịch tĩnh mạch.
3. Chuẩn bị được người bệnh, điều dưỡng và dụng cụ đầy đủ, chu đáo, khoa học để tiến hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.
4. Tiến hành đúng, đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật truyền dịch với tình huống lâm sàng, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
5. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong tình huống dạy học cụ thể.
6. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm để thực hiện QTKT.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Áp dụng
 - 1.3. Không áp dụng
 - 1.4. Vị trí truyền
2. Quy trình kỹ thuật

- 2.1. Chuẩn bị người bệnh.
- 2.2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
- 2.3. Chuẩn bị dụng cụ.
- 2.4. Thực hiện kỹ thuật.
- 2.5. Ghi phiếu CS điều dưỡng
3. Tai biến, dự phòng và xử trí
4. Lượng giá

Bài 7: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, mục đích, nguyên tắc chung của lấy mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm.
2. Trình bày được mục đích, nguyên tắc và kỹ thuật lấy đờm, phân, mủ.
3. Trình bày được định nghĩa, chỉ định, nguyên tắc, tai biến, dự phòng và xử trí của kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch.
4. Chuẩn bị được người bệnh, điều dưỡng và dụng cụ đầy đủ, chu đáo, khoa học để tiến hành kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch.
5. Tiến hành đúng, đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch với tình huống lâm sàng, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
6. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng NB trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong tình huống dạy học cụ thể.
7. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm để thực hiện QTKT.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Các loại bệnh phẩm
3. Định nghĩa
4. Mục đích chung
5. Quy tắc chung
6. Các loại bệnh phẩm, mục đích, vị trí và kỹ thuật lấy bệnh phẩm
7. Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch
 - 7.1. Chuẩn bị người bệnh.
 - 7.2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
 - 7.3. Chuẩn bị dụng cụ.

- 7.4. Thực hiện kỹ thuật.
- 7.5. Ghi phiếu CS điều dưỡng
- 7.6. Tai biến, dự phòng và xử trí
8. Lượng giá

Bài 8: Vận chuyển người bệnh

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được mục đích, áp dụng, nguyên tắc và các phương pháp vận chuyển người bệnh.
2. Trình bày được các tai biến, cách xử trí và đề phòng khi thực hiện kỹ thuật vận chuyển người bệnh trong tình huống lâm sàng.
3. Chuẩn bị được người bệnh, điều dưỡng, dụng cụ đầy đủ, chu đáo, khoa học để tiến hành KT vận chuyển người bệnh bằng cáng đúng quy trình đảm bảo chính xác.
4. Tiến hành đúng và đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật vận chuyển người bệnh bằng cáng với tình huống dạy học cụ thể. Tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
5. Thể hiện được thái độ ân cần khi giao tiếp, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể.
6. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm và người bệnh (giả định) để thực hiện QTKT.

Nội dung bài học:

1. Mục đích
2. Áp dụng
3. Các phương pháp vận chuyển người bệnh
4. Nguyên tắc chung khi vận chuyển người bệnh
5. Quy trình vận chuyển người bệnh bằng cáng
6. Tai biến, dự phòng, xử trí
7. Các lưu ý trong quá trình vận chuyển người bệnh

Bài 9: Cấp cứu ngừng tuần hoàn

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc cấp cứu ngừng tuần hoàn.
2. Trình bày được các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện cấp cứu ngừng tuần hoàn.
3. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ, kịp thời để tiến hành kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn đúng quy trình.

4. Tiến hành đúng, đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn với tình huống giả định. Tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
5. Thể hiện được thái độ ân cần, tác phong nhanh nhẹn khẩn trương, kịp thời trong giao tiếp và thiết lập được môi trường cấp cứu nạn nhân/người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
6. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm cấp cứu và nạn nhân/người bệnh giả định để thực hiện QTKT. Hoàn thành sản phẩm tự học.

Nội dung bài học:

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Sinh lý bệnh
4. Triệu chứng
5. Nguyên tắc cấp cứu ngừng tuần hoàn
 - 5.1. Các cấp cứu ban đầu (2015): C-A-B
 - 5.2. Cấp cứu tại bệnh viện
6. Các phương tiện dụng cụ thuốc hỗ trợ cấp cứu ngừng tuần hoàn
7. Tai biến
8. Các lưu ý
9. Quy trình kỹ thuật
10. Lượng giá

Bài 10: Kỹ thuật cầm máu tạm thời, garo cầm máu

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được phân loại, dấu hiệu nhận biết, triệu chứng vết thương mạch máu.
2. Trình bày được nguyên tắc, các phương pháp xử trí vết thương mạch.
3. Chuẩn bị được nạn nhân, điều dưỡng, dụng cụ đầy đủ, chu đáo, khoa học để tiến hành KT Garo cho nạn nhân đúng quy trình, khẩn trương.
4. Tiến hành đúng và đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật Garo với tình huống dạy học cụ thể. Tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh.
5. Thể hiện được thái độ ân cần khi giao tiếp, tôn trọng nạn nhân và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể.
6. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm và nạn nhân (giả định) để thực hiện QTKT.

Nội dung bài học:

1. Đại cương
2. Phân loại vết thương chảy máu
 - 2.1. Chảy máu ngoài
 - 2.2. Chảy máu trong
3. Dấu hiệu vết thương mạch máu
 - 3.1. Vết thương động mạch
 - 3.2. Vết thương tĩnh mạch
 - 3.3. Vết thương mao mạch
4. Cấp cứu chảy máu trong
 - 4.1. Nguyên nhân
 - 4.2. Triệu chứng
 - 4.3. Xử trí
5. Cấp cứu chảy máu ngoài
 - 5.1. Triệu chứng
 - 5.2. Xử trí
6. Phương pháp garo và nới garo
7. Tai biến, dự phòng và xử trí

Bài 11: Kỹ thuật băng bó

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được mục đích, chỉ định và nguyên tắc khi băng bó vết thương.
2. Trình bày được các loại băng và 6 kiểu băng cơ bản.
3. Áp dụng được 6 kiểu băng cơ bản để băng từng vị trí trên cơ thể.
4. Lường trước được các tai biến có thể xảy ra với nạn nhân để có biện pháp phòng ngừa.
5. Vận dụng các kỹ năng giao tiếp để giải thích được với nạn nhân và người nhà trong quá trình cấp cứu và tiến hành các kỹ thuật chăm sóc.
6. Thể hiện sự tận tình và tác phong nhanh chóng, khẩn trương khi cấp cứu nạn nhân trong những tình huống lâm sàng cụ thể.

Nội dung bài học:

1. Mục đích băng bó.
2. Nguyên tắc khi băng.
3. Các loại băng

- 3.1. Băng cuộn.
- 3.2. Băng thun
- 3.3. Băng cao su (Băng Esmarch)
- 3.4. Băng dính
- 3.5. Băng tam giác
- 3.6. Băng dải
4. Các kiểu băng cơ bản và mô tả cách băng
 - 4.1. Băng vòng khóa
 - 4.2. Băng xoay ốc
 - 4.3. Băng rắn cuộn
 - 4.4. Băng chữ nhân
 - 4.5. Băng số 8
 - 4.6. Băng vòng gấp lại (hồi quy)
5. Cách cố định băng trước khi kết thúc
6. Ứng dụng các kiểu băng cơ bản để băng các vết thương trên cơ thể.
 - 6.1. Băng ngón tay
 - 6.2. Băng kín 5 ngón
 - 6.3. Băng bàn tay
 - 6.4. Băng khuỷu tay
 - 6.5. Băng vai
 - 6.6. Băng bàn chân
 - 6.7. Băng vùng đầu

Bài 12: Kỹ thuật cố định gãy xương

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại, triệu chứng gãy xương
2. Trình bày được mục đích, nguyên tắc chung, tai biến, dự phòng và hướng xử trí các tai biến cố định gãy xương
3. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ, kịp thời để tiến hành kỹ thuật cố định tạm thời gãy xương kín bằng nẹp đúng quy trình đảm bảo chính xác
4. Tiến hành đúng, đầy đủ các bước của quy trình kỹ thuật cố định tạm thời gãy xương kín bằng nẹp với tình huống lâm sàng. Tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh
5. Thể hiện được thái độ ân cần, tác phong nhanh nhẹn khẩn trương kịp thời trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học

cụ thể.

6. Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm và người bệnh (giả định) để thực hiện QTKT.

Nội dung bài học:

1. Nguyên nhân
 - 1.1. Do chấn thương
 - 1.2. Do bệnh lý
2. Phân loại
 - 2.1. Theo giải phẫu
 - 2.2. Theo hình dạng
3. Triệu chứng gãy xương
 - 3.1. Triệu chứng chắc chắn
 - 3.2. Triệu chứng không chắc chắn
4. Mục đích cố định gãy xương
5. Nguyên tắc cố định gãy xương.
6. Dụng cụ để cố định gãy xương.
7. Kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương
 - 7.1. Cố định gãy xương cánh tay.
 - 7.2. Gãy xương cẳng tay
 - 7.3. Gãy xương đùi
 - 7.4. Gãy xương cẳng chân

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

- Phòng tiền lâm sàng;
- Giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ

- Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
- Dụng cụ chăm sóc (thực hành)

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình và tình huống lâm sàng cho sinh viên.
- Bài giảng PPT
- Bảng kiểm

- Mô hình
- Video

4. Các điều kiện khác

- Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
- Chia tổ thực hành: không quá 18 SV

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Trình bày được đại cương về điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa chuẩn, hiểu được mục đích, chỉ định, áp dụng, không áp dụng, tai biến, phòng và xử trí khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng, kể được nguyên nhân, cơ chế gây nên các tai nạn thương tích tại cộng đồng để đưa ra hướng xử trí phù hợp trong việc cấp cứu ban đầu an toàn và hiệu quả.
- **Kỹ năng:** Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật sơ cấp cứu đúng quy trình, đảm bảo an toàn, hiệu quả tại các phòng thực hành. Giao tiếp tốt với người bệnh (người đóng thế).
- **Thái độ/Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:** Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Quản lý tốt thời gian và tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện kỹ thuật. Tự đánh giá mức độ thực hiện sản phẩm học tập của bản thân.

2. Phương pháp:

- Điểm quá trình: được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.
 - + Điểm thường xuyên: 1 cột, được đánh giá bất kỳ ở thời điểm nào trong quá trình học, do Gv quyết định.
 - + Điểm định kỳ: 2 cột, được đánh giá theo giờ quy định trong môn học
- Hình thức:
 - + Kiến thức: kiểm tra bằng test trắc nghiệm
 - + Kỹ năng: Kiểm tra năng lực tay nghề trên mô hình tại phòng thực hành.
- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi viết trắc nghiệm. Thời gian từ 60 – 90 phút.
- Điểm tổng kết mô đun
 - + Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

3. Hướng dẫn thực hiện môn học:

3.1. **Phạm vi áp dụng mô-đun:** Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật Y học

3.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Chuẩn bị

Đối với giảng viên , giảng viên:

- + Cung cấp tài liệu, tình huống lâm sàng, câu hỏi cho sinh viên
- + Hướng dẫn cho sinh viên tự học trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật liệu dạy học
- + Sử dụng các phương pháp giảng dạy, chuẩn bị kế hoạch dạy học đầy đủ

Đối với sinh viên:

- + Đọc đề cương, tài liệu và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu trong đề cương
- + Hăng hái đóng góp ý kiến trong giờ thảo luận
- + Bổ sung, góp ý kiến cho các thành viên trong nhóm
- + Lắng nghe ý kiến góp ý của giảng viên.

- Tổ chức dạy - học

TT	Tổ chức dạy học	Số buổi
1	Lý thuyết	8
2	Thực hành	8
	Tổng cộng	16

+ Đối với giảng viên:

- ✓ Thực hiện theo kế hoạch dạy học chuẩn bị đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- ✓ Áp dụng mô hình dạy học ” đảo chiều” tạo điều kiện để sinh viên trình bày các sản phẩm bằng nhiều hình thức khác nhau.
- ✓ Tăng cường sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học,

+ Đối với sinh viên:

- ✓ Tham gia tích cực trình bày sản phẩm chuẩn bị bài.
- ✓ Hăng hái đóng góp ý kiến trong thảo luận
- ✓ Lắng nghe ý kiến góp ý, kết luận của giảng viên

4. Những trọng tâm cần chú ý

- Trọng tâm của môn học: từ bài 1 đến bài 12

5. Tài liệu tham khảo

- Đỗ Đình Xuân (2017). Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học. Tập 1, 2
- Đỗ Đình Xuân và Trần Thị Thuận (2010). Hướng dẫn thực hành 55 Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Đỗ Đình Xuân và Trần Thị Thuận (2013). Kỹ năng thực hành điều dưỡng. Nhà xuất bản Y học. Tập 1, 2
- Lương Ngọc Khuê, Đặng Quốc Tuấn (2014). Tài liệu cấp cứu cơ bản. Nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Đạt Anh. (2011). Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu. Nhà xuất bản Y học.
- Trần Thúy Hạnh và Lê Thị Bình (2017). Điều dưỡng cơ bản và nâng cao. Nhà xuất bản Y học.
- Trần Thị Thuận (2017). Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học. Tập 1, 2
- Ruth F. Craven, Comtances. Hirnle (2015). Fundamentals of Nursing. Lippincort William (5th).

TÊN MÔ ĐƠN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã mô đơn: MĐ10

Thời gian thực hiện mô đơn: 137 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập: 135 giờ; thi/ kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đơn

- **Vị trí:** là mô đơn thuộc phần kiến thức y học cơ sở.
- **Tính chất:** Học phần này giới thiệu những kiến thức lý luận chung về điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu, đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấp cứu ban đầu và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nhằm phục vụ cho việc chăm sóc, điều trị, điều dưỡng giúp cho người bệnh mau chóng khỏe mạnh sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đơn

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước trong và sau khi thực hiện các kỹ năng chăm sóc.
- Chuẩn bị được đầy đủ các dụng cụ khi thực hiện kỹ năng.
- Thực hiện được các quy trình kỹ thuật trên người bệnh
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hiện quy trình kỹ thuật.
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tự tin, chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đơn

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đơn	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn	15	0	15	
2.	Hồ sơ bệnh án và cách ghi chép	5	0	5	
3.	Cho người bệnh uống thuốc	5	0	5	
4.	Kỹ thuật băng, thay băng, rửa vết	15	0	15	

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	thương				
5.	Vệ sinh tay (rửa tay, sát khuẩn tay nhanh)	10	0	10	
6.	Kỹ thuật tiêm bắp	10	0	10	
7.	Kỹ thuật tiêm dưới da	10	0	10	
8.	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	10	0	10	
9.	Kỹ thuật truyền tĩnh mạch	11	0	10	1
10.	Kỹ thuật thở oxy	5	0	5	
11.	Chăm sóc dự phòng loét	5	0	5	
12.	Sơ cứu gãy xương	10	0	10	
13.	Sơ cứu vết thương phần mềm, garô cầm máu	5	0	5	
14.	Vận chuyển người bệnh (di chuyển NB, chụp chiếu ...)	5	0	5	
15.	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm (máu, dịch)	16	0	15	1
	Tổng	137	0	135	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn

Thời gian: 15 giờ

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đếm mạch
- Hướng dẫn quy trình đo huyết áp
- Hướng dẫn quy trình đếm nhịp thở

Bài 2. Hồ sơ bệnh án và cách ghi chép

Thời gian: 5 giờ

- Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chức năng sống
- Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chăm sóc, phiếu truyền dịch

Bài 3. Cho người bệnh uống thuốc

Thời gian: 5 giờ

- Hướng dẫn quy trình cho người bệnh uống thuốc

- Bài 4: Kỹ thuật băng, thay băng, rửa vết thương** **Thời gian: 15 giờ**
- Hướng dẫn quy trình băng bó
 - Hướng dẫn quy trình thay băng rửa vết thương sạch, cắt chỉ
- Bài 5. Vệ sinh tay** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình rửa tay thường quy
 - Hướng dẫn quy trình rửa tay ngoại khoa
 - Hướng dẫn quy trình sát khuẩn tay nhanh
- Bài 6. Kỹ thuật tiêm bắp** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm bắp
 - Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.
- Bài 7. Kỹ thuật tiêm dưới da** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm dưới da
 - Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.
- Bài 8. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
 - Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.
- Bài 9. Kỹ thuật truyền tĩnh mạch** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật truyền tĩnh mạch
 - Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.
- Bài 10. Kỹ thuật thở oxy** **Thời gian: 5 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
 - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy bằng hai đường gọng kính
- Bài 11. Chăm sóc, dự phòng loét** **Thời gian: 5 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật xoay trở , các tư thế nghỉ ngơi trị liệu
 - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật thay băng nhiễm khuẩn
- Bài 12. Sơ cứu gãy xương** **Thời gian: 10 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định gãy xương chi trên
 - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định gãy xương chi dưới
 - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định xương đòn
- Bài 13. Sơ cứu vết thương phần mềm, garô cầm máu** **Thời gian: 5 giờ**
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật sơ cứu vết thương phần mềm
 - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật garô cầm máu
- Bài 14. Vận chuyển người bệnh** **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật vận chuyển người bệnh vào viện, ra viện
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật vận chuyển người bệnh chuyển viện

Bài 15. Lấy bệnh phẩm xét nghiệm

Thời gian: 15 giờ

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm mũi làm xét nghiệm
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm đờm làm xét nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

4.1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Lâm sàng: Chia nhóm thực tập tại các khoa lâm sàng bệnh viện

4.2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, projector, phấn bảng, một số trang thiết bị Y tế

4.3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo
- Giấy A0, bút màu...
- Các phương tiện trên khoa phòng bệnh viện
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viện.

4.4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

5.1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Mục đích, nguyên tắc chung của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.
 - + Trường hợp áp dụng và không áp dụng được của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.
 - + Tai biến có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.
- Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Sử dụng tốt công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Có khả năng độc lập hoặc phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Biết quản lý thời gian, tự tin phát biểu trước môi trường học tập.

5.2. Phương pháp:

- Thi kết thúc mô đun: Thi bằng phương pháp thực hiện kỹ thuật trên người bệnh

5.3. Đánh giá:

- **Điểm quá trình:** được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thương xuyên: 02 cột, được đánh giá bất kỳ ở thời điểm nào trong quá trình học, do giảng viên quyết định.

+ Điểm định kỳ: 02 cột, được đánh giá theo giờ quy định trong mô đun

- Điểm thi kết thúc mô đun:

+ Thi thực hiện quy trình kỹ thuật trên người bệnh. Giảng viên đánh giá bằng bảng thang điểm.

+ Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn quy định.

- Điểm tổng kết mô đun:

+ Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

6.1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành kỹ thuật phục hồi chức năng

6.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, giảng viên thực hiện các phương pháp dạy học tích cực. Làm mẫu phát hiện các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của bệnh, sinh viên làm dưới sự hướng dẫn của giảng viên

- Đối với người học: Chủ động học tập, nghiên cứu bài học trước giờ lên lớp, chuẩn bị bài báo cáo khi có yêu cầu, tích cực tham gia các buổi thực hành lâm sàng

6.3. Những trọng tâm cần chú ý

6.4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế - 2007 – Điều dưỡng cơ bản 1,2 - NXBYH

- Bộ y tế - 2013 -Hướng dẫn quy trình chống NK bệnh viện, tập I - NXBYH

- Bộ y tế - Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập I (2002), tập II (2004) - NXBYH

- Tài liệu nhiễm khuẩn bệnh viện của CDC

- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

- Giáo trình cấp cứu ban đầu – Nhà xuất bản Hà Nội- 2005

- Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới –Tập 1,2(2020)- NXBYH

TÊN MÔN HỌC: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học: MĐ11

Thời gian thực hiện môn học: 47 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ ba. Sinh viên cần phải học qua các môn học thuộc: Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành; Kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Tính chất: Môn học thực hành nghiên cứu trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học y học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu khoa học y học và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học..

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận khi tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học.
- + Phân tích được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, quy trình nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

- + Vận dụng được các công thức để tính được các đại lượng đặc trưng của mẫu.
- + Xây dựng được bộ câu hỏi, quản lý số liệu và phân tích số liệu thống kê mô tả.
- + Viết được đề cương nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có năng lực vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề được đặt ra trong bài toán
- + Thể hiện được tính tích cực trong học tập: Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giám sát; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng tìm kiếm tài liệu; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng phản biện.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Tự học	Kiểm tra
1.	Chương I					
	1. Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học y học	1	1			
	2. Quy trình nghiên cứu điều dưỡng	1	1			
	3. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu	3	1	2		
	4. Mục tiêu – biến số nghiên cứu	3	1	2		
2.	Chương II.					
	1. Tổng quan tài liệu tham khảo	7	2	4		1
	2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	2		
	3. Phương pháp chọn mẫu	4	2	2		
	4. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu	6	2	4		
3.	Chương III.					
	1. Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu khoa học	9	1	8		
	2. Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học	9	2	6		1
	Cộng	47	15	30		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương I:

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học Y học, quy trình nghiên cứu. Hướng dẫn cho sinh viên cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu, viết mục tiêu và xác định các biến số cho nghiên cứu của mình

2. Nội dung chương:

2.1 Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu điều dưỡng

2.2 Quy trình nghiên cứu điều dưỡng

2.3 Lựa chọn vấn đề nghiên cứu

2.4 Mục tiêu – biến số nghiên cứu

Chương II:

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách tìm kiếm tài liệu, xác định phương pháp nghiên cứu khoa học, cách chọn mẫu, cách thu thập và xử lý số liệu cho một nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung chương:

2.1 Tổng quan tài liệu tham khảo

2.2 Phương pháp nghiên cứu khoa học

2.3 Phương pháp chọn mẫu

2.4 Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Chương III:

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và hướng dẫn cách viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung chương:

2.1 Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu khoa học

2.2. Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Đảm bảo diện tích 75m², số lượng bàn ghế đủ cho sinh viên ngồi, đảm bảo đủ ánh sáng.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính, băng đĩa. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và SPSS (Statistical Package for Social Sciences) để xử lý và phân tích dữ liệu. Chúng tôi chọn dùng Excel và SPSS vì nó khá phổ biến và dễ sử dụng. Việc dùng Excel để xử lý tuy có thủ công nhưng sẽ giúp người học củng cố lại lý thuyết.

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên (Giáo án, giáo trình, sổ tay giảng viên)

- Giấy A0, bút, bảng, phấn.

4. Điều kiện giảng viên: Bác sỹ, Điều dưỡng, trình độ sau đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, cao đẳng.

5. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận khi tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng: Viết được đề cương nghiên cứu khoa học đạt yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện được sự nghiêm túc, quan tâm và cẩn thận khi thực hiện báo cáo đề cương nghiên cứu khoa học.

2. Phương pháp:

2.1. Điểm quá trình (kí hiệu: QT):

- *Đối với các học trình lý thuyết:*

+ 01 cột điểm kiểm tra định kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.

+ Thời gian mỗi bài kiểm tra: 45 - 60 phút

- *Đối với các học trình thực hành:*

+ 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên theo hình thức thảo luận; vấn đáp hoặc bài tập nhóm.

+ 01 cột điểm kiểm tra định kỳ theo hình thức làm bài tập nhóm, trình bày báo cáo đề cương nghiên cứu khoa học.

+ Thời gian kiểm tra: Do giảng viên quy định.

2.2. Điểm thi kết thúc học phần (kí hiệu: KTHP):

- Theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo đề cương.

- Thời gian: 60 - 90 phút

2.3. Điểm học phần (kí hiệu: HP):

- Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6; Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH

Tính theo công thức sau:

$$HP = \frac{QT \times 4 + KTHP \times 6}{10}$$

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Học kì thứ VI.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận và làm bài tập nhóm.
- Đối với người học:
 - + Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học.
 - + Tham dự giờ giảng một cách tích cực và đầy đủ.
 - + Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.
 - + Tham gia đầy đủ các buổi thực hành dưới sự giám sát của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu
- Xử lý, phân tích số liệu
- Mục tiêu – biến số nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học

4. Tài liệu tham khảo

Tài liệu giảng dạy

- Bộ môn Điều dưỡng - KTYH: Giáo trình thực hành nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Đức Mục: Phương pháp nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2005.
- Nguyễn Thanh Liêm và cộng sự: Cách tiến hành công trình nghiên cứu y học, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2000.

TÊN MÔ ĐƠN: GIẢI PHẪU CHỨC NĂNG HỆ THẦN KINH VÀ HỆ VẬN ĐỘNG

Mã môn học: MĐ12

Thời gian thực hiện môn học: 47 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 30 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu và Sinh lý, Sinh lý bệnh.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc vào học kỳ thứ 3.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc giải phẫu hệ thần kinh và mối liên quan đến chức năng vận động, chức năng cảm giác-giác quan, thần kinh vận động, kiểm soát của tủy sống; vị trí của cơ: nguyên ủy và bám tận, chức năng của một cơ hay một nhóm cơ, thần kinh chi phối.
- Phân loại các khớp trong cơ thể và các chức năng hoạt động.

Về kỹ năng:

- Mô tả được vị trí chức năng và mối quan hệ của hệ thần kinh với các hệ khác của cơ thể con người.
- Mô tả được vai trò của hệ thần kinh trong chức năng vận động, chức năng cảm giác giác quan.
- Mô tả được các chức năng căn bản của vỏ não
- Mô tả chính xác cấu tạo khớp, các cử động của các khớp trong cơ thể.
- Xác định và phân loại các loại khớp trong cơ thể.
- Mô tả các chức năng hoạt động của các nhóm cơ trong cơ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Giải phẫu chức năng của đai vai- khớp vai	5	2	3	0	2
2	Bài 2: Giải phẫu chức năng khớp khuỷu	4	1	3	0	
3	Bài 3: Giải phẫu chức năng cổ tay, bàn tay	5	2	3	0	
4	Bài 4: Giải phẫu chức năng khớp hông - đùi	6	2	4	0	
5	Bài 5: Giải phẫu chức năng khớp gối - cẳng chân	4	1	3	0	
6	Bài 6: Giải phẫu chức năng khớp cổ chân - bàn chân	5	2	3	0	
7	Bài 7: Giải phẫu chức năng thân mình	5	1	4	0	
8	Bài 8: Giải phẫu chức năng các cơ đầu mặt cổ	5	2	3	0	
9	Bài 9: Giải phẫu chức năng hệ thần kinh trung ương	6	2	4	0	
10	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		47	15	30	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giải phẫu chức năng của đai vai- khớp vai
giờ - TH: 03 giờ)

Thời gian: 05 giờ (LT: 02

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp ổ chảo, cánh tay
2. Nêu được các cử động của khớp ổ chảo, cánh tay
3. Trình bày được chức năng của các cơ chi phối chức năng của khớp ổ chảo cánh tay.
4. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của khớp vai.

Nội dung:

1. Cấu tạo khớp
2. Các cử động
3. Chức năng của các cơ
 - 3.1. Nhóm cơ dạng xương vai
 - 3.2. Khép xương vai
 - 3.3. Nâng xương vai
 - 3.4. Hạ đai vai
 - 3.5. Xoay xương vai
 - 3.6. Dạng cánh tay
 - 3.7. Khép cánh tay
 - 3.8. Gấp cánh tay
 - 3.9. Duỗi cánh tay
 - 3.10. Xoay trong cánh tay
 - 3.11. Xoay ngoài cánh tay

Bài 2: Giải phẫu chức năng khớp khuỷu
TH: 03 giờ)

Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ -

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp khuỷu
2. Nêu được các cử động của khớp khuỷu
3. Trình bày được chức năng của các cơ chi phối chức năng của khớp khuỷu
4. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của khớp khuỷu.

Nội dung:

1. Cấu tạo khớp
2. Các cử động
3. Chức năng của các cơ:
 - 3.1. Gấp cẳng tay
 - 3.2. Duỗi cẳng tay
 - 3.3. Sấp cẳng tay
 - 3.4. Ngửa cẳng tay

Bài 3: Giải phẫu chức năng cổ tay, bàn tay
TH: 03 giờ)

Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ -

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp cổ tay, bàn tay và ngón tay
2. Nêu được các cử động của khớp cổ tay, bàn tay và ngón tay
3. Trình bày được chức năng của các cơ chi phối chức năng của khớp cổ tay, bàn tay và ngón tay.
4. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng cổ tay, bàn tay.

Nội dung:

1. Cấu tạo khớp
2. Các cử động của khớp
3. Chức năng của các cơ:
 - 3.1. Gập bàn tay
 - 3.2. Duỗi bàn tay
 - 3.3. Khép bàn tay
 - 3.4. Dạng bàn tay
 - 3.5. Các nhóm cơ cẳng tay
 - 3.5.1. Gấp ngón tay
 - 3.5.2. Duỗi ngón tay
 - 3.5.3. Dạng ngón cái
 - 3.6. Nhóm cơ nội tại bàn tay
 - 3.7. Nhóm cơ của ngón cái
 - 3.8. Nhóm cơ của ngón út

Bài 4: Giải phẫu chức năng khớp hông - đùi

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ -

TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp hông
2. Nêu được các cử động của khớp hông và cơ chi phối chức năng khớp hông.
3. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của khớp hông.

Nội dung:

A. Xương

1. Xương chậu
 - 1.1. Xương cánh chậu
 - 1.2. Xương ngồi.
 - 1.3. Xương mu
2. Xương đùi

3. Xương bánh chè

B. Khớp - Khớp chậu đùi

C. Các cử động

1. Gấp đùi

1.1. Cơ thắt lưng - chậu.

1.1.1. Cơ thắt lưng to

1.1.2. Cơ chậu.

1.1.3. Cơ thắt lưng bé

1.2. Cơ may

1.3. Cơ căng mạc rộng

1.4. Cơ lược

2. Duỗi đùi

2.1 Cơ hông to

3. Dạng đùi

3.1. Cơ hông vừa

3.2. Cơ hông bé

3.3. Cơ hình lê

4. Khép đùi

4.1. Cơ khép dài

4.2. Cơ khép lớn

4.3. Cơ khép ngắn

4.4. Cơ thon

5. Xoay trong đùi

6. Xoay ngoài đùi

6.1. Cơ vuông đùi

6.2. Cơ bịt ngoài

6.3. Cơ bịt trong

6.4. Cơ sinh đôi trên và dưới

Bài 5: Giải phẫu chức năng khớp gối - cẳng chân

Thời gian: 04 giờ (LT: 01

giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp gối

2. Nêu được các cử động của khớp gối và cơ chi phối chức năng khớp gối

3. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của khớp gối.

Nội dung:

1. Xương

1.1. Xương chày

1.2. Xương mác

2. Khớp - Khớp gối

3. Các cử động

3.1. Gấp căng chân

3.1.1. Cơ tam đầu đùi

3.1.2. Cơ khoeo

3.2. Duỗi căng chân - Cơ tứ đầu đùi

Bài 6: Giải phẫu chức năng khớp cổ chân - bàn chân Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo khớp cổ chân- bàn chân

2. Nêu được các cử động của khớp cổ chân và cơ chi phối chức năng khớp cổ chân.

3. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của khớp cổ chân.

Nội dung:

1. Xương

1.1. Các xương cổ chân

1.1.1. Xương sên.

1.1.2. Xương gót

1.1.3. Xương ghe

1.1.4. Xương hộp.

1.1.5. Xương chêm

1.2. Các xương bàn chân

1.3. Các xương của ngón chân

2. Khớp

2.1. Khớp sên-cẳng chân (talocrural joint)

2.2. Khớp Chopart

2.3. Khớp Lisfranc

3. Các cử động

3.1. Cử động bàn chân

- 3.1.1. Gập lòng bàn chân
- 3.1.2. Gập lưng bàn chân
- 3.1.3. Nghiêng trong bàn chân
- 3.1.4. Nghiêng ngoài bàn chân
- 3.2. Cử động các ngón chân
 - 3.2.1. Ngón chân cái
 - 3.2.2. Các ngón chân
- 3.3. Các cơ nội tại bàn chân
 - 3.3.1. Các cơ ở mặt gan chân
 - 3.3.2. Các cơ ở mặt mu chân

Bài 7: Giải phẫu chức năng thân mình
giờ)

Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04

Mục tiêu bài học:

1. Mô tả được xương và khớp của thân mình
2. Nêu được tên gọi, nguyên ủy, bám tận, thần kinh chi phối và tác dụng của các cơ thành ngực, thành bụng và cơ lưng.
3. Mô tả được các cử động hô hấp và nêu tên các cơ tham gia vào mỗi cử động
4. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của các cơ hô hấp.

Nội dung:

1. Xương và khớp thân mình
 - 1.1. Cột sống
 - 1.1.1. Xương cột sống
 - 1.1.1.1. Đốt sống cổ:
 - 1.1.1.2. Đốt sống ngực
 - 1.1.1.3. Đốt sống thắt lưng
 - 1.1.1.4. Xương cùng và xương cụt
 - 1.1.2. Đĩa đệm cột sống
 - 1.1.3. Hệ thống dây chằng cột sống
 - 1.1.4. Đoạn vận động của cột sống
 - 1.2. Xương lồng ngực
 - 1.2.1. Xương sườn
 - 1.2.2. Xương ức:
- 1.3. Các khớp của thân mình:

2. Các cơ thân mình và các cử động của thân
 - 2.1. Các cơ thân mình
 - 2.1.1. Các cơ thành ngực:
 - 2.1.2. Các cơ thành bụng
 - 2.2. Cơ hoành
 - 2.3. Các cơ tham gia vào cử động hô hấp
 - 2.3.1. Các cơ thở vào
 - 2.3.2. Các cơ thở ra
 - 2.4. Các cử động của cột sống và các cơ tham gia

Bài 8: Giải phẫu chức năng các cơ đầu mặt cổ:
giờ - TH: 03 giờ)

Thời gian: 05 giờ (LT: 02

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các cơ vùng đầu - mặt và chức năng các cơ đó
2. Trình bày được các cơ vùng cổ và chức năng các cơ đó
3. Thực hiện thực hành đầy đủ động tác và chức năng của các cơ đầu mặt cổ.

Nội dung:

1. Đại cương về vùng đầu mặt cổ
2. Cơ đầu - mặt - cổ
 - 2.1. Cơ đầu - mặt
 - 2.1.1. Cơ trên sọ
 - 2.1.2. Cơ miệng
 - 2.1.3. Cơ mũi:
 - 2.1.4. Cơ mắt
 - 2.1.5. Cơ tai
 - 2.1.6. Cơ nhai
 - 2.2. Cơ cổ
 - 2.2.1. Cơ vùng gáy
 - 2.2.2. Cơ cổ trước bên

Bài 9: GIẢI PHẪU CHỨC NĂNG HỆ THẦN KINH
giờ - TH: 04 giờ)

Thời gian: 06 giờ (LT: 02

Mục tiêu bài học

1. Trình bày giải phẫu não: đặc điểm giải phẫu, chức năng của đại não
2. Trình bày đặc điểm 12 đôi dây thần kinh sọ

3. Trình bày giải phẫu tủy sống: đặc điểm giải phẫu, chức năng
4. Trình bày giải phẫu đám rối thần kinh cánh tay: đặc điểm giải phẫu, chức năng
5. Trình bày giải phẫu đám rối thần kinh: đặc điểm giải phẫu, chức năng
6. Thực hiện thực hành đánh giá trên lâm sàng chức năng của đám rối thần kinh cánh tay.
7. Thực hiện thực hành đánh giá trên lâm sàng chức năng của các dây thần kinh sọ não.

Nội dung:

1. Giải phẫu chức năng não
 - 1.1. Đặc điểm giải phẫu của đại não.
 - 1.1.1. Hình thể ngoài
 - 1.1.2. Cấu tạo trong
 - 1.1.3. Chức năng của đại não
 - 1.1.4. Các dây thần kinh sọ não
 - 1.2. Não giữa (Trung não)
 - 1.2.1. Đặc điểm cấu tạo
 - 1.2.2. Chức năng não giữa
 - 1.3. Não trung gian (Gian não)
 - 1.3.1. Đặc điểm cấu tạo
 - 1.3.2. Chức năng não trung gian
 - 1.4. Tiểu não:
 - 1.4.1. Cấu tạo ngoài:
 - 1.4.2. Chức năng của tiểu não:
2. Giải phẫu chức năng tủy sống
 - 2.1. Vị trí hình thể ngoài của tủy sống
 - 2.2. Cấu tạo tủy sống
 - 2.3. Các đường dẫn truyền thần kinh
 - 2.4. Đường dẫn truyền cảm giác xúc giác
 - 2.4.1. Đường dẫn truyền cảm giác đau nhiệt
 - 2.4.2. Đường dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức :
 - 2.4.3. Đường dẫn truyền vận động có ý thức ở cổ thân chi
3. Đám rối thần kinh cánh tay
 - 3.1. Dây thần kinh nách
 - 3.2. Dây thần kinh quay

- 3.3. Dây thần kinh cơ bì
- 3.4. Dây thần kinh giữa
- 3.5. Dây thần kinh trụ:
- 3.6. Dây thần kinh bì cánh tay trong
- 3.7. Dây thần kinh bì cẳng tay trong

4. Đám rối thần kinh thắt lưng cùng

- 4.1. Dây thần kinh bịt
- 4.2. Dây thần kinh đùi
- 4.3. Dây thần kinh ngòai
- 4.3.1. Đường đi:
- 4.3.2. Dây thần kinh chày
- 4.3.3. Dây thần kinh mác chung

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
 - Dụng cụ thực hành
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình và tình huống lâm sàng cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Mục tiêu bài học
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 25 SV

V. Nội dung và phương pháp:

1. Nội dung

Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc giải phẫu hệ thần kinh và mối liên quan đến chức năng vận động, chức năng cảm giác-giác quan, thần kinh vận động, kiểm soát của tủy sống; vị trí của cơ: nguyên ủy và bám tận, chức năng của một cơ hay một nhóm cơ, thần kinh chi phối. Phân loại các khớp trong cơ thể và các chức năng hoạt động.

Về kỹ năng:

- Mô tả được vị trí chức năng và mối quan hệ của hệ thần kinh với các hệ khác của cơ thể con người.
- Mô tả được vai trò của hệ thần kinh trong chức năng vận động, chức năng cảm giác giác quan. Mô tả được các chức năng căn bản của vỏ não
- Mô tả chính xác cấu tạo khớp, các cử động của các khớp trong cơ thể.
- Xác định và phân loại các loại khớp trong cơ thể.
- Mô tả các chức năng hoạt động của các nhóm cơ trong cơ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, làm việc nhóm và làm việc độc lập.

2. Phương pháp

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
 - Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận hoặc vấn đáp

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun:

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật PHCN vào học kỳ thứ 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi.
- Đối với người học: SV làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi.

3. Tài liệu tham khảo:

- Trường Cao đẳng kỹ thuật y tế I - Bài giảng Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh - Nhà xuất bản Y học, năm 2003.
- Trường Cao đẳng y tế kỹ thuật 1- Bộ y tế - Giáo trình Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Nhà xuất bản Y học năm 2004.
- Giải phẫu chức năng - Functional Anatomy - NXB Y học, năm 1979.
- Giải phẫu chức năng - Functonal Anatomy - Nhà xuất bản Y học năm 1997.

TÊN MÔ ĐƠN: SINH CƠ HỌC

Mã môn học: MĐ13

Thời gian thực hiện môn học: 47 tiết; (Lý thuyết: 15 tiết; Thực hành: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng hệ thần kinh và vận động
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, học ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng, hoạt động và những tác động của ngoại lực và nội lực lên từng khớp
- Trình bày được các vị trí của chi thể và khớp trong không gian tương quan với hướng vận động trong chu kỳ đi bình thường
- Trình bày và liên hệ được các vận động của các khớp, vị trí các chi thể trong hệ quy chiếu tương quan với hướng vận động khi hoạt động hoặc di chuyển

Về kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức sinh cơ học cơ bản đã học kết hợp với Giải phẫu chức năng, Lượng giá Vận động chức năng, để khám và lượng giá được các bệnh lý liên quan đến dáng đi và tổn thương hệ cơ xương khớp và cột sống

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về Sinh cơ học	1	1	0	
2	Bài 2: Sinh cơ học khớp hông	3	1	2	
3	Bài 3: Sinh cơ học khớp gối	4	2	2	

4	Bài 4: Sinh cơ học khớp cổ bàn chân	4	2	2	
5	Bài 5: Sinh cơ học khớp vai	4	2	2	
6	Bài 6: Sinh cơ học khớp khuỷu tay	3	1	2	
7	Bài 7: Sinh cơ học khớp cổ bàn tay	3	1	2	
8	Bài 8: Sinh cơ học vùng cột sống	4	2	2	
9	Bài 9: Lượng giá và phân tích dáng đi bình thường	19	3	16	
10	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng số		47	15	30	2
Số tín chỉ		2			

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về Sinh cơ học

Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ - TH: 0

giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên hệ cơ xương khớp trong hệ tọa độ (hệ mặt phẳng và hệ trục).

Nội dung:

1. Định nghĩa sinh cơ học
2. Các thuật ngữ tư thế tương đối
3. Khái niệm về không gian dựa trên ba mặt phẳng tọa độ và hệ quy chiếu (hệ mặt phẳng và hệ trục).
4. Tác động của nội lực và ngoại lực lên hệ cơ xương khớp trong hệ quy chiếu
5. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian trong sự tương quan với hướng vận động
6. Khái niệm về chu kỳ và dáng bình thường

Bài 2: Sinh cơ học của khớp hông

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02

giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp hông

Nội dung:

1. Cấu tạo của khớp hông
2. Hoạt động và chức năng của khớp hông

3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp hông
4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) trong sự tương quan với hướng vận động

Bài 3: Sinh cơ học của khớp gối

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02

giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp gối

Nội dung:

1. Cấu tạo của khớp gối
2. Hoạt động và chức năng của khớp gối
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp gối
4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) trong sự tương quan với hướng vận động

Bài 4: Sinh cơ học của khớp cổ chân - bàn chân

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ -

TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp cổ bàn chân.

Nội Dung

1. Cấu tạo của khớp cổ bàn chân
2. Hoạt động và chức năng của khớp cổ bàn chân
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp cổ bàn chân
4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) trong sự tương quan với hướng vận động

Bài 5: Sinh cơ học của khớp vai

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp vai.

Nội dung

1. Cấu tạo của khớp vai
2. Hoạt động và chức năng của khớp vai
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp vai

4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) cùng sự tương quan với các vận động trong sinh hoạt chức năng

Bài 6: Sinh cơ học của khớp khuỷu tay **Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)**

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp khuỷu tay.

Nội dung:

1. Cấu tạo của khớp khuỷu tay
2. Hoạt động và chức năng của khớp khuỷu tay
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp khuỷu tay
4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) cùng sự tương quan với các vận động trong sinh hoạt chức năng

Bài 7: Sinh cơ học của khớp cổ tay - bàn tay **Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)**

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng, và phân tích được tác động của hệ lực lên khớp khuỷu cổ tay - bàn tay.

Nội dung:

1. Cấu tạo của khớp cổ bàn tay
2. Hoạt động và chức năng của khớp cổ bàn tay
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên khớp cổ bàn tay
4. Vị trí, góc độ của khớp và chi thể trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) cùng sự tương quan với các vận động trong sinh hoạt chức năng

Bài 8: Sinh cơ học vùng cột sống **Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)**

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được cấu tạo, hoạt động chức năng của các vùng cột sống
- Phân tích được tác động của hệ lực lên các vùng cột sống và các tư thế vận động tối ưu trong sinh hoạt thường ngày.

Nội dung:

1. Cấu tạo của cột sống
2. Hoạt động và chức năng của cột sống
3. Tác động của nội lực và ngoại lực lên các vùng cột sống

4. Vị trí, góc độ của các vùng cột sống trong không gian (hệ mặt phẳng và hệ trục) cùng sự tương quan với các vận động trong sinh hoạt chức năng

Bài 9: Lượng giá và phân tích dáng đi bình thường.

Thời gian: 19 giờ

(LT: 03 giờ - TH: 16 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Nắm được các yếu tố thành phần trong chu kỳ bước đi
- Phân tích chu kỳ bước đi và dáng đi bình thường
- Phân tích và đánh giá được dáng đi bệnh lý trên cơ sở dáng đi bình thường

Nội dung:

1. Đại cương về chu kỳ bước đi bình thường và các thuật ngữ.
2. Tác động của nội lực và ngoại lực đối với hệ xương khớp trong chu kỳ đi bình thường
3. Tư thế của các khớp, các chi thể trong hệ mặt phẳng và hệ trục cùng sự tương quan với hướng vận động trong hệ quy chiếu
4. Đánh giá dáng đi bệnh lý dựa trên sự liên hệ giữa các thành tố cơ bản tác động trong dáng đi bình thường trong hệ tọa độ, sự tương quan vị trí giữa các khớp và chi thể trong hệ quy chiếu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng, hoạt động và những tác động của ngoại lực và nội lực lên từng khớp

- Trình bày, hiểu và liên hệ được vận động của các khớp, vị trí các chi thể trong không gian tương quan với hướng vận động khi hoạt động hoặc di chuyển

Kỹ năng:

- Khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu để bổ sung và nâng cao kiến thức sinh cơ học, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản để phân tích và đánh giá đáng đi bệnh lý trên cơ sở lâm chắc phân tích đáng đi bình thường.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 3.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo:

TÊN MÔ ĐƠN: LƯỢNG GIÁ CHỨC NĂNG

Mã môn học: MĐ14

Thời gian thực hiện môn học: 62 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành/Thảo luận/Bài Tập: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, sinh cơ học.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc vào học kỳ 4.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các phương pháp đó.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra được mục tiêu phù hợp với người bệnh.
- Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Thử cơ bằng tay	4	2	2	0	2
2	Bài 2: Đo tầm vận động của khớp	4	2	2	0	
3	Bài 3 : Thăng bằng, điều hợp	6	3	3	0	
4	Bài 4: Đo chiều dài và chu vi chi	4	2	2	0	
5	Bài 5: Lượng giá chức năng sinh hoạt	7	4	3	0	
6	Bài 6: Lượng giá chức năng chi trên	11	5	6	0	

7	Bài 7: Đánh giá về nhận thức	6	3	3	0	
8	Bài 8: Đánh giá chức năng cảm giác	7	4	3	0	
9	Bài 9: Lượng giá chức năng vận động	11	5	6	0	
10	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		62	30	31	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thử cơ bằng tay

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ; TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được những nguyên nhân gây yếu cơ.
- Trình bày được mục đích lượng giá sức cơ.
- Trình bày được những điều cần thiết khi thử cơ bằng tay .
- Trình bày được hệ thống bậc cơ.
- Trình bày được nguyên tắc của kỹ thuật thử cơ bằng tay.
- Thực hiện được thành thạo các quy trình kỹ thuật thử cơ bằng tay.

Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Những nguyên nhân gây yếu cơ
3. Mục đích lượng giá sức cơ
4. Những điều cần thiết khi thử cơ bằng tay
5. Hệ thống bậc cơ
6. Nguyên tắc của kỹ thuật thử cơ bằng tay.
 - 6.1. Tư thế người bệnh
 - 6.2. Tư thế kỹ thuật viên
 - 6.3. Tiến trình thử cơ bằng tay

Bài 2: Đo tầm vận động của khớp

Thời gian: Lý thuyết 02 giờ; thực hành: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được mục đích, nguyên tắc và các bước tiến hành đo tầm vận động của khớp.
- Thực hiện được thành thạo các quy trình kỹ thuật đo tầm vận động của khớp.

Nội dung:

1. Đại cương

- 1.1. Vị trí giải phẫu học
- 1.2. Phân loại khớp động
2. Mục đích đo tầm vận động của khớp.
3. Nguyên tắc đo tầm vận động của khớp.
4. Các bước tiến hành đo tầm vận động của khớp.
 - 4.1. Xác định 3 điểm cố định
 - 4.2. Kỹ thuật đo tầm vận động của khớp

Bài 3: Lượng giá thăng bằng, điều hợp

Thời gian: Lý thuyết 03 giờ; thực hành: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về thăng bằng và điều hợp.
- Mô tả được cách đánh giá thăng bằng bằng các công cụ đánh giá.
- Mô tả được các cách lượng giá điều hợp cho chi trên và chi dưới.
- Thực hiện được thành thạo các quy trình kỹ thuật lượng giá thăng bằng, điều hợp.

Nội Dung

1. Các khái niệm cơ bản về thăng bằng và điều hợp
 - 1.1. Khái niệm về thăng bằng
 - 1.2. Phân loại thăng bằng
 - 1.3. Thăng bằng tĩnh
 - 1.4. Thăng bằng động
2. Lượng giá thăng bằng bằng công cụ đánh giá TINETTI, BUBEE
 - 2.1. Công cụ đánh giá TINETTI
 - 2.2. Công cụ đánh giá BUBEE
3. Các cách lượng giá điều hợp cho chi trên và chi dưới.
 - 3.1. Test lượng giá điều hợp cho chi trên
 - 3.2. Test lượng giá điều hợp cho chi dưới

Bài 4: Đo chiều dài và chu vi chi

Thời gian: Lý thuyết 02 giờ; thực hành: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

- Trình bày được mục đích, nguyên tắc của kỹ thuật đo chiều dài và chu vi chi.
- Kể tên được các điểm chuẩn để đo chiều dài và chu vi chi.
- Mô tả được các bước tiến hành khi đo chiều dài và chu vi chi.
- Thực hiện được thành thạo các quy trình kỹ thuật lượng đo chiều dài và chu vi chi.

Nội dung

1. Mục đích của đo chiều dài và chu vi chi
2. Nguyên tắc của kỹ thuật đo chiều dài và chu vi chi
3. Các điểm chuẩn để đo chiều dài và chu vi chi
 - 3.1. Điểm chuẩn để đo chiều dài và chu vi chi trên
 - 3.2. Điểm chuẩn để đo chiều dài và chu vi chi dưới
4. Các bước tiến hành đo chiều dài và chu vi chi.
 - 4.1. Dụng cụ đo chiều dài và chu vi chi
 - 4.2. Kỹ thuật đo chiều dài và chu vi chi

Bài 5: Lượng giá chức năng sinh hoạt

Thời gian: Lý thuyết 04 giờ; thực hành: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- Nêu các khái niệm của chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) và chức năng sinh hoạt hàng ngày cao cấp (IADL)
- Trình bày các bước lập hồ sơ hoạt động trị liệu
- Tiến hành lượng giá các hoạt động ADL và IADL

Nội dung

1. Giới thiệu
 - 1.1. Khái niệm về các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL)
 - 1.2. Khái niệm về các chức năng sinh hoạt hàng ngày cao cấp (IADL)
2. Các thành phần
 - 2.1. Hoạt động sống hàng ngày ADL
 - 2.2. Hoạt động sống hàng ngày cao cấp IADL
3. Các giai đoạn lượng giá
 - 3.1. Lập kế hoạch lượng giá
 - 3.2. Tiến hành lượng giá
4. Đặt mục tiêu can thiệp theo SMART

Bài 6: Lượng giá chức năng chi trên

Thời gian: Lý thuyết 05 giờ; thực hành: 06 giờ

Mục tiêu bài học:

- Hiểu các chức năng của chi trên
- Nắm các đánh giá của chi trên (thử lực kẹp ngón tay, thử lực nắm bàn tay ..)

- Trình bày các test đánh giá chi trên (thử nghiệm hộp và khối, test 9 lỗ , Arat test, Purdue pegboard, thử nghiệm nhật vật Moberg, thử nghiệm3 khéo tay minnesota, Stef ..)
- Áp dụng trên người bệnh

Nội dung

1. Chức năng chi trên gồm :
 - 1.1. Chức năng tiếp cận
 - 1.2. Chức năng cầm nắm
 - 1.3. Chức năng thao tác vật
2. Các đánh giá thử nghiệm :
 - 2.1. Đồng hồ đo lực kẹp
 - 2.2. Đồng hồ đo lực nắm
 - 2.3. Lực kế
 - 2.4. Thử nghiệm hộp khối
 - 2.5. Thử nghiệm 9 lỗ
 - 2.6. Purdue pegboard
 - 2.7. Thử nghiệm nhật vật Moberg
 - 2.8. thử nghiệm3 khéo tay minnesota
 - 2.9. Đánh giá Arat
 - 2.10. Đánh giá Stef
3. Đánh giá Brunnstrom
4. Đánh giá Fugl- Meyer

Bài 7: Đánh giá về nhận thức

Thời gian: Lý thuyết 03 giờ; thực hành: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- Trình bày các đánh giá về các rối loạn về nhận thức
- Nêu các test đánh giá về về các rối loạn nhận thức
- Áp dụng các đánh giá trên người bệnh

Nội dung

1. Nhận thức
 - 1.1. Định nghĩa nhận thức
 - 1.2. Những quy trình cơ bản của nhận thức
 - 1.3. Kiểm tra tiêu chuẩn cho nhận thức

- 1.4. Sự chú ý
- 1.5. Các mức độ của sự chú ý
- 1.6. Sự định hướng
- 1.7. Trí nhớ
- 1.8. Giải quyết vấn đề
2. Nhận cảm
 - 2.1. Rối loạn nhận cảm thị giác
 - 2.2. Mất nhận cảm
 - 2.3. Mất nhận thức màu sắc
 - 2.4. Mất khả năng định danh màu sắc
 - 2.5. Biến hình thị giác
 - 2.6. Mất nhận thức khuôn mặt
 - 2.7. Mất khả năng định hình đa vật thể
3. Rối loạn nhận cảm thị giác không gian
 - 3.1 Rối loạn phân biệt vật nền
 - 3.2 Rối loạn khả năng định danh hình thái
 - 3.3 Vị trí trong không gian
 - 3.4 Mất khả năng phân biệt phải trái
 - 3.5 Rối loạn khả năng nhận cảm chiều sâu
4. Rối loạn nhận cảm xúc da
 - 4.1 Rối loạn lập thểchi giác
 - 4.2 Rối loạn cảm ứng da
5. Rối loạn giản đồ cơ thể
 - 5.1 Rối loạn nhận cảm ngón tay
 - 5.2 Lãng quên nửa người
6. Rối loạn nhận cảm cử động
 - 6.1 Mất điều khiển chủ ý
 - 6.2 Mất ý niệm vận động
 - 6.3 Mất ý tưởng vận động
 - 6.4 Mất khả năng mặc quần áo

Bài 8: Đánh giá chức năng cảm giác

Thời gian: Lý thuyết 04 giờ; thực hành: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- Trình bày các hệ thống cảm giác xúc giác, hệ thống nhận cảm cảm giác
- Nêu các dụng cụ kiểm tra cảm giác
- Trình bày các test kiểm tra ,đánh giá cảm giác
- Phương pháp can thiệp tái rèn luyện cảm giác của calahan, giáo dục tái rèn luyện cảm giác.

Nội dung

1. Giới thiệu
2. Hệ thống cảm giác xúc giác
3. Hệ thống nhận cảm
4. Khoanh da (Dermatomes)
5. Lưu ý khi đánh giá cảm giác
6. Những công cụ đạt tiêu chuẩn được sử dụng cho việc đánh giá cảm giác
7. Thực hiện kiểm tra cảm giác
 - 7.1. Cảm giác đau
 - 7.2. Sự nhận biết về nhiệt độ
 - 7.3. Thử nghiệm cảm giác sờ chạm
 - 7.4. Áp lực sờ chạm
 - 7.5. Kiểm tra cảm thụ bản thể
 - 7.6. Cảm giác vận động
 - 7.7. Kiểm tra lập thể tri giác
 - 7.8. Kiểm tra định vị sờ chạm
8. Tính mềm dẻo của thần kinh
9. Can thiệp cảm giác
 - 9.1. Làm giảm cảm giác
 - 9.2. Tái giáo dục cảm giác
 - 9.3. Học lại cảm giác bảo vệ
 - 9.4. Học lại cảm giác phân biệt
 - 9.5. Định vị
 - 9.6. Phân biệt theo mức độ

Bài 9: Lượng giá chức năng vận động.

Thời gian: Lý thuyết 05 giờ; thực hành: 06 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích của lượng giá chức năng vận động.

- Trình bày được các thang điểm đánh giá chức năng vận động.
- Thực hành chấm điểm các thang điểm đánh giá chức năng.

Nội dung:

1. Mục đích của lượng giá chức năng vận động.
2. Phân nhóm lượng giá chức năng.
 - 2.1. Nhóm lượng giá về chức vận động cơ bản.
 - 2.2. Nhóm lượng giá về chức năng di chuyển - dịch chuyển.
 - 2.3. Nhóm lượng giá về thăng bằng.
 - 2.4. Nhóm lượng giá về mức độ độc lập tổng quát trong vận động và hòa nhập.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa),
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Dụng cụ thực hành
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về các phương pháp lượng giá chức năng

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các phương pháp lượng giá chức năng cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật.

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.

2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.

TÊN MÔ ĐƠN: VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU

Mã môn học: MĐ15

Thời gian thực hiện môn học: 62 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Áp dụng những kiến thức về mặt lý thuyết về vận động được học để đưa ra những bài tập vận động cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng.

Về kỹ năng:

- Thực hiện đúng, đủ các quy trình kỹ thuật trên thực hành
- Áp dụng được quy trình kỹ thuật cho người bệnh trên thực tế lâm sàng.
- Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho NB và gia đình người bệnh có vấn đề về vận động.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Đại cương vận động trị liệu	2	2	0		2
2	Vận động thụ động	4	2	2		
3	Vận động chủ động có trợ giúp	6	3	3		

4	Vận động chủ động tự do	6	3	3	
5	Vận động chủ động có kháng trở	6	4	2	
6	Kỹ thuật kéo giãn	6	3	3	
7	Kỹ thuật tập theo tác vụ	4	2	2	
8	Các bài tập thăng bằng - điều hợp	4	2	2	
9	Đại cương kỹ thuật Bobath	4	2	2	
10	Kỹ thuật tập di chuyển với dụng cụ trợ giúp	5	2	3	
11	Xe lăn	5	1	4	
12	Tập nhóm	8	4	4	
13	Kiểm tra	2	0	0	
	Tổng số	62	30	30	2
	Quy ra tín chỉ	3			

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương vận động trị liệu.

Thời gian: 02 giờ (LT: 02 giờ - TH: 0

giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được định nghĩa, mục đích các bài tập vận động trị liệu.
2. Trình bày được cách phân loại các bài tập vận động trị liệu.
3. Nêu được nguyên tắc của vận động trị liệu.

Nội dung

1. Đại cương vận động trị liệu
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Mục đích
 - 1.3. Một số vấn đề khái quát về vận động trị liệu
 - 1.3.1. Một số học thuyết về vận động:
 - 1.3.1.1. Học thuyết hệ sinh thái.
 - 1.3.1.2. Học thuyết Adam
 - 1.3.1.3. Học thuyết Sthmit.
 - 1.3.2. Một số nguyên tắc dạy vận động.
 - 1.3.2.1. Nguyên tắc cơ bản của dạy vận động.
 - 1.3.2.2. Các phương pháp dạy học vận động.
 - 1.3.2.3. Các giai đoạn của quá trình học vận động.

2. Phân loại bài tập vận động trị liệu

2.1. Bài tập thụ động

2.2. Bài tập chủ động

2.3. Bài tập kéo giãn

2.4. Nguyên tắc chung khi thực hiện kỹ thuật vận động trị liệu

Bài 2: Vận động thụ động

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa của tập thụ động.
2. Nêu được nguyên tắc và tác dụng của tập thụ động.
3. Mô tả được các kỹ thuật tập thụ động chi trên và chi dưới.
4. Thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình tập vận động thụ động cho từng phần chi thể

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc
3. Tác dụng
4. Các kỹ thuật vận động thụ động:
 - 4.1. Chi trên
 - 4.1.1. Khớp vai
 - 4.1.2. Khớp khuỷu
 - 4.1.3. Khớp cổ tay
 - 4.1.4. Khớp bàn ngón tay.
 - 4.1.5. Cử động ngón cái.
 - 4.2. Chi dưới.
 - 4.2.1. Cử động khớp háng.
 - 4.2.2. Khớp gối
 - 4.2.3. Khớp cổ chân
 - 4.2.4. Khớp bàn ngón chân và liên đốt ngón chân.
 - 4.3. Vận động thụ động ở tư thế nằm sấp
 - 4.3.1. Cử động duỗi khớp vai.
 - 4.3.2. Cử động duỗi háng
 - 4.3.3. Cử động gập - duỗi gối

Bài 3: Vận động chủ động có trợ giúp. Thời gian: 06 giờ (LT: 03 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa vận động chủ động có trợ giúp.
2. Trình bày được nguyên tắc và tác dụng của vận động chủ động có trợ giúp.
3. Trình bày được các kỹ thuật tổng quát của vận động chủ động có trợ giúp, tự trợ giúp, trợ giúp bằng dụng cụ và kỹ thuật treo.
4. Thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình tập vận động chủ động có trợ giúp cho từng phần chi thể

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc
3. Tác dụng
4. Các lưu ý khi vận động chủ động có trợ giúp
 - 4.1. Tạo sự hợp tác của người bệnh.
 - 4.2. Đặt tư thế khởi đầu đúng.
 - 4.3. Thực hiện cử động mẫu.
 - 4.4. Cách cố định
 - 4.5. Sự nâng đỡ
 - 4.6. Làm giảm căng ở nhóm cơ đối vận
 - 4.7. Thực hiện các kỹ thuật kích thích cơ yếu
 - 4.8. Sử dụng lực trợ giúp đúng
 - 4.9. Tuân thủ tính chất của cử động
 - 4.10. Thực hiện lặp lại cử động.
5. Bài tập vận động chủ động có trợ giúp.
 - 5.1. Cử động của cánh tay, cẳng tay
 - 5.2. Cử động của khớp háng và gối
6. Bài tập vận động trợ giúp với dụng cụ
 - 6.1. Bài tập vận động trợ giúp với gậy
 - 6.2. Bài tập vận động trợ giúp với thang tường
 - 6.3. Bài tập vận động có trợ giúp với ròng rọc
 - 6.4. Bài tập vận động có trợ giúp với bàn trượt, rắc bột
7. Kỹ thuật treo

Bài 4: Vận động chủ động tự do.

Thời gian: 06 giờ (LT: 03 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của vận động chủ động tự do.
2. Trình bày được nguyên tắc và kỹ thuật của bài tập vận động chủ động tự do.
3. Trình bày được tác dụng của bài tập tự do.
4. Thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình tập vận động chủ động tự do cho từng phần chi thể

Nội dung

1. Định nghĩa:
2. Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp vận động chủ động tự do.
 - 2.1. Ưu điểm.
 - 2.2. Nhược điểm
3. Nguyên tắc.
4. Phân loại các bài tập vận động chủ động tự do.
 - 4.1. Bài tập cục bộ
 - 4.2. Bài tập toàn thân
5. Tác dụng
6. Kỹ thuật tổng quát
 - 6.1. Chọn lựa tư thế khởi đầu thích hợp.
 - 6.2. Hướng dẫn BN kỹ thuật tập.
7. Tốc độ của cử động
8. Thời gian tập

Bài 5: vận động chủ động có kháng trở. - Thời gian: 06 giờ (LT: 04 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa và nguyên tắc của tập luyện có đề kháng .
2. Nêu cách phòng ngừa và chống chỉ định của tập luyện có đề kháng
3. Nêu các bước của kỹ thuật tập luyện có đề kháng
4. Kể đủ 7 loại lực cản và công dụng của tập luyện đề kháng .
5. Thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình tập vận động chủ động có đề kháng cho từng phần chi thể

Nội dung

1. Định nghĩa tập luyện có đề kháng
2. Nguyên tắc đề kháng
 - 2.1. Lực :

- 2.2. Sức chịu đựng của cơ
- 2.3. Thể tích của cơ
- 3. Một số điều phòng ngừa và chống chỉ định đối với bài tập đề kháng :
 - 3.1. Những phòng ngừa :
 - 3.1.1. Phòng ngừa về những bệnh nhân có vấn đề về tim mạch
 - 3.1.2. Bệnh nhân cao tuổi
 - 3.1.3. Bệnh nhân có phẫu thuật ổ bụng hoặc có thoát vị thành bụng
 - 3.2. Chống chỉ định
 - 3.2.1. Viêm nhiễm
 - 3.2.2. Đau.
- 4. Kỹ thuật tập luyện có đề kháng
 - 4.1. Tư thế khởi đầu
 - 4.2. Cử động mẫu
 - 4.3. Sự ổn định
 - 4.4. Kéo giãn
 - 4.5. Lực cản
 - 4.6. Tính chất của cử động
 - 4.7. Sự lặp lại của cử động
 - 4.8. Sự hợp tác của người bệnh
- 5. Các loại bài tập có đề kháng (hay lực cản)
 - 5.1. Bài tập đề kháng đẳng trương, đẳng trường
 - 5.1.1. Bài tập có đề kháng đẳng trương
 - 5.1.2. Bài tập có kháng đẳng trường
 - 5.2. Bài tập với đề kháng bằng tay
 - 5.2.1. Định nghĩa
 - 5.2.2. Nguyên tắc áp dụng bài tập đề kháng bằng tay:
 - 5.2.3. Các bài tập đề kháng bằng tay đối với chi trên và chi dưới
 - a. Cử động khớp vai
 - b. Cử động gập duỗi khớp khuỷu
 - c. Cử động khớp cổ tay, khớp liên đốt ngón tay, khớp bàn đốt
 - d. Cử động khớp ngón cá
 - e. Cử động khớp hông
 - f. Cử động khớp cổ chân

- g. Cử động khớp bàn đốt, các ngón, ngón cái
- 5.2.4. Thực hiện tập ở thế nằm sấp
 - a. Tư thế người bệnh
 - b. Tư thế kỹ thuật viên
 - c. Thực hiện cử động
- 5.3. Bài tập có kháng bằng máy (có kháng cơ học)
 - 5.3.1. Định nghĩa
 - 5.3.2. Kỹ thuật tập giầy có tạ (tập mạnh cơ tứ đầu đùi)
- 5.4. Sử dụng dụng cụ trong tập có kháng
 - 5.4.1. Các nguyên tắc sử dụng dụng cụ
 - 5.4.2. Kỹ thuật tập luyện có đề kháng bằng ròng rọc
 - 5.4.3. Kỹ thuật tập luyện có đề kháng tạ
- 6. Tác dụng
 - 6.1. Tác dụng trị liệu
 - 6.2. Tác dụng sinh lí
- 7. Các loại lực cản
 - 7.1. Lực cản của KTV
 - 7.2. Lực cản của người bệnh
 - 7.3. Lực cản bằng trọng lượng
 - 7.4. Lực cản bằng trọng lượng với ròng rọc
 - 7.5. Lực cản lò xo và các chất đàn hồi khác
 - 7.6. Lực cản do nước
 - 7.7. Sức cản do các chất dẻo
- 8. Sự tăng tiến của lực cản
 - 8.1. Gia tăng sự đàn hồi của lực cản
 - 8.2. Biến đổi tốc độ của cử động
 - 8.3. gia tăng thời gian bài tập

Bài 6: kỹ thuật kéo giãn. Thời gian: 06 giờ (LT: 03 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1.Nêu được nguyên nhân co rút mô mềm .
- 2.Nêu được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của kéo giãn
- 3.trình bày nguyên tắc kéo giãn .
- 4.Nêu được kĩ thuật kéo giãn các khớp chi trên và chi dưới

5. Thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình kỹ thuật kéo giãn cho từng phần chi thể

Nội dung

1. Định Nghĩa
2. Thuật ngữ kéo giãn được mô tả trong kỹ thuật
 - 1.1. Kéo giãn
 - 1.2. Tính mềm dẻo
 - 1.3. Sẹo - Mô dính
 - 1.4. Xơ dính
 - 1.5. Co rút không thể phục hồi
 - 1.6. Co rút cơ tính giả
3. Nguyên nhân dẫn đến co rút mô mềm
4. Mục đích kéo giãn
 - 4.1. Mục đích chung
 - 4.2. Mục đích riêng
5. Chỉ định kéo giãn
6. Chống chỉ định
7. Nguyên tắc kéo giãn
8. Phân loại kéo giãn
9. Kỹ thuật kéo giãn
 - 9.1. chuẩn bị người bệnh
 - 9.2. Thử tầm vận động
 - 9.3. Giữ chặt
 - 9.4. Thực hiện kéo giãn
 - 9.4.1. Các kỹ thuật kéo giãn chi trên
 - 9.4.2. Các kỹ thuật kéo giãn chi dưới

Bài 7: kỹ thuật tập theo tác vụ

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được khái niệm về luyện tập theo tác vụ.
2. Nêu được nguyên tắc khi tiến hành luyện tập theo tác vụ.
3. Nêu được tác dụng của luyện tập theo tác vụ.
4. Nêu được một số phạm vi áp dụng luyện tập theo tác vụ.

5. Tiến hành tập một số bài tập theo tác vụ ở vị thế nằm, ngồi, đứng và đi cho người bệnh

Nội dung

1. Khái niệm chung về luyện tập theo tác vụ.
2. Nguyên tắc khi tiến hành luyện tập theo tác vụ.
3. Tác dụng của luyện tập theo tác vụ.
4. Một số phạm vi áp dụng luyện tập theo tác vụ.

Bài 8: Các bài tập thăng bằng điều hợp

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ -

TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày biểu hiện các cử động không tự chủ bệnh lý.
2. Trình bày mục đích của bài tập thăng bằng điều hợp.
3. Trình bày một số bài tập thăng bằng điều hợp.
4. Tiến hành tập một số bài tập thăng bằng điều hợp theo ở vị thế nằm, ngồi, đứng và đi cho người bệnh

Nội dung

1. Run
2. Múa vờn 3.Múa giật
4. Múa vung
5. loạn trương lực cơ
6. Mất điều hợp vận động:
7. Co giật

II. Một số bài tập thăng bằng điều hợp.

1. Nhấc hai chân luân phiên khi ngồi với ghế.
2. Đánh hai tay luân phiên tư thế ngồi với ghế.
3. Xoay đều khớp vai tư thế ngồi với ghế.
4. Gập duỗi cổ chân luân phiên.
5. Xoay thân mình.
6. Đứng sang ngồi.
7. Bước sang ngang với ghế.
8. Nâng gót chân.
9. Nâng mũi chân lên khỏi mặt đất.
10. Hành quân(tay chân luân phiên).

11. Lãng chân.
12. Đòn trọng lượng trên một chân.
13. Bước tới.
14. Đứng trên bóng.
15. Cúi nhặt bóng.
16. Đứng đòn trọng lượng.
17. Đứng đòn trọng lượng nâng cao.
18. Đứng đòn trọng lượng nâng cao
19. Đứng đòn trọng lượng nâng cao.
20. Đứng đòn trọng lượng nâng cao.
21. Tập bước tại chỗ.
22. Tập bước tại chỗ.
23. Tập bước sang ngang trên một đường thẳng.
24. Tập bước lên trước trên một đường thẳng.
25. Tập đi sang ngang trên một đường thẳng.
26. Tập bước lên trước trên một đường thẳng.
27. Tập bước lên trước trên một đường thẳng.
28. Đi kiễng gót.
29. Tập đi theo hình quy định.
30. Tập đi kèm theo cúi nhặt vật theo hình quy định.
31. Đi với vật trên tay.
32. Tập đi theo hình quy định.
33. Luyện tập nhóm với bóng.
34. Luyện tập nhóm với bóng.
35. Luyện tập nhóm với bóng.

Bài 9: Đại cương kỹ thuật Bobath. Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được khái niệm về vận động trị trong Bobath.
2. Nêu được nguyên tắc của kỹ thuật Bobath
3. Nêu được tác dụng
4. Nêu được một số chỉ định thông dụng
5. Áp dụng một số bài tập vận động cụ thể

6. Tiến hành tập một số bài tập theo kỹ thuật bobath ở vị thế nằm, ngồi, đứng và đi cho người bệnh

Nội dung

1. Khái niệm về vận động trị trong Bobath.
2. Vài nét lịch sử hình thành kỹ thuật Bobath
3. Nguyên tắc của kỹ thuật Bobath
4. Tác dụng
5. Chỉ định thông dụng
6. Một số bài tập được áp dụng
 - 6.1. Bài tập trong tư thế nằm
 - 6.2. Bài tập trong tư thế ngồi
 - 6.3. Bài tập trong tư thế đứng
 - 6.4. Bài tập trong tư thế đi
 - 6.5. Bài tập trong tư thế lên xuống cầu thang

Bài 10: Kỹ thuật tập tập di chuyển với dụng cụ trợ giúp
(LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Thời gian: 05 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được công dụng, chỉ định của từng loại dụng cụ trợ giúp di chuyển.
2. Mô tả được cách đo cặp nạng nách, nạng khuỷu và gậy chống.
3. Trình bày các cách đi với cặp nạng nách và chỉ định cho từng cách đi.
4. Trình bày được cách bảo quản và sửa chữa một số dụng cụ trợ giúp di chuyển thường dụng.
5. Tiến hành tập một số bài tập di chuyển với nạng, khung tập đi, gậy, thanh song song

Nội dung

1. Đại cương
2. Công dụng của dụng cụ trợ giúp di chuyển
3. Chỉ định dụng cụ trợ giúp di chuyển
 - 3.1. Cặp nạng nách
 - 3.2. Nạng khuỷu
 - 3.3. Khung tập đi
 - 3.4. Gậy chống

- 3.5. Thanh song song
- 3.6. Thanh ngang.
4. Cách đo cặp nạng nách, nạng khuỷu và gậy chống
5. Các cách đi với cặp nạng nách
 - 5.1. Cách đi 4 điểm
 - 5.2. Cách đi 2 điểm
 - 5.3. Cách đi 3 điểm
 - 5.4. Cách đi đu đưa
 - 5.5. Cách đi lết
6. Cách bảo quản dụng cụ trợ giúp di chuyển
7. Cách sửa chữa một số dụng cụ trợ giúp di chuyển thông thường.

Bài 11: Xe lăn **Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04 giờ)**

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cấu tạo và phân loại xe lăn.
2. Trình bày được những công dụng, chỉ định và chống chỉ định của xe lăn.
3. Mô tả được phương pháp đo khi lựa chọn xe lăn.
4. Mô tả được quy trình kỹ thuật khi tiến hành dịch chuyển và di chuyển trên xe lăn.
5. Trình bày được cách bảo quản và sửa chữa xe lăn.
6. Tiến hành tập một số bài tập di chuyển với xe lăn

Nội dung:

1. Đại cương
2. Cấu tạo của xe lăn
3. Phân loại xe lăn
4. Công dụng của xe lăn
5. Chỉ định của xe lăn
6. Chống chỉ định của xe lăn
7. Phương pháp đo xe lăn
8. Các kỹ thuật dịch chuyển từ giường lên xe lăn và ngược lại
9. Các kỹ thuật di chuyển trên xe lăn

Bài 12: Tập nhóm. **Thời gian: 08 giờ (LT: 04 giờ - TH: 04 giờ)**

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa và yếu tố cần thiết khi xếp nhóm bệnh nhân.

2. Nêu được điều kiện cần thiết khi tập nhóm
3. Nêu được phương pháp điều khiển bài tập nhóm.
4. Tiến hành một buổi tập nhóm theo từng nhóm người bệnh

Nội dung

1. Xếp nhóm
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Những yếu tố mà khi xếp nhóm phải phụ thuộc vào
 - 1.3. Lượng giá người bệnh
2. Chương trình tập
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Chương trình tập tổng quát
 - 2.3. Chương trình tập từng vùng
3. Hồ sơ người bệnh
4. Điều kiện tập lớp
 - 4.1. Người bệnh
 - 4.2. Đúng giờ
 - 4.3. Phòng tập
 - 4.4. Quần áo tập
 - 4.5. Cách tổ chức
 - 4.6. Kỹ thuật viên
5. Phương pháp điều khiển

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 4.1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
- 4.2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Dụng cụ thực hành
- 4.3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiên lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

5.1. Nội dung:

- Kiến thức:

Áp dụng những kiến thức về mặt lý thuyết về vận động được học để đưa ra những bài tập vận động cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng

- Kỹ năng:

Thực hiện đúng, đủ các quy trình kỹ thuật trên thực hành

Áp dụng được quy trình kỹ thuật cho người bệnh trên thực tế lâm sàng.

Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho NB và gia đình người bệnh có vấn đề về vận động.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân

5.2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận, vấn đáp, thực hiện kỹ thuật.

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun:

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

6.1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4.

6.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

6.3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.

TÊN MÔ ĐUN: NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU

Mã môn học: MĐ16

Thời gian thực hiện môn học: 32 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0 tiết; kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: giải phẫu chức năng, sinh cơ học, lượng giá chức năng.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

1. Trình bày được vai trò của chuyên viên ngôn ngữ trị liệu nhóm đa chuyên ngành trong điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng cho bệnh nhân rối loạn giao tiếp, rối loạn nuốt
2. Trình bày được khái niệm thất ngôn, rối loạn vận ngôn và những khó khăn mà bệnh nhân rối loạn giao tiếp gặp phải
3. Trình bày được biến chứng của rối loạn nuốt

Về kỹ năng:

1. Áp dụng được kỹ thuật vận động miệng cho các rối loạn giao tiếp, rối loạn nuốt.
2. Áp dụng được một số kỹ thuật sàng lọc rối loạn nuốt

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Ứng dụng chương trình đào tạo phát hiện dấu hiệu rối loạn nuốt, rối loạn giao tiếp thường gặp và liên hệ với các thành viên nhóm đa chuyên ngành để quản lý hiệu quả bệnh nhân rối loạn giao tiếp, rối loạn nuốt
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Giải phẫu chức năng cơ quan sinh ngôn ngữ	4	4	0	0	22

2	Bài 2: Đại cương về rối loạn giao tiếp	6	6	0	0	2
3	Bài 3: Đại cương về rối loạn nuốt	6	6	0	0	
4	Bài 4: Thất ngôn (mất ngôn ngữ)	6	6	0	0	
5	Bài 5: Vận động miệng	8	8	0	0	
6	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		32	30	0	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giải phẫu chức năng cơ quan sinh ngôn ngữ

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các vùng đảm nhận chức năng ngôn ngữ của vỏ não
2. Trình bày được giải phẫu các cơ quan sinh ngôn ngữ và cách thức tạo âm của cơ quan sinh ngôn ngữ
3. Áp dụng kiến thức sinh ngôn ngữ trong tập luyện vật lý trị liệu, phục hồi chức năng để hỗ trợ chuyên viên ngôn ngữ trị liệu kích thích bệnh nhân phát âm.

Nội dung:

1. Vùng đảm nhận chức năng ngôn ngữ của vỏ não
2. Cấu trúc giải phẫu của cơ quan sinh ngôn ngữ
 - 2.1 Hệ hô hấp
 - 2.2 Cơ quan phát âm
 - 2.3 Cơ quan cấu âm
 - 2.4 Cấu trúc cộng hưởng âm thanh
3. Cách thức tạo âm thanh

Bài 2: Đại cương về rối loạn giao tiếp

Thời gian: 06 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được khái niệm giao tiếp, các hình thức của giao tiếp
2. Trình bày được khái niệm ngôn ngữ, vai trò của ngôn ngữ
3. Trình bày được khái niệm một số rối loạn giao tiếp và vai trò của chuyên viên ngôn ngữ trong nhóm đa chuyên ngành can thiệp rối loạn giao tiếp

4. Nhận biết được người bệnh có rối loạn giao tiếp và liên hệ với các thành viên nhóm đa chuyên ngành để quản lý hiệu quả bệnh nhân rối loạn giao tiếp.

Nội dung:

1. Định nghĩa ngôn ngữ trị liệu và các rối loạn mà ngôn ngữ trị liệu can thiệp
2. Giao tiếp và ngôn ngữ, những hình thức của giao tiếp, vai trò của ngôn ngữ có lời
3. Các rối loạn giao tiếp:
 - 3.1. Rối loạn ngôn ngữ
 - 3.2. Rối loạn lời nói
 - 3.3. Nghe kém
4. Nhóm đa chuyên ngành trong quản lý người bệnh rối loạn giao tiếp

Bài 3: Đại cương về rối loạn nuốt

Thời gian: 06 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được sinh lý nuốt các cơ quan tham gia hoạt động nuốt
2. Trình bày được Rối loạn nuốt là gì và nguyên nhân thường gặp gây rối loạn nuốt
3. Trình bày được ảnh hưởng của rối loạn nuốt và các mục tiêu phục hồi chức năng rối loạn nuốt
4. Trình bày được vai trò của chuyên viên ngôn ngữ trị liệu, chuyên viên vật lý trị liệu trong quản lý bệnh nhân rối loạn nuốt

Nội Dung

1. Các cấu trúc giải phẫu tham gia hoạt động nhai nuốt
2. Sinh lý nuốt
 - 2.1. Giai đoạn miệng
 - 2.2. Giai đoạn hầu
 - 2.3. Giai đoạn thực quản
3. Rối loạn nuốt
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nguyên nhân gây rối loạn nuốt thường gặp
 - 1.3. Biểu chứng và ảnh hưởng của rối loạn nuốt
 - 1.4. Mục tiêu phục hồi chức năng rối loạn nuốt
4. Vai trò của chuyên viên vật lý trị liệu và ngôn ngữ trị liệu trong quản lý bệnh nhân rối loạn nuốt

Bài 4: Thất ngôn (Mất ngôn ngữ)

Thời gian: 06 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa thất ngôn và những bất thường trong giao tiếp của bệnh nhân thất ngôn
2. Trình bày được phân loại thất ngôn trên lâm sàng
3. Trình bày được nguyên tắc phục hồi chức năng cho bệnh nhân thất ngôn
4. Nhận biết được triệu chứng của người bệnh thất ngôn (mất ngôn ngữ)

Nội dung

1. Định nghĩa và bất thường trong giao tiếp của bệnh nhân thất ngôn
2. Phân loại thất ngôn trên lâm sàng
 - 2.1. Thất ngôn diễn đạt
 - 2.2. Thất ngôn tiếp nhận
 - 2.3. Thất ngôn hỗn hợp
 - 2.4. Thất ngôn toàn bộ
3. Nguyên tắc phục hồi chức năng cho bệnh nhân thất ngôn

Bài 5: Vận động miệng

Thời gian: 08 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được vai trò của các bài tập vận động miệng.
2. Trình bày được một số bài tập vận động miệng thường áp dụng trên lâm sàng
3. Lựa chọn được bài tập vận động miệng phù hợp cho bệnh nhân cụ thể

Nội dung:

1. Vai trò của bài tập vận động miệng:
2. Một số bài tập vận động miệng trên lâm sàng
 - 1.1. Bài tập vận động môi - má
 - 1.2. Bài tập vận động hàm
 - 1.3. Bài tập vận động lưỡi

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Cơ quan sinh ngôn ngữ và sinh lý nuốt

Các kiến thức cơ bản về rối loạn giao tiếp, rối loạn ngôn ngữ

Vai trò của chuyên viên vật lý trị liệu, chuyên viên ngôn ngữ trị liệu trong quản lý bệnh nhân rối loạn giao tiếp, rối loạn nuốt

- Kỹ năng:

Áp dụng được kỹ thuật vận động miệng cho các rối loạn giao tiếp, rối loạn nuốt. Áp dụng được một số kỹ thuật sàng lọc rối loạn nuốt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nội dung kiểm tra/thi hết module.

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi.
Chia nhóm 05 SV/nhóm.

- Đối với người học: SV làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Biện chứng và ảnh hưởng của rối loạn nuốt

- Vai trò của giao tiếp và vấn đề bệnh nhân rối loạn giao tiếp gặp phải

- Bài tập vận động miệng

- Vai trò của chuyên viên ngôn ngữ trị liệu, chuyên viên vật lý trị liệu trong nhóm đa chuyên ngành quản lý bệnh nhân rối loạn giao tiếp và rối loạn nuốt

4. Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng giải phẫu học. Nguyễn Quang Quyền tập 1. NXB Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh 2013

- Hướng dẫn thực hành Âm ngữ trị liệu. NXB Y học 2004

- Chăm sóc bệnh nhân Tai mũi họng - Bộ Y tế - Bệnh viện Bạch Mai (2014)

TÊN MÔ ĐƠN: HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU

Mã mô đơn: MĐ17

Thời gian thực hiện: 47 tiết; (Lý thuyết: 15 tiết; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 tiết; Kiểm tra: 2 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các mô đơn chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày định nghĩa về hoạt động trị liệu, lịch sử phát triển của chuyên ngành hoạt động trị liệu, phân tích vai trò của kỹ thuật viên hoạt động trị liệu

Về kỹ năng:

- Áp dụng các khung mẫu ICF, OTPF trong các lượng giá trong tiếp cận môi trường, lượng giá các chức năng sinh hoạt hàng ngày
- Áp dụng các kỹ thuật làm nẹp chi trên và bàn tay, các dụng cụ hỗ trợ sinh hoạt hàng ngày

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng thành thạo các test đánh giá nhận thức và can thiệp trên người bệnh.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1.	Bài 1: Tổng quan về Hoạt động trị liệu	1	1	0	0	
2.	Bài 2: Khung mẫu thực hành trong Hoạt động trị liệu	6	2	4	0	

3.	Bài 3: Tối ưu hóa cách tiếp cận môi trường	6	2	4	0	2	
4.	Bài 4: Chức năng sinh hoạt hàng ngày	6	2	4	0		
5.	Bài 5 : Phương pháp can thiệp nhóm	6	2	4	0		
6.	Bài 6: Nẹp bàn tay	6	2	4	0		
7.	Bài 7: Phục hồi chức năng nhận cảm nhận thức	6	2	4	0		
8.	Bài 8: Phục hồi chức năng chi trên và bàn tay	8	2	6	0		
9.	Kiểm tra	2	0	0	0		
Tổng số		47	15	30	0		2
Quy ra tín chỉ		2					

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về Hoạt động trị liệu. Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ - TH: 00 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Lịch sử phát triển của chuyên ngành hoạt động trị liệu trên thế giới, sự thành lập của liên đoàn hoạt động trị liệu thế giới WFOT
2. Định nghĩa về hoạt động trị liệu của WFOT, vai trò của kỹ thuật viên hoạt động trị liệu
3. Những cơ sở làm việc và vai trò của kỹ thuật viên hoạt động trị liệu

Nội dung

1. Hoạt động trị liệu bắt đầu như thế nào
 - 1.1. Quá trình phát triển từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XXI.
 - 1.2. Những giới hạn cho sự phát triển OT.
 - 1.3. Những bước chiến lược thúc đẩy tầm nhìn và nhận dạng ngành.
2. Đại cương hoạt động trị liệu
 - 2.1. Định nghĩa.
 - 2.2. Vai trò OT.
 - 2.3. Những bối cảnh thực hành:
 - 2.3.1. Bối cảnh bệnh nhân nội trú.
 - 2.3.2. Bối cảnh phòng khám (Nhi).

2.3.3. Bối cảnh tại nhà.

2.3.4. Bối cảnh trường học.

2.3.5. Bối cảnh phục hồi chức năng.

2.3.6. Xa hơn bối cảnh truyền thông.

Bài 2: Các khung mẫu trong thực hành HĐTL Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày các khái niệm khung mẫu ICF và OTPF
2. Trình bày nội dung của các thành phần trong 2 khung mẫu, nêu ưu nhược điểm của 2 khung mẫu
3. Sử dụng khung mẫu trong thực hành hoạt động trị liệu
4. Nêu 1 số ví dụ các ca bệnh theo khung mẫu

Nội dung:

1. Khung mẫu ICF :
 - 1.1. Phân loại quốc tế về chức năng , khuyết tật và sức khỏe
 - 1.2. Nội dung khung ICF
 - 1.3. Ưu , nhược điểm của ICF
 - 1.4. Một số ví dụ áp dụng ICF lập hồ sơ hoạt động
2. Khung mẫu OTPF :
 - 2.1. Nội dung OTPF
 - 2.2. Ưu nhược điểm của OTPF
 - 2.3. Áp dụng OTPF trong can thiệp hoạt động trị liệu

Bài 3: Tối ưu hoá cách tiếp cận môi trường Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày khái niệm về các thay đổi môi trường phù hợp với người bệnh
2. Nêu khái niệm về các thiết kế áp dụng để thay đổi môi trường sinh hoạt , môi trường công cộng
3. Sử dụng các công nghệ hỗ trợ trong thay đổi môi trường của người bệnh, trình bày các chiến lược can thiệp đơn giản hóa tác vụ
4. Lượng giá, can thiệp thay đổi môi trường nhà ở phù hợp với tình trạng bệnh

Nội dung:

1. Giới thiệu tối ưu hóa môi trường và vai trò kỹ thuật viên hoạt động trị liệu

2. Nội dung của thiết kế bao hàm và thiết kế phổ biến

2.1. Thiết kế bao hàm

2.2. Thiết kế phổ biến

3. Sự điều chỉnh môi trường dựa vào hoạt động

3.1. Điều chỉnh trong nhà

3.2. Điều chỉnh cộng đồng

4. Công nghệ hỗ trợ

5. Phương pháp đơn giản hóa các tác vụ hoạt động

Bài 4: Chức năng sinh hoạt hàng ngày **Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)**

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được khái niệm về hoạt động sống hàng ngày và hoạt động sống hàng ngày cao cấp
2. Trình bày được các các giai đoạn lượng giá và các bước tiến hành lượng giá sinh hoạt hàng ngày (ADL) và sinh hoạt hàng ngày cao cấp (IADL)
3. Can thiệp ADL/IADL
4. Hướng dẫn thực hành mặc quần áo ở bệnh nhân đột quỵ não và tuỷ sống
5. Hướng dẫn thực hành di chuyển, dịch chuyển từ xe lăn đến bồn cầu, từ bồn cầu trở lại xe lăn

Nội dung

1. Giới thiệu

1.1. Các hoạt động sống hàng ngày

1.2. Các hoạt động sống hàng ngày cao cấp

2. Các giai đoạn lượng giá ADL/IADL

2.1. Lập kế hoạch lượng giá

2.2. Tiến hành lượng giá

3. Thiết lập mục tiêu của khách hàng: Cầu nối giữa lượng giá và can thiệp

3.1. Xác định các hành vi mục tiêu phù hợp

3.2. Xác định các mức độ thực hiện phù hợp

4. Viết mục tiêu SMART

5. Can thiệp đối với ADL/IADL

5.1. Lựa chọn một biện pháp can thiệp

5.2. Giáo dục khách hàng hoặc người chăm sóc

5.3. Định bậc chương trình can thiệp

Bài 5: Các phương pháp can thiệp nhóm -Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm của nhóm
2. Trình bày được quy trình nhóm
3. Trình bày được các can thiệp nhóm trong hoạt động trị liệu

Nội dung

1. Giới thiệu
2. Đặc điểm của một nhóm
 - 2.1. Mục đích nhóm
 - 2.2. Quy định nhóm
 - 2.3. Sự gắn kết của nhóm
 - 2.4. Tương tác động lực
 - 2.5. Những thuận lợi và bất lợi của nhóm
3. Các yếu tố trị liệu của một nhóm
4. Can thiệp nhóm trong hoạt động trị liệu
 - 4.1. Nhóm môi trường điều trị
 - 4.2. Nhóm hành động
 - 4.3. Nhóm hỗ trợ
5. Tổ chức các nhóm hoạt động trị liệu
 - 5.1. Mô hình 7 bước của cole
 - 5.2. Những thách thức khi tổ chức các nhóm hoạt động trị liệu
 - 5.3. Các kỹ năng chuyên gia trị liệu cần có để quản lý các thách thức nhóm

Bài 6: Nẹp bàn tay và dụng cụ chỉnh hình Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được khái niệm về nẹp và các chỉ định của nẹp
2. Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc của nẹp
3. Trình bày những lưu ý, quy trình làm nẹp
4. Nêu được các dụng cụ trợ giúp trong sinh hoạt
5. Thực hành làm nẹp và một số dụng cụ trợ giúp

Nội dung

1. Giới thiệu
2. Mục đích của nẹp

3. Những nguyên tắc của nẹp
 - 3.1. Nguyên tắc về mặt giải phẫu
 - 3.2. Nguyên tắc sinh cơ học
 - 3.3. Các nguyên tắc cơ học
4. Những cân nhắc bệnh nhân trong việc làm nẹp
5. Quy trình làm dẫn nẹp
 - 5.1. Thiết kế nẹp
 - 5.2. Lựa chọn vật liệu
 - 5.3. Tạo mẫu
 - 5.4. Cắt
 - 5.5. Nung nóng vật liệu
 - 5.6. Tạo hình vật liệu thành nẹp
 - 5.7. Hoàn thành các cạnh viền
 - 5.8. Gắn dây đai
 - 5.9. Sử dụng miếng đệm
 - 5.10. Đánh giá sự phù hợp của nẹp
6. Những dụng cụ trợ giúp trong sinh hoạt

Bài 7: PHCN nhận cảm nhận thức. Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được các rối loạn nhận thức, nhận cảm
2. Nêu được cách đánh giá của các test nhận thức, nhận cảm
3. Thực hiện được các cách đánh giá của các test nhận thức, nhận cảm trên lâm sàng
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra các chẩn đoán và
5. phương pháp can thiệp phù hợp
6. Sử dụng các kiến thức được học để tư vấn cho người nhà về chăm sóc và tham gia điều trị cho người bệnh
7. Thể hiện được tinh thần hăng say, ham học hỏi, tác phong nhanh nhẹn trong học tập và kỹ năng làm việc trên lâm sàng
8. Sử dụng các test về nhận thức để đánh giá

Nội dung:

1. Nhận thức

- 1.1. Sự chú ý
- 1.2. Sự định hướng 3. Trí nhớ

1.3. Giải quyết vấn đề

2. Nhận cảm

2.1. Rối loạn nhận cảm thị giác

2.1.1. Mất nhận cảm

2.1.2. Mất nhận thức màu sắc

2.1.3. Mất khả năng định danh màu sắc

2.1.4. Biến hình thị giác

2.1.5. Mất nhận thức khuôn mặt (chứng mù mặt)

2.1.6. Mất nhận thức đa vật thể (mất khả năng định hình tổng thể)

2.2. Rối loạn nhận cảm thị giác không gian

2.2.1. Rối loạn phân biệt vật nền

2.2.2. Mất khả năng định dạng hình thái (mất khả năng hình dạng-định hướng)

2.2.3. Vị trí trong không gian

2.2.4. Rối loạn phân biệt phải-trái

2.2.5. Mất cảm giác lập phương (rối loạn khả năng cảm nhận chiều sâu)

2.3. Rối loạn nhận cảm xúc giác

2.3.1. Rối loạn lập thể tri giác

2.3.2. Rối loạn cảm ứng da

2.4. Rối loạn nhận cảm gián đồ cơ thể

2.4.1. Rối loạn nhận thức ngón tay

2.4.2. Sao nhãng một bên

2.5. Rối loạn nhận cảm cử động

2.5.1. Vong hành ý niệm

2.5.2. Mất ý tưởng vận động

2.5.3. Mất khả năng mặc quần áo

Bài 8: Phục hồi chức năng chi trên và bàn tay

Thời gian: 08 giờ (LT: 02 giờ - TH: 06 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Giới thiệu chung về can thiệp hoạt động trị liệu chi trên và bàn tay
2. Một số can thiệp hoạt động trị liệu chi trên và bàn tay cho người bệnh đột quy não
3. Một số can thiệp hoạt động trị liệu chi trên và bàn tay cho người bệnh tổn thương tủy sống cổ
4. Một số can thiệp hoạt động trị liệu chi trên và bàn tay cho người bệnh tổn thương thần kinh ngoại biên (tổn thương thần kinh quay, thần kinh trụ và thần kinh giữa)

Nội dung:

1. Giới thiệu :

1.1. Đại cương

1.2. Các hoạt động chức năng chi trên và bàn tay

2. Một số can thiệp hoạt động trị liệu chi trên và bàn tay cho một số bệnh lý thần kinh:

2.1. Hoạt động trị liệu can thiệp chi trên và bàn tay cho người bệnh đột quỵ não:

2.1.1. Dấu hiệu tiên lượng hồi phục chi trên

2.1.2. Quản lý chi trên và bàn tay

2.1.3. Các bài tập chi trên và bàn tay

2.1.4. Những công nghệ và kỹ thuật khác

2.2. Hoạt động trị liệu can thiệp chi trên và bàn tay cho người bệnh tổn thương tủy sống cổ:

2.2.1. Giới thiệu bàn tay chức năng, cơ chế, lợi ích của bàn tay chức năng

2.2.2. Các kiểu cầm nắm của bàn tay chức năng

2.2.3. Đặt tư thế sử dụng nẹp bàn tay ở người bệnh tổn thương tủy sống cổ

2.3. Hoạt động trị liệu can thiệp chi trên và bàn tay cho người bệnh tổn thương thần kinh ngoại biên: nguyên nhân, triệu chứng, phân loại

2.3.1. Tổn thương thần kinh quay:

2.3.2. Tổn thương thần kinh trụ :

2.3.3. Tổn thương thần kinh trụ :

2.3.4. Can thiệp hoạt động trị liệu sau phẫu thuật nối dây thần kinh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.
- Bài giảng slide
- Mô hình
- Dụng cụ thực hành

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường, phòng tiên lâm sàng)
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức về hoạt động trị liệu, lịch sử phát triển của chuyên ngành hoạt động trị liệu, phân tích vai trò của kỹ thuật viên hoạt động trị liệu

Các kiến thức cơ bản về điều trị bằng các phương thức vật lý trị liệu

- Kỹ năng:

Các khung mẫu ICF , OTPF trong các lượng giá trong tiếp cận môi trường, lượng giá các chức năng sinh hoạt hàng ngày

Các kỹ thuật làm nẹp chi trên và bàn tay, các dụng cụ hỗ trợ sinh hoạt hàng ngày

Thực hiện được các kỹ thuật điều trị bằng vật lý trị liệu cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật.

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật PHCN vào học kỳ 4.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi.
- Đối với người học: SV làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sử dụng các khung mẫu ICF, OTPF lập hồ sơ hoạt động trị liệu, lượng giá, đặt mục tiêu và can thiệp hoạt động trị liệu
- Đánh giá được môi trường ảnh hưởng tới hoạt động, thay đổi môi trường phù hợp với tình trạng người bệnh
- Đánh giá tình trạng tổn thương chi trên và bàn tay đưa ra các chỉ định và các loại nẹp phù hợp
- Thực hiện được các test đánh giá về nhận thức, lựa chọn các can thiệp phù hợp tình trạng người bệnh
- Các kiến thức cơ bản về điều trị bằng các tác nhân vật lý.

4. Tài liệu tham khảo

- Occupational Therapy - tác giả: Willard & Spackman's
- Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
- Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.

TÊN MÔ ĐUN: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ BẰNG TÁC NHÂN VẬT LÝ

Mã mô đun: MĐ18

Thời gian thực hiện môn học: 32 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 tiết; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, sinh cơ học, lượng giá chức năng.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và các tai biến trong các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các phương pháp điều trị phù hợp với người bệnh.
- Áp dụng được quy trình kỹ thuật điều trị phù hợp với người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Siêu âm trị liệu	2	2	0	0	
2	Bài 2: Hồng ngoại	2	2	0	0	
3	Bài 3 : Sóng ngắn	2	2	0	0	
4	Bài 4: Điện xung	2	2	0	0	
5	Bài 5: Điện phân dẫn thuốc	2	2	0	0	
6	Bài 6: Kéo giãn cột sống bằng	4	4	0	0	

	máy						
7	Bài 7: Tử ngoại	2	2	0	0	2	
8	Bài 8: Giao thoa	2	2	0	0		
9	Bài 9: Paraphin	2	2	0	0		
10	Bài 10: Laser	2	2	0	0		
11	Bài 11: Thủy trị liệu	2	2	0	0		
12	Bài 12: Bảo quản và sử dụng máy trong điều trị	2	2	0	0		
13	Bài 13: Xoa bóp trị liệu	4	4	0	0		
14	Kiểm tra	2	0	0	0		
Tổng số		32	30	0	0		2
Quy ra tín chỉ		2					

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Siêu âm trị liệu

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của siêu âm trị liệu
2. Trình bày những tai biến của siêu âm trị liệu.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của siêu âm trị liệu
4. Chống chỉ định của siêu âm trị liệu
5. Tai biến khi điều trị bằng siêu âm trị liệu.

Bài 2: Hồng ngoại

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của tia hồng ngoại.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của tia hồng ngoại
4. Chống chỉ định của tia hồng ngoại
5. Tai biến khi điều trị bằng tia hồng ngoại

Bài 3: Sóng ngắn trị liệu**Thời gian: 02 giờ****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của sóng ngắn trị liệu.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của sóng ngắn
4. Chống chỉ định của sóng ngắn
5. Tai biến khi điều trị sóng ngắn.

Bài 4: Điện xung**Thời gian: 02 giờ****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của điện xung.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của dòng điện xung
4. Chống chỉ định của dòng điện xung
5. Tai biến khi điều trị bằng điện xung

Bài 5: Điện phân dẫn thuốc**Thời gian: 02 giờ****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của điện phân dẫn thuốc.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của dòng điện phân dẫn thuốc
4. Chống chỉ định của dòng điện phân dẫn thuốc.
5. Tai biến khi điều trị bằng điện phân dẫn thuốc.

Bài 6: Kéo giãn cột sống bằng máy**Thời gian: 04 giờ****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của kéo giãn cột sống bằng máy.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của kéo giãn cột sống bằng máy
4. Chống chỉ định của kéo giãn cột sống bằng máy.
5. Tai biến khi điều trị bằng kéo giãn cột sống bằng máy.

Bài 7: Tử ngoại

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của tia tử ngoại.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của tia tử ngoại
4. Chống chỉ định của tia tử ngoại
5. Tai biến khi điều trị bằng tia tử ngoại.

Bài 8: Giao thoa

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của dòng giao thoa.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của giao thoa
4. Chống chỉ định của giao thoa
5. Tai biến khi điều trị bằng giao thoa.

Bài 9: Paraphin

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của paraphin.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của paraffin
4. Chống chỉ định của paraffin
5. Tai biến khi điều trị bằng paraffin.

Bài 10: Laser

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của tia laser.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của tia laser
4. Chống chỉ định của tia laser
5. Tai biến khi điều trị bằng tia laser.

Bài 11: Thủy trị liệu

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và những tai biến của thủy trị liệu.

Nội dung

1. Đại cương
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của thủy trị liệu
4. Chống chỉ định của thủy trị liệu
5. Tai biến khi điều trị bằng thủy trị liệu.

Bài 12: Bảo quản và sử dụng máy trong điều trị

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cách bảo quản máy trong điều trị.
2. Trình bày được quy trình kỹ thuật các bước sử dụng máy trong điều trị.

Nội dung

1. Cách bảo quản máy trong điều trị
2. Quy trình kỹ thuật các bước sử dụng máy trong điều trị.

Bài 13: Xoa bóp trị liệu

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, hiệu quả về mặt cơ học và sinh lý của xoa bóp trị liệu.
2. Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp trị liệu.
3. Trình bày được những kỹ thuật xoa bóp cơ bản và những điều cần lưu ý khi xoa bóp.

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Hiệu quả của xoa bóp trị liệu
2. Tác dụng sinh lý
3. Chỉ định của xoa bóp trị liệu
4. Chống chỉ định của xoa bóp trị liệu
5. Những kỹ thuật xoa bóp cơ bản
6. Những lưu ý khi xoa bóp.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

2. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
4. Các điều kiện khác:
 - Phòng học lý thuyết

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về điều trị bằng các phương thức vật lý trị liệu

-Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các kỹ thuật điều trị bằng vật lý trị liệu cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận.

+ Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

6.1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4.

6.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

6.3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.

-

TÊN MÔ ĐƠN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 1

Mã mô đơn: MD19

Thời gian thực hiện mô đơn: 137 giờ (Lý thuyết: 0. Thực tập: 135 tiết; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đơn chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu và Quản lý – Tổ chức y tế.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm/Khoa Phục hồi chức năng và các phòng, đơn vị trực thuộc.
2. Mô tả được chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các vị trí việc làm.
3. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh tại Trung tâm/Khoa phục hồi chức năng.
4. Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể trên các khía cạnh :Thể chất, tinh thần, xã hội theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - “ICF”
5. Áp dụng những kiến thức về mặt lý thuyết đã được học để quan sát và đưa ra những so sánh, phân biệt những bài tập cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng.
6. Viết và báo cáo kết quả kiến tập theo nội dung quy định.
7. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
8. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

Nắm vững những kiến thức về mặt lý thuyết đã được học về: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, Quản lý khoa phòng.

Về kỹ năng:

Quan sát và đưa ra những so sánh, phân biệt những bài tập cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn.

III. Nội dung môn học/mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Giới thiệu: Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng	3	0	0	3	2
2	Giới thiệu: Nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.	2	0	0	2	
3	Giới thiệu: Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa phục hồi chức năng.	2	0	0	2	
4	Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - “ICF”	45	0	0	45	
5	Kiến tập các phòng tập chức năng	75	0	0	75	
	<i>Quan sát, kiến tập tại phòng Vận động trị liệu</i>	15	0	0	15	
	<i>Quan sát, kiến tập tại phòng Hoạt động trị liệu</i>	15	0	0	15	
	<i>Quan sát, kiến tập tại phòng Điều trị bằng các tác nhân vật lý</i>	15	0	0	15	
	<i>Quan sát, kiến tập tại phòng ngôn ngữ</i>	10	0	0	10	

	<i>trị liệu</i>					
	<i>Quan sát, kiến tập tại Xưởng chỉnh hình và chân tay giả.</i>	7	0	0	7	
	<i>Quan sát, kiến tập tại Đơn vị “ dụng cụ hỗ trợ - AT”</i>	15	0	0	15	
6	Báo cáo kết quả đợt kiến tập bệnh viện	6	0	0	6	
7	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		137	0	0	135	2

2. Nội dung chi tiết.

Phần 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng.
2. Thực hiện được các quy định về giao tiếp trong môi trường Bệnh viện và quy định về giao tiếp của Điều dưỡng, Kỹ thuật viên
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Cơ cấu tổ chức của Khoa phục hồi chức năng tại các bệnh viện:

- Chi bộ Đảng, trưởng – phó khoa, công đoàn.
- Các bộ phận trực thuộc.
- Nhân sự.

2. Chức năng nhiệm vụ của Khoa phục hồi chức năng tại các bệnh viện:

- Khám chữa bệnh nội và ngoại trú.
- Đào tạo
- Chỉ đạo tuyến
- Hợp tác quốc tế.....

Phần 2. Chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.

2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Vận động trị liệu.
2. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Hoạt động trị liệu.
3. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Các phương thức vật lý trị liệu

Phần 3. Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh tại Trung tâm phục hồi chức năng.
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa Phục hồi chức năng:

1. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị nội trú.
2. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị ngoại trú.
3. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị tại các phòng chức năng: Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu,...

Phần 4. Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - “ICF”.

Mục tiêu bài học:

1. Thực hiện khai thác, đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - “ICF”
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Tiến hành hỏi bệnh, khai thác người bệnh theo các đề mục trong bảng phân loại ICF:

- Họ và tên....Tuổi.....Giới.....Nghề nghiệp....Trình độ học vấn....
- Bệnh sử....
- Ngày bị bệnh....Ngày vào viện....
- Thông tin về gia đình.....
- Môi trường sống....
- Sở thích....
- Phong cách sống....
- Mong muốn.....

Phần 5. Kiến tập các phòng tập chức năng trong Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1. Quan sát, tìm hiểu những bài tập, kỹ thuật vận động, hoạt động, ngôn ngữ tại các phòng vận động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, hoạt động trị liệu.
2. Quan sát cách lượng giá, sử dụng, và điều chỉnh xe lăn, các bài tập với xe lăn và sử dụng công cụ trợ giúp người bệnh tại khoa PHCN.
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

NỘI DUNG.

1. Quan sát, kiến tập tại phòng Vận động trị liệu.

- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá vận động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên thực hiện các bài tập vận động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh tập luyện với các máy móc và dụng cụ tập.
- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá, thực hiện cách chỉnh sửa xe lăn cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh và người nhà bệnh nhân tập luyện với xe lăn và các công cụ hỗ trợ khác.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tập vận động cho người nhà người bệnh tập luyện cho người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tự tập luyện người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.

2. Quan sát, kiến tập tại phòng Hoạt động trị liệu.

- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá hoạt động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên thực hiện các bài tập hoạt động trị liệu cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh tập luyện với các máy móc và dụng cụ tập hoạt động trị liệu.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tập hoạt động trị liệu cho người nhà người bệnh tập luyện cho người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tự tập luyện người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.

3. Quan sát, kiến tập tại Phòng điều trị bằng các tác nhân vật lý

- Quan sát các kỹ thuật viên sử dụng các máy điện trị liệu cho người bệnh như: Điện phân, điện xung, giao thoa, siêu âm, sóng ngắn....
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành kéo giãn cột sống bằng máy cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành đắp Parafin cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành sử dụng máy từ trường cho người bệnh.

Phần 6. Báo cáo kết quả đợt kiến tập bệnh viện.

Mục tiêu bài học:

1. Tiến hành viết và trình bày một bài báo cáo thực tập bệnh viện trong học phần thực tập bệnh viện 1.
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

NỘI DUNG

1. Viết một bài báo cáo tổng kết quá trình thực tập bệnh viện 1 với nội dung quan sát được tại các phòng chức năng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
3. Các điều kiện khác:

- Khoa Phục hồi chức năng
- Phòng bệnh tại khoa
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng. Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng các tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, Quản lý khoa phòng.

Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình:

+ Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

+ Hình thức: Kiểm tra theo hình thức thảo luận hoặc vấn đáp,...

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Chấm bài báo cáo cuối đợt thực tập

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn trên lâm sàng.
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
3. Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ CƠ XƯƠNG KHỚP VÀ CỘT SỐNG.

Mã mô đun: MD20

Thời gian thực hiện: 62 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương thức điều trị bằng tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, thực tập bệnh viện 1.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, học ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc điều trị và các kỹ thuật phục hồi chức năng các bệnh lý hệ cơ xương khớp và cột sống.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng các bệnh lý hệ cơ xương khớp và cột sống.
- Áp dụng được quy trình phục hồi chức năng để điều trị cho người bệnh mắc các bệnh lý hệ cơ xương khớp và cột sống.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Triệu chứng học và lượng giá chức năng bệnh lý hệ CXK và cột sống.	4	2	2	0	2
2	Bài 2: PHCN Viêm quanh khớp vai	7	4	3	0	
3	Bài 3: PHCN Viêm cột sống dính khớp	6	3	3	0	
4	Bài 4: PHCN Viêm khớp dạng thấp	5	2	3	0	
5	Bài 5: PHCN Thoái hóa khớp.	8	4	4	0	
6	Bài 6: PHCN Thoái hóa cột sống.	8	4	4	0	
7	Bài 7: PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống.	8	4	4	0	
8	Bài 8: PHCN Loãng xương.	5	2	3	0	
9	Bài 9: PHCN Lao cột sống, Lao khớp.	5	3	2	0	
10.	Bài 10: PHCN viêm điểm bám gân	4	2	2	0	
11	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		62	30	30	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Triệu chứng học và lượng giá chức năng bệnh lý hệ CXK và cột sống.

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cách thăm khám và lượng giá hệ cơ xương khớp và cột sống.
2. Trình bày được nguyên tắc điều trị và các phương pháp phục hồi chức năng các bệnh lý của hệ cơ xương khớp và cột sống
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung:

1. Đại cương
2. Thăm khám và lượng giá
 - 2.1. Hỏi bệnh
 - 2.2. Khám và lượng giá
 - 2.2.1. Quan sát
 - 2.2.2. Sờ
 - 2.2.3. Hoạt động chức năng.
 - 2.2.4. Khám toàn thân và các bộ phận khác
 - 2.2.5. Chẩn đoán dựa vào các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng.
3. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng
 - 3.1. Các triệu chứng đau do bệnh lý của hệ cơ xương khớp
 - 3.2. Bệnh khớp do viêm gây cứng và dính khớp.
 - 3.3. Bệnh khớp do thoái hóa.

Bài 2: PHCN Viêm quanh khớp vai Thời gian: 07 giờ (LT: 04 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Khám và lượng giá viêm quanh khớp vai.
2. Nguyên tắc phục hồi chức năng và điều trị viêm quanh khớp vai.
3. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng viêm quanh khớp vai.
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh viêm quanh khớp vai qua tình huống lâm sàng.

5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh
 - 2.1.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.
 - 2.3. Chẩn đoán phân biệt.
 - 2.4. Chẩn đoán nguyên nhân
3. Phục hồi chức năng và điều trị
 - 3.1. Nguyên tắc phục hồi chức năng và điều trị.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Các phương thức điều trị vật lý.
 - 3.2.2. Vận động trị liệu.
 - 3.2.3. Hoạt động trị liệu
 - 3.3. Các điều trị khác
 - 3.3.1. Nội khoa
 - 3.3.2. Ngoại khoa

Bài 3: PHCN Viêm cột sống dính khớp

Thời gian: 06 giờ (LT: 03 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các biểu hiện lâm sàng của người bệnh viêm cột sống dính khớp
2. Trình bày các phương pháp Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm cột sống dính khớp.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh viêm cột sống dính khớp qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân

5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội Dung

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh
 - 2.1.2. Khám lâm sàng
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.
3. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng và điều trị
 - 3.1. Giai đoạn viêm cấp.
 - 3.2. Giai đoạn viêm bán cấp
 - 3.3. Giai đoạn mạn tính
4. Điều trị thuốc
5. Các điều trị khác
 - 5.1. Điều trị y học dân tộc
 - 5.2. Ngoại khoa

Bài 4: PHCN Viêm khớp dạng thấp Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Định nghĩa và các tiêu chuẩn chẩn đoán viêm khớp dạng thấp.
2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng viêm khớp dạng thấp giai đoạn cấp, giai đoạn bán cấp và giai đoạn mạn tính.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Đại cương
2. Chẩn đoán

- 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh
 - 2.1.2. Khám lâm sàng
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
- 2.2. Chẩn đoán xác định.
- 3. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng và điều trị
 - 3.1. Giai đoạn khớp viêm cấp.
 - 3.2. Giai đoạn khớp viêm bán cấp
 - 3.3. Giai đoạn mạn tính
- 4. Điều trị thuốc
- 5. Các điều trị khác
 - 5.1. Điều trị y học dân tộc
 - 5.2. Ngoại khoa

Bài 5: PHCN Thoái hóa khớp.

Thời gian: 08 giờ (LT: 04 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cách khám và lượng giá các khớp.
2. Trình bày được các nguyên nhân của thoái hóa khớp
3. Trình bày được các triệu chứng của thoái hóa khớp
4. Trình bày được các nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng thoái hóa khớp.
5. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh thoái hóa khớp qua tình huống lâm sàng.
6. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
7. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

Nội dung

1. Đặt vấn đề
2. Thăm khám và lượng giá
 - 2.1. Hỏi bệnh
 - 2.2. Quan sát
 - 2.3. Hoạt động chức năng
 - 2.4. Sờ nắn khớp.
 - 2.5. Khám toàn thân và bộ phận khác.

2.6. Chẩn đoán dựa vào triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân nguyên phát

3.2. Nguyên nhân thứ phát

4. Triệu chứng.

5. Nguyên tắc điều trị và PHCN cho thoái hóa khớp.

5.1. Các rối loạn chức năng do thoái hóa khớp.

5.2. Mục tiêu phục hồi chức năng

5.3. Nguyên tắc và các phương pháp phục hồi chức năng.

Bài 6: PHCN Thoái hóa cột sống.

Thời gian: 08 giờ (LT: 04 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được đại cương, định nghĩa, nguyên nhân của thoái hóa cột sống.
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của thoái hóa cột sống.
3. Trình bày được các phương pháp phục hồi chức năng thoái hóa cột sống.
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh thoái hóa cột sống qua tình huống lâm sàng.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập .

Nội dung:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán.
 - 2.1.1. Hỏi bệnh.
 - 2.1.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán phân biệt
3. Phục hồi chức năng và điều trị.
 - 3.1. Nguyên tắc phục hồi chức năng và điều trị.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Điều trị bằng nhiệt

- 3.2.2. Điện phân.
- 3.2.3. Siêu âm.
- 3.2.4. Kéo giãn cột sống.
- 3.2.5. Tập luyện
- 4. Các điều trị hỗ trợ khác
 - 4.1. Thuốc.
 - 4.2. Chế độ ăn uống, sinh hoạt.
- 5. Theo dõi và tái khám

Bài 7: PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống

Thời gian: 08 giờ (LT: 04 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được đại cương, định nghĩa, nguyên nhân của thoát vị đĩa đệm cột sống.
2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của thoát vị đĩa đệm cột sống.
3. Trình bày được các phương pháp phục hồi chức năng thoát vị đĩa đệm cột sống
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh thoát vị đĩa đệm cột sống qua tình huống lâm sàng.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập .

Nội dung:

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng.
4. Cận lâm sàng.
5. Chẩn đoán
6. Phục hồi chức năng.
 - 6.1. Điều trị bảo tồn.
 - 6.2. Điều trị nội khoa.
 - 6.3. Điều trị phẫu thuật.
 - 6.4. Phục hồi chức năng.

Bài 8: PHCN Loãng xương.

Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các tiêu chuẩn để chẩn đoán loãng xương.
2. Trình bày được các phương pháp điều trị và phục hồi chức năng loãng xương.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh loãng xương qua tình huống lâm sàng.
4. Thực hiện được chế độ dinh dưỡng hợp lý và hướng dẫn phòng ngừa gãy xương cho người bệnh loãng xương.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập .

Nội dung:

1. Đại cương.
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh.
 - 2.1.2. Khám lâm sàng và lượng gia chức năng.
 - 2.1.3. Các chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.
 - 2.3. Chẩn đoán phân biệt.
3. Điều trị phục hồi chức năng
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Vật lý trị liệu
 - 3.2.2. Vận động trị liệu
 - 3.2.3. Hoạt động trị liệu.
 - 3.2.4. Các dụng cụ chỉnh hình trợ giúp.
4. Thuốc điều trị.
 - 4.1. Các thuốc bổ sung.
 - 4.2. Các thuốc chống hủy xương
 - 4.3. Các thuốc tác dụng kép.
 - 4.4. Thuốc tăng tạo xương.
 - 4.5. Các nhóm thuốc khác.
5. Các điều trị khác

Bài 9: PHCN Lao cột sống, Lao khớp**Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng lao cột sống, lao khớp.
2. Trình bày các phương pháp phục hồi chức năng lao cột sống và lao khớp.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh lao cột sống, lao khớp qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập .

Nội dung

1. Đại cương
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Chẩn đoán xác định.
 - 2.2. Chẩn đoán phân biệt
3. Điều trị
 - 3.1. Điều trị nội khoa.
 - 3.2. Điều trị ngoại khoa.
 - 3.3. Phục hồi chức năng
4. Theo dõi

Bài 10: PHCN viêm điểm bám gân**Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của viêm điểm bám gân ở các vị trí hay gặp.
2. Trình bày được nguyên tắc điều trị và các phương pháp phục hồi chức năng viêm điểm bám gân ở các vị trí hay gặp.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh viêm điểm bám gân qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân

5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập .

Nội dung:

1. Đại cương.
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán.
 - 2.1.1. Hỏi bệnh.
 - 2.1.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.
 - 2.3. Chẩn đoán phân biệt.
3. Phục hồi chức năng.
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
4. Điều trị thuốc.
5. Theo dõi và tái khám

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Dụng cụ thực hành
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về bệnh học và Phục hồi chức năng các bệnh lý của hệ cơ xương khớp và cột sống.

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật.

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun:

+ Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học cơ xương khớp, NXB Y học- Bộ Y tế.

- Hướng dẫn điều trị phục hồi chức năng - Bộ Y tế.

TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ HỆ THẦN KINH

Mã mô đun: MĐ21

Thời gian thực hiện: 47 tiết; (Lý thuyết: 15 tiết; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, các phương thức điều trị vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và các khiếm khuyết, thương tật thứ cấp của các bệnh lý hệ thần kinh.

Về kỹ năng:

- Áp dụng các kỹ thuật lượng giá để đưa ra nhận định về tình trạng khiếm khuyết về mặt chức năng vận động, hoạt động ngôn ngữ của từng người bệnh mắc các bệnh lý tổn thương hệ thần kinh.
- Áp dụng được kỹ thuật vật lý trị liệu, vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng người bệnh mắc các bệnh lý tổn thương hệ thần kinh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1.	Bài 1: Triệu chứng học bệnh lý thần kinh	1	1	0	0	2
2.	Bài 2: PHCN đột quy não	6	2	4	0	
3.	Bài 3: PHCN tổn thương tủy sống	5	2	3	0	

4.	Bài 5: PHCN chấn thương sọ não	6	2	4		
5.	Bài 6: PHCN bệnh Parkinson	4	1	3		
6.	Bài 7: PHCN một số bệnh lý thoái hóa thần kinh (Xơ cứng rải rác, xơ cột bên teo cơ...)	5	1	4		
7.	Bài 8: PHCN bệnh viêm não - màng não	3	1	2		
8.	Bài 9: PHCN bệnh lý viêm đa dây đa rễ TK	5	1	4		
9.	Bài 10: PHCN liệt VII ngoại biên	3	1	2		
10.	Bài 11: PHCN bệnh lý tổn thương đám rối thần kinh, dây TK ngoại biên	4	2	2		
11.	Bài 12: PHCN sa sút trí tuệ	3	1	2		
12.	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		47	15	30		2
Quy ra tín chỉ						2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Triệu chứng học hệ thần kinh Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ - TH: 00 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Nắm được giải phẫu chức năng và triệu chứng của hệ vận động, cảm giác, các đôi dây thần kinh sọ, các hội chứng thường gặp và chức năng thần kinh cao cấp.
- Thăm khám được các chức năng của hệ vận động, cảm giác, các đôi dây thần kinh sọ, các hội chứng thường gặp và chức năng thần kinh cao cấp.
- Áp dụng được kết quả sau khi thăm khám và phối hợp với các thang điểm lượng giá để đưa ra được nhận định tổng quát về người bệnh theo mô hình ICF.

Nội dung:

- Khám ý thức:
- Khám chức năng vận động:
- Khám cảm giác:
 - Khám cảm giác nông
 - Khám cảm giác sâu
- Khám các đôi dây thần kinh sọ
- Các hội chứng thường gặp
- Khám lâm sàng chức năng thần kinh cao cấp

Bài 2: PHCN đột quy não Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

- Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do đột quy não gây ra.
- Các phương pháp PHCN đột quy não.

3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về đột quỵ não:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại đột quỵ não:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng đột quỵ não:

Bài 3: PHCN Tổn thương tủy sống Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do tổn thương tủy sống gây ra.
2. Trình bày được phân loại tổn thương tủy sống theo thang điểm ASIA.
3. Các phương pháp PHCN đột quỵ não.
4. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động chức năng chi trên và ADL.
5. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh và từng mức độ tổn thương theo phân loại ASIA.

Nội dung:

1. Đại cương về tổn thương tủy sống:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại tổn thương tủy sống theo ASIA:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng tổn thương tủy sống:

Bài 5: PHCN chấn thương sọ não Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp chấn thương sọ não gây ra.
2. Các phương pháp PHCN chấn thương sọ não.

3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về chấn thương sọ não:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại chấn thương sọ não:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng chấn thương sọ não:

Bài 6: PHCN bệnh Parkinson Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do bệnh Parkinson gây ra.
2. Các phương pháp PHCN bệnh Parkinson.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh Parkinson:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại giai đoạn bệnh:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng bệnh Parkinson:

Bài 7: PHCN một số bệnh lý thoái hóa thần kinh (Xơ cứng rải rác, xơ cột bên teo cơ...) **Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04 giờ)**

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do bệnh lý thoái hóa thần kinh gây ra.

2. Các phương pháp PHCN bệnh lý thoái hóa thần kinh.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng bệnh lý thoái hóa thần kinh

Nội dung:

1 Đại cương về bệnh lý thoái hóa thần kinh:

1.1. Định nghĩa:

1.2. Nguyên nhân:

1.3. Chẩn đoán bệnh lý thoái hóa thần kinh:

1.4. Các khiếm khuyết:

1.5. Các thương tật thứ cấp:

2 Phục hồi chức năng bệnh lý thoái hóa thần kinh:

Bài 8: Phục hồi chức năng bệnh viêm não - màng não. Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do bệnh viêm não - màng não gây ra.
2. Các phương pháp PHCN bệnh viêm não - màng não.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh viêm não - màng não:

1.1. Định nghĩa:

1.2. Nguyên nhân:

1.3. Phân loại giai đoạn bệnh:

1.4. Các khiếm khuyết:

1.5. Các thương tật thứ cấp:

2. Phục hồi chức năng bệnh viêm não - màng não:

Bài 9: PHCN bệnh lý viêm đa dây đa rễ TK.

Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do bệnh viêm đa dây đa rễ TK gây ra.
2. Các phương pháp PHCN bệnh viêm đa dây đa rễ TK.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh viêm đa dây đa rễ TK:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại giai đoạn bệnh:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng bệnh viêm đa dây đa rễ TK:

Bài 10: PHCN liệt VII ngoại biên. Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được giải phẫu chức năng dây thần kinh sọ số VII
2. Các phương pháp PHCN bệnh liệt VII ngoại biên.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, cảm giác do dây thần kinh VII chi phối.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vật lý trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh liệt VII ngoại biên:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại giai đoạn bệnh:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
2. Phục hồi chức năng bệnh liệt VII ngoại biên:

Bài 11: PHCN bệnh lý tổn thương đám rối thần kinh, dây TK ngoại biên

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được giải phẫu chức năng đám rối, dây thần kinh ngoại biên chi trên - chi dưới.

2. Các phương pháp PHCN bệnh tổn thương đám rối, dây thần kinh ngoại biên.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, cảm giác do đám rối, dây thần kinh ngoại biên chi phối.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vật lý trị liệu, vận động trị liệu, hoạt động trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh đám rối, dây thần kinh ngoại biên:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại các dạng tổn thương:
 - 1.4. Chẩn đoán bệnh đám rối, dây thần kinh ngoại biên:
 - 1.5. Các khiếm khuyết:
2. Phục hồi chức năng bệnh đám rối, dây thần kinh ngoại biên:

Bài 12: VLTL -PHCN sa sút trí tuệ. Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do bệnh sa sút trí tuệ gây ra.
2. Các phương pháp PHCN bệnh sa sút trí tuệ.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về bệnh sa sút trí tuệ:
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phân loại giai đoạn bệnh:
 - 1.4. Các khiếm khuyết:
 - 1.5. Các thương tật thứ cấp:
2. Phục hồi chức năng bệnh sa sút trí tuệ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.
- Bài giảng slide
- Mô hình
- Dụng cụ thực hành

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và các khiếm khuyết, thương tật thứ cấp của các bệnh lý hệ thần kinh.

Về kỹ năng:

- Áp dụng các kỹ thuật lượng giá để đưa ra nhận định về tình trạng khiếm khuyết về mặt chức năng vận động, hoạt động ngôn ngữ của từng người bệnh mắc các bệnh lý tổn thương hệ thần kinh.
- Áp dụng được kỹ thuật vật lý trị liệu, vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng người bệnh mắc các bệnh lý tổn thương hệ thần kinh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

2. Phương pháp

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật
- + Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ
- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun
- + Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận
- + Thời gian: 60 – 90 phút
- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật PHCN vào học kỳ 5

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi.
- Đối với người học: SV làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống và trả lời câu hỏi.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thực hiện được lượng giá các chức năng nhận thức, hoạt động chức năng chi trên, thăng bằng - điều hợp, vận động - di chuyển, ngôn ngữ bằng các thang điểm lượng giá chức năng.
- Đánh giá được tình trạng khiếm khuyết và các thương tật thứ cấp của người bệnh.
- Tham gia việc thảo luận trong nhóm phục hồi chức năng để đưa ra mục tiêu, tiên lượng và lập kế hoạch phục hồi chức năng cho người bệnh.
- Lập kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng: vận động, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.
- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong vận động, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng bệnh lý khác nhau.

4. Tài liệu tham khảo:

- Triệu chứng học nội khoa. NXB Y học - Bộ Y tế (2007)
- Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng. NXB Y học - Bộ Y tế (2010)
- Bệnh lý thần kinh - Trường đại học Y Hà Nội - (2009)

TÊN MÔ ĐƠN: PHCN CÁC BỆNH LÝ NỘI KHOA

Mã môn học: MĐ22

Thời gian thực hiện môn học: 47 tiết (Lý thuyết: 15 tiết; Thảo luận/thực hành/bài tập: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, sinh cơ học, lượng giá chức năng, vận động trị liệu, các phương thức điều trị vật lý trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, hoạt động trị liệu, PHCN các bệnh lý cơ xương khớp và cột sống, PHCN các bệnh lý hệ thần kinh
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, học ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc điều trị và các kỹ thuật phục hồi chức năng các bệnh lý nội khoa.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng các bệnh lý hệ nội khoa.
- Áp dụng được quy trình phục hồi chức năng để điều trị cho người bệnh mắc các bệnh lý nội khoa.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1.	Bài 1: Lượng giá chức năng hệ hô hấp	3	1	2	0	2
2.	Bài 2: Đại cương về các kỹ thuật	5	2	3	0	

	PHCN hô hấp					
3.	Bài 3: PHCN viêm phổi	3	1	2	0	
4.	Bài 4: PHCN hen phế quản	3	1	2	0	
5.	Bài 5: PHCN bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - COPD	3	1	2	0	
6.	Bài 6: PHCN cho bệnh nhân thở máy	3	1	2	0	
7.	Bài 7: Lượng giá chức năng hệ tim mạch.	3	1	2	0	
8.	Bài 8: PHCN nhồi máu cơ tim	3	1	2	0	
9.	Bài 9: PHCN suy tim	3	1	2	0	
10.	Bài 10: PHCN huyết khối động - tĩnh mạch chi dưới	3	1	2	0	
11.	Bài 11: PHCN cho các rối loạn đường ruột	3	1	2	0	
12.	Bài 12: PHCN tiêu không tự chủ	3	1	2	0	
13.	Bài 13: PHCN Sản phụ trước và sau khi sinh	4	1	3	0	
14.	Bài 14: PHCN Bệnh lý đái tháo đường	3	1	2	0	
15.	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		47	15	30	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Lượng giá chức năng hệ hô hấp Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Phương pháp lượng giá người bệnh.
2. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế, tập ho có hiệu quả, vỗ rung lồng ngực, tập thở bụng, thở ngực.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về bệnh lý hô hấp qua tình huống lâm sàng.

4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Đại cương
2. Phương pháp lượng giá người bệnh
 - 2.1. Hỏi bệnh
 - 2.2. Quan sát động tác thở của bệnh nhân
 - 2.2.1. Quan sát động tác thở bình thường
 - 2.2.2. Phát hiện các kiểu thở bệnh lý
3. Một số kỹ thuật điều trị vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.
 - 3.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
 - 3.1.1. Định nghĩa
 - 3.1.2. Mục đích
 - 3.1.3. Chỉ định:
 - 3.1.4. Chuẩn bị và tiến hành dẫn lưu tư thế
 - 3.1.5. Tiến hành dẫn lưu tư thế
 - 3.1.6. Đánh giá kết quả điều trị bằng dẫn lưu tư thế
 - 3.1.7. Hướng dẫn chương trình tập tại nhà
 - 3.2. Kỹ thuật vỗ lồng ngực
 - 3.2.1. Mục đích
 - 3.2.2. Vị trí vỗ
 - 3.2.3. Kỹ thuật vỗ
 - 3.3. Kỹ thuật rung lồng ngực
 - 3.3.1. Mục đích
 - 3.3.2. Vị trí rung ở lồng ngực phía sau.
 - 3.3.3. Tiến hành kỹ thuật rung:
 - 3.4. Kỹ thuật tập ho có hiệu quả
 - 3.4.1. Mục đích
 - 3.4.2. Quy trình kỹ thuật tập ho có hiệu quả
 - 3.5. Kỹ thuật tập thở
 - 3.5.1. Mục đích của tập thở

3.5.2. Chỉ định tập thở

3.5.3. Tiến hành kỹ thuật tập thở

a) Thở bằng cơ hoành (thở bụng)

b) Phương pháp thở ngược (thở phân thùy phổi)

Bài 2: Đại cương về các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp

Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên lý kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.
2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.
3. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.

Nội dung:

1. Đại cương về các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp:

1.1. Kỹ thuật tập các kiểu thở:

1.1.1. Nguyên lý:

1.1.2. Chống chỉ định:

1.1.3. Kỹ thuật thực hiện:

1.2. Kỹ thuật tập ho có trợ giúp:

1.2.1. Nguyên lý:

1.2.2. Chỉ định:

1.2.3. Chống chỉ định:

1.2.4. Kỹ thuật thực hiện:

1.3. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế:

1.3.1. Nguyên lý:

1.3.2. Chỉ định:

1.3.3. Chống chỉ định:

1.3.4. Kỹ thuật thực hiện:

1.4. Kỹ thuật vỗ - rung:

1.4.1. Nguyên lý:

1.4.2. Chỉ định:

1.4.3. Chống chỉ định:

1.4.4. Kỹ thuật thực hiện:

2. Các lưu ý khi thực hiện kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp

Mục tiêu bài học:

1. Nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của viêm phổi thùy.
2. Mục đích và phương pháp phục hồi chức năng viêm phổi thùy.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN viêm phổi thùy qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.1. Do phế cầu khuẩn Gram (+)
 - 2.2. Do virus
 - 2.3. Điều kiện thuận lợi
3. Triệu chứng
 - 3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 3.1.1. Triệu chứng toàn thân
 - 3.1.2. Triệu chứng thực thể
 - 3.1.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 3.1.4. Tiến triển, biến chứng
 - 3.2. Tiến triển
 - 3.3. Biến chứng
 - 3.3.1. Biến chứng tại phổi
 - 3.3.2. Biến chứng ngoài phổi
4. Điều trị
 - 4.1. Điều trị nguyên nhân
 - 4.2. Điều trị triệu chứng
5. Phòng bệnh
 - 5.1. Điều trị tích cực các ổ nhiễm khuẩn tai, mũi, họng (viêm tai, mũi, họng, amidan)
 - 5.2. Điều trị tích cực đợt cấp của viêm phế quản mạn

5.3. Không hút thuốc lá, thuốc lào

5.4. Giữ ấm cổ, ngực khi trời lạnh

6. Phục hồi chức năng

6.1. Mục đích

6.2. Phương pháp phục hồi chức năng

Bài 4: PHCN Hen phế quản

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng hen phế quản
2. Mục đích và phương pháp phục hồi chức năng hen phế quản
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN hen phế quản qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Định nghĩa:

2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi

2.1. Nguyên nhân

2.2. Yếu tố thuận lợi

2.2.1. Cơ địa dị ứng

2.2.2. Hệ thống thần kinh dễ mất thăng bằng:

2.2.3. Bộ máy hô hấp dễ bị kích thích:

2.2.4. Do gắng sức về thể lực:

2.2.5. Do nhiễm khuẩn:

2.2.6. Do thay đổi thời tiết:

3. Triệu chứng lâm sàng

3.1. Thể điển hình

3.1.1. Giai đoạn tiền triệu:

3.1.2. Giai đoạn lên cơn hen

3.1.3. Giai đoạn cuối cơn hen

3.1.4. Giai đoạn cơn hen tái phát

3.2. Thể hen phế quản nặng:

- 3.2.1. Triệu chứng cơ năng:
- 3.2.2. Triệu chứng thực thể
- 4. Cận lâm sàng
 - 4.1. Xét nghiệm máu
 - 4.2. Xét nghiệm đờm
 - 4.3. X-quang phổi
- 5. Tiến triển và biến chứng
 - 5.1. Tiến triển
 - 5.2. Biến chứng
- 6. Điều trị
 - 6.1. Điều trị cơn hen nhẹ và trung bình
 - 6.2. Điều trị cơn hen nặng
- 7. Phòng bệnh hen
- 8. Phục hồi chức năng
 - 8.1. Mục đích phục hồi chức năng
 - 8.2. Phương pháp phục hồi chức năng

Bài 5: PHCN bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - COPD

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nguyên nhân, tiến triển, biến chứng của viêm phế quản mạn tính.
2. Mục đích, phương pháp phục hồi chức năng và phòng bệnh viêm phế quản mạn tính.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi
 - 2.1. Kích thích niêm mạc phế quản
 - 2.2. Dị ứng

- 2.3. Nhiễm khuẩn
- 2.4. Yếu tố thuận lợi
- 3. Triệu chứng
 - 3.1. Triệu chứng toàn thân :
 - 3.2. Triệu chứng
 - 3.3. Triệu chứng thực thể
 - 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 3.4.1. X- quang phổi:
 - 3.4.2. Soi phế quản:
 - 3.4.3. Xét nghiệm đờm:
- 4. Tiến triển - biến chứng
 - 4.1. Tiến triển
 - 4.2. Biến chứng
- 5. Điều trị
 - 5.1. Chế độ nghỉ ngơi - ăn uống
 - 5.2. Điều trị thuốc
- 6. Phòng bệnh
- 7. Phục hồi chức năng
 - 7.1. Mục đích
 - 7.2. Phương pháp phục hồi chức năng

Bài 6: PHCN cho bệnh nhân thở máy Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1. Nắm được định nghĩa và cách phòng ngừa VAP
- 2. Trình bày được nguyên lý và các kỹ thuật cai thở máy
- 3. Thực hiện được các kỹ thuật giúp người bệnh cai thở máy

Nội dung:

- 1. Đại cương về VAP
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Nguyên nhân:
 - 1.3. Phòng ngừa VAP
- 2. Hỗ trợ cai thở máy
 - 2.1. Dẫn lưu tư thế
 - 2.2. Tập luyện hô hấp, hỗ trợ ho khạc đờm

- 2.3. Duy trì tầm vận động của khớp
- 2.4. Tập luyện tăng cường lực cơ bắp
- 2.5. Rời khỏi giường sớm
- 2.6. Kê đặt tư thế

Bài 7: Lượng giá chức năng hệ tim mạch

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các nghiệm pháp đánh giá chỉ số nhịp tim an toàn.
2. Trình bày được các nghiệm pháp gắng sức và thang điểm Borg.
3. Thực hiện tính nhịp tim an toàn trên các ca bệnh lâm sàng.

Nội dung:

1. Đại cương về cách tính chỉ số nhịp tim an toàn:
 - 1.1. Chỉ số về khối lượng công việc của tim
 - 1.2. Cách tính nhịp tim an toàn
2. Các nghiệm pháp gắng sức:
 - 2.1. Chỉ định:
 - 2.2. Chống chỉ định:
 - 2.3. Các nghiệm pháp gắng sức:

Bài 8: PHCN nhồi máu cơ tim

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của nhồi máu cơ tim
2. Trình bày mục đích, chương trình phục hồi chức năng cho bệnh nhân nhồi máu cơ tim.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN nhồi máu não qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Định nghĩa:
2. Nguyên nhân:
3. Nhắc lại giải phẫu và sinh lý:
 - 3.1. Giải phẫu bệnh:
 - 3.2. Sinh lý bệnh :

4. Triệu chứng:
 - 4.1. Triệu chứng lâm sàng:
 - 4.1.1. Triệu chứng cơ năng:
 - 4.1.2. Triệu chứng toàn thân:
 - 4.1.3. Triệu chứng thực thể:
 - 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng:
 - 4.2.1. Điện tâm đồ:
 - 4.2.2. Xquang tim phổi.
 - 4.2.3. Siêu âm tim:
 - 4.2.4. Xét nghiệm: định lượng men cơ, công thức máu, sinh hoá máu.
5. Tiến triển và biến chứng:
 - 5.1. Tiến triển:
 - 5.2. Biến chứng:
6. Điều trị và Phục hồi chức năng nhồi máu cơ tim
 - 6.1. Điều trị:
 - 6.2. Chăm sóc:
 - 6.3. Mục đích Phục hồi chức năng sau nhồi máu cơ tim:
 - 6.4. Chương trình Phục hồi chức năng sau nhồi máu cơ tim:
 - 6.4.1. Giai đoạn sớm (bệnh nhân nằm trên giường)
 - 6.4.2. Giai đoạn tập luyện:
 - 6.4.3. Chương trình Phục hồi chức năng:

Bài 9: PHCN suy tim

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển của suy tim phải, suy tim trái, suy tim toàn bộ.
2. Mục đích và các phương pháp phục hồi chức năng suy tim phải.
3. Mục đích và các phương pháp phục hồi chức năng suy tim trái.
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về VLTL - PHCN suy tim qua tình huống lâm sàng.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương:
2. Triệu chứng suy tim:
 - 2.1. Suy tim trái:
 - 2.1.1. Nguyên nhân:
 - 2.1.2. Triệu chứng:
 - 2.2. Suy tim phải:
 - 2.2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2.2. Triệu chứng:
 - 2.3. Suy tim toàn bộ:
 - 2.3.1. Nguyên nhân:
 - 2.3.2. Triệu chứng:
3. Tiến triển:
4. Điều trị phục hồi chức năng:
 - 4.1. Chế độ nghỉ ngơi:
 - 4.2. Chế độ ăn uống:
 - 4.3. Chế độ thuốc:
5. Phục hồi chức năng suy tim:
 - 5.1. Mục đích:
 - 5.2. Phương pháp vật lý trị liệu:

Bài 10: PHCN huyết khối động - tĩnh mạch chi dưới
giờ - TH: 02 giờ)

Thời gian: 03 giờ (LT: 01

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của giãn tĩnh mạch chi dưới.
2. Trình bày mục đích, các phương pháp phục hồi chức năng giãn tĩnh mạch chi dưới.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN Huyết khối động - tĩnh mạch chi dưới qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Đại cương:
2. Nguyên nhân:
3. Triệu chứng lâm sàng
 - 3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 3.2. Triệu chứng thực thể:
 - 3.3. Triệu chứng cận lâm sàng:
4. Biến chứng
5. Điều trị:
 - 5.1. Giai đoạn sớm chân mới bị phù nề:
 - 5.2. Khi chân có vết loét:
6. Phục hồi chức năng
 - 6.1. Mục đích
 - 6.2. Phương pháp phục hồi chức năng:

Bài 11 : PHCN cho các rối loạn đường ruột

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được đại cương của phương pháp phản hồi sinh học trong PHCN các rối loạn đường ruột.
2. Trình bày các kỹ thuật tập đường ruột (chỉ định, chống chỉ định, kỹ thuật thực hiện)

Nội dung:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.2. Chẩn đoán xác định
 - 2.3. Chẩn đoán nguyên nhân
3. PHCN và điều trị
 - 3.1. Bài tập Valsava
 - 3.1.1. Chỉ định
 - 3.1.2. Chống chỉ định
 - 3.1.3. Chuẩn bị
 - 3.1.4. Thực hiện kỹ thuật
 - 3.2. Bài tập Kegel
 - 3.2.1. Chỉ định

- 3.2.2. Chống chỉ định
- 3.2.3. Chuẩn bị
- 3.2.4. Thực hiện kỹ thuật
- 3.3. Các điều trị khác
- 4. Theo dõi và tái khám

Bài 12: PHCN Tiểu không tự chủ Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1. Nêu được định nghĩa tiểu không tự chủ theo Hiệp hội tiểu không tự chủ Quốc tế và cách phân loại
- 2. Nêu các công việc giúp chẩn đoán tiểu không tự chủ
- 3. Nêu nguyên tắc và các phương pháp phục hồi chức năng tiểu không tự chủ

Nội dung:

- 1. Đại cương
- 2. Chẩn đoán
 - 2.1. Hỏi bệnh
 - 2.2. Khám và lượng giá chức năng
 - 2.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng
 - 2.4. Chẩn đoán xác định: dựa vào các triệu chứng lâm sàng, thăm dò niệu động học và các xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh.
 - 2.5. Chẩn đoán phân biệt:
 - 2.6. Chẩn đoán nguyên nhân:
- 3. Điều trị và phục hồi chức năng
 - 3.1. Nguyên tắc
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng
 - 3.3. Các điều trị khác
- 4. Theo dõi và tái khám

Bài 13: PHCN Sản phụ trước và sau khi sinh Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày được các bài tập và thư giãn cho cuộc đẻ bình thường.
- 2. Trình bày được các chương trình tập luyện sau khi sinh

3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN Sản phụ trước và sau sinh qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Những bài tập trước khi sinh
 - 1.1. Bài tập thở
 - 1.2. Bài tập thư giãn
 - 1.3. Bài tập ngồi xổm
 - 1.4. Bài tập quỳ trên sàn
 - 1.5. Bài tập nghiêng khung chậu
 - 1.6. Bài tập tư thế đứng
 - 1.7. Các bài tập chân
 - 1.8. Tập điều khiển cơ
 - 1.9. Lựa chọn tư thế giãn
2. Những bài tập sau khi sinh

Bài 14: PHCN bệnh lý đái tháo đường Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh nhân bị bệnh đái tháo đường và các biến chứng của bệnh đái tháo đường
2. Trình bày được các biện pháp điều trị bệnh nhân đái tháo đường
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định các bệnh học về PHCN bệnh lý đái tháo đường qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán xác định:

- 2.1. Triệu chứng lâm sàng
- 2.2. Triệu chứng sinh hóa
- 2.3. Chẩn đoán xác định
3. Biến chứng
4. Điều trị
 - 4.1. Chế độ ăn:
 - 4.2. Điều trị bằng thuốc:
 - 4.3. Vật lý trị liệu, phục hồi chức năng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Dụng cụ thực hành
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)
 - Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về bệnh học và Phục hồi chức năng các bệnh lý nội khoa.

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm, thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học nội khoa, NXB Y học- Bộ Y tế.

- Hướng dẫn điều trị phục hồi chức năng - Bộ Y tế

TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MĐ23

Thời gian thực hiện môn học: 32 tiết; (Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành/thảo luận: 00 tiết
Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học xong các môn học/mô đun chuyên môn chuẩn bị bước vào thực tập bệnh viện 3 và thực tế tốt nghiệp..
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, học ở học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc điều trị và các kỹ thuật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Về kỹ năng:

- Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- Áp dụng được quy trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				Kiểm tra
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	
1	Bài 1: Khái niệm cơ bản về PHCN dựa vào cộng đồng	4	4	0	0	
2	Bài 2: Các bước triển khai, quản lý, điều hành và đánh giá công tác PHCN dựa vào cộng đồng	3	3	0	0	

3	Bài 3: PHCN cho người có khó khăn về vận động	3	3	0	0	
4	Bài 4: PHCN cho người có khó khăn về nhìn	3	3	0	0	
5	Bài 5: PHCN cho người có khó khăn về nghe nói	3	3	0	0	
6	Bài 6: PHCN cho người bị mất cảm giác (bệnh phong)	3	3	0	0	
7	Bài 7: PHCN cho người bị động kinh	2	2	0	0	
8	Bài 8: PHCN cho người có hành vi xa lạ (bệnh tâm thần)	2	2	0	0	
9	Bài 9: PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (Người có khó khăn về học)	2	2	0	0	2
10	Dụng cụ trợ giúp thích nghi tại cộng đồng	5	5	0	0	
11	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		32	30	0	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái niệm cơ bản về PHCN dựa vào cộng đồng

Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày các khái niệm cơ bản liên quan đến Chăm sóc sức khỏe ban đầu
2. Trình bày các khái niệm có liên quan đến tàn tật
3. Trình bày các khái niệm có liên quan đến phục hồi chức năng (PHCN)
4. Trình bày các khái niệm có liên quan đến phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Nội dung:

1. Các khái niệm cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 1.1. Tuyên ngôn Alma-Ata
 - 1.2. Định nghĩa sức khỏe của Tổ chức y tế thế giới (W.H.O)
 - 1.3. Bốn yếu tố trong hệ thống săn sóc sức khỏe toàn diện hiện nay
 - 1.4. Nội dung 10 yếu tố chăm sóc sức khỏe ban đầu

2. Các khái niệm liên quan đến tàn tật
 - 2.1. Quá trình gây bệnh
 - 2.1.1. Yếu tố bệnh nguyên
 - 2.1.2. Bệnh lý
 - 2.1.3. Biểu hiện thành bệnh
 - 2.2. Quá trình tàn tật
 - 2.2.1. Khiếm khuyết (Impairment)
 - 2.2.2. Giảm khả năng (Disability)
 - 2.2.3. Tàn tật (Handicap)
 - 2.3. Phân loại tàn tật
 - 2.3.1. Tàn tật được chia làm ba nhóm
 - 2.3.2. Theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới:
 - 2.4. Nguyên nhân gây tàn tật
 - 2.4.1. Do chính bản thân của tàn tật
 - 2.4.2. Do thái độ của xã hội
 - 2.4.3. Do môi trường xung quanh
 - 2.5. Dịch tễ học tàn tật
 - 2.6. Hậu quả của tàn tật
 - 2.6.1. Hậu quả của tàn tật đối với bản thân người tàn tật
 - 2.6.2. Hậu quả của tàn tật đối với gia đình
 - 2.6.3. Hậu quả của tàn tật với xã hội
 - 2.7. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật: có ba bước phòng ngừa tàn tật.
 - 2.7.1. Phòng ngừa bước I:
 - 2.7.2. phòng ngừa bước II:
 - 2.7.3. Phòng ngừa bước III:
 - 2.8. Sơ đồ quá trình tàn tật và các bước phòng ngừa
3. Phục hồi chức năng
 - 3.1. Định nghĩa (WHO 1993)
 - 3.2. Mục đích của phục hồi chức năng
 - 3.3. Các hình thức phục hồi chức năng
 - 3.3.1. Phục hồi chức năng dựa vào các viện:
 - 3.3.2. Phục hồi chức năng ngoại viện:
 - 3.3.3. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng:
 - 3.3.4. Tình hình PHCN và phân phối cán bộ PHCN tại nước ta

4. Khái niệm phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- 4.1. Mục tiêu của chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- 4.2. Các phạm vi của chương trình PHCN DVCD
- 4.2.1. Quản lý điều hành
- 4.2.2. Kỹ thuật thích hợp
- 4.2.3. Mạng lưới thực hiện
- 4.2.4. Nhân lực
- 4.3. Nguyên lý cơ bản về mặt lý luận của PHCN DVCD
5. Kết luận

Bài 2: Các bước triển khai, quản lý, điều hành và đánh giá công tác PHCN dựa vào cộng đồng

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày năm điều kiện cơ bản để triển khai và duy trì chương trình PHCN DVCD.
2. Trình bày các bước tiến hành để triển khai chương trình PHCN DVCD.
3. Trình bày nội dung việc quản lý, điều hành và hoạt động của chương trình PHCN DVCD.
4. Mô tả nội dung việc phân cấp quản lý, thực hiện và một số mẫu điều tra, báo cáo của chương trình PHCN DVCD.

Nội dung:

1. Năm điều kiện cơ bản để triển khai và duy trì chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
 - 1.1. Phải có sự ủng hộ của lãnh đạo địa phương, Thông qua ban điều hành phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
 - 1.2. Vấn đề nhân lực - Tức là ai thực hiện kỹ thuật của chương trình?
 - 1.3. Hệ thống tham vấn chuyên môn ở tuyến cao hơn
 - 1.4. Điều kiện vật chất
 - 1.5. Kinh phí và các chi phí cho chương trình
2. Các bước tiến hành để triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
 - 2.1. Giai đoạn 1
 - 2.2. Giai đoạn 2

3. Sự phân công nhiệm vụ của nhiều tuyến khác nhau trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
 - 3.1. Việc làm tại nhà của người tàn tật và các thành viên trong gia đình
 - 3.2. Vai trò của nhân viên CSSKBD với gia đình người tàn tật
 - 3.3. Nhiệm vụ của ban điều hành chương trình PHCN DVCD tại địa phương.
 - 3.4. Vai trò của y sĩ xã và kỹ thuật viên y học phục hồi ở tuyến huyện
4. Quản lý điều hành chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
 - 4.1. Thành phần của ban điều hành tại các tuyến
 - 4.2. Nhiệm vụ chung của ban điều hành
 - 4.3. Nội dung hoạt động chương trình Phục hồi chức năng
5. Phân cấp và quản lý thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Bài 3: PHCN cho người có khó khăn về vận động

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày những nguyên nhân gây khó khăn về vận động và các biểu hiện thường thấy ở những người có khó khăn về vận động.
2. Trình bày những việc cần phải làm để PHCN cho người có khó khăn về vận động và phương pháp hướng dẫn người có khó khăn về vận động tập vận động.

Nội dung:

1. Nguyên nhân gây khó khăn về vận động
2. Các biểu hiện thường thấy ở những người có khó khăn về vận động
3. Những việc cần phải làm về PHCN cho người có khó khăn về vận động
4. Phương pháp: hướng dẫn người khó khăn về vận động các cách tập vận động
5. Một số bài tập đối với người có khó khăn về vận động
 - 5.1. Các bài tập vận động cần thiết ở tư thế nằm
 - 5.2. Hướng dẫn người tàn tật tập đi
 - 5.3. Cách hướng dẫn người bệnh sắp ngã khi đang tập đi
 - 5.4. Cách hướng dẫn người bệnh khi mới tập đi
 - 5.5. Cách hướng dẫn người bệnh lên xuống dốc hoặc cầu thang
 - 5.6. Di chuyển bằng xe lăn
 - 5.7. Hướng dẫn người bệnh di chuyển bằng các dụng cụ trợ giúp khác
 - 5.8. Tập đi với hai người đỡ và tập đi với một người đỡ
 - 5.9. Hướng dẫn người tàn tật ăn uống

- 5.10. Hướng dẫn người khó khăn về vận động cách tắm rửa, vệ sinh
- 5.11. Hướng dẫn người khó khăn về vận động thay quần áo
- 5.12. Một số quy trình phục hồi chức năng cho người có khó khăn về vận động
- 6. Các bước để thực hiện chương trình PHCN DVCD cho người có khó khăn về vận động

Bài 4: PHCN cho người có khó khăn về nhìn

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày các nguyên nhân gây khó khăn về nhìn và các dạng tàn tật về nhìn
- 2. Trình bày nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN DVCD cho người có khó khăn về nhìn.

Nội dung

- 1. Những nguyên nhân làm giảm khả năng nhìn
- 2. Các dạng tàn tật về nhìn
- 3. Các bước để thực hiện chương trình PHCN DVCD cho người có khó khăn về nhìn
 - 3.1. Cách phát hiện người có khó khăn về nhìn
 - 3.1.1. Hỏi chủ hộ gia đình các câu hỏi sau đây
 - 3.1.2. Cách kiểm tra người có khó khăn về nhìn
 - 3.2. Đánh giá nhu cầu cần phục hồi chức năng
 - 3.3. Chọn tài liệu huấn luyện
 - 3.4. Chọn huấn luyện viên từ những người trong gia đình
 - 3.5. Dạy cho huấn luyện viên

Bài 5: PHCN cho người có khó khăn về nghe nói

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

- 1. Mô tả thế nào là người có khó khăn về nghe nói. Hãy nêu các nguyên nhân gây giảm khả năng nghe nói. Cách kiểm tra người có khó khăn về nói và giao tiếp.
- 2. Trình bày cấu trúc và chức năng của nói và giao tiếp.
- 3. Nêu nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN DVCD cho người có khó khăn về nghe nói

Nội dung:

- 1. Định nghĩa
- 2. Các nguyên nhân có thể làm giảm khả năng nghe nói
 - 2.1. Nguyên nhân trước sinh

2.2. Nguyên nhân trong khi sinh

2.3. Nguyên nhân sau khi sinh

3. Cấu trúc chức năng của nói và giao tiếp

4. Phục hồi chức năng

5. Các bước để thực hiện chương trình PHCNDVCD cho người có khó khăn về nghe nói

Bài 6: PHCN cho người bị mất cảm giác (bệnh phong)

Thời gian: 03 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày tỷ lệ mắc và nguyên nhân của bệnh phong.
2. Trình bày phân loại và triệu chứng lâm sàng của bệnh phong.
3. Trình bày nội dung các phương pháp điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người bị mất cảm giác.
4. Nêu nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN dựa vào cộng đồng cho người bị mất cảm giác.

Nội dung:

1. Mở đầu
2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1. Triệu chứng sớm
 - 2.2. Triệu chứng muộn
3. Chẩn đoán
 - 3.1. Chẩn đoán xác định
 - 3.2. Chẩn đoán phân biệt
4. Phân loại bệnh phong
5. Phản ứng hoá học
6. Điều trị phản ứng phong
7. Một số dụng cụ trợ giúp dùng cho người bị mất cả giác
8. Một số quy trình thực hành
9. Kết luận
10. Các bước để thực hiện chương trình PHCNDVCD

Bài 7: PHCN cho người bị động kinh

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân của bệnh động kinh
2. Trình bày được các dạng động kinh thường gặp

3. Trình bày các biện pháp phục hồi chức năng cho người bị động kinh
4. Nêu nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN dựa vào cộng đồng cho người bị động kinh

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa:
 - 1.2. Tỷ lệ người bị động kinh
 - 1.3. Các tình trạng co giật giống động kinh cần phân biệt:
2. Nguyên nhân:
3. Các dạng động kinh thường gặp
 - 3.1. Co giật động kinh lớn:
 - 3.2. Co giật động kinh nhỏ:
 - 3.3. Động kinh cục bộ:
 - 3.4. Động kinh tâm thần vận động:
 - 3.5. Động kinh ở trẻ em:
 - 3.6. Co giật động kinh nhẹ:
 - 3.7. Co giật động kinh nặng:
4. Diễn biến của động kinh:
5. Các thuốc hay dùng cho người bị động kinh
6. Các biện pháp PHCN
7. Các bước để thực hiện chương trình PHCNDVCD

Bài 8: PHCN cho người có hành vi xa lạ (bệnh tâm thần)

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của bệnh tâm thần.
2. Trình bày các dạng bệnh tâm thần thường gặp, hậu quả của bệnh tâm thần và các biện pháp điều trị.
3. Trình bày các biện pháp PHCN cho người có hành vi xa lạ.
4. Nêu nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN dựa vào cộng đồng cho người có hành vi xa lạ.

Nội dung:

1. Định nghĩa:
2. Nguyên nhân:

3. Triệu chứng lâm sàng:
4. Các dạng tâm thần:
5. Hậu quả của tâm thần:
6. Phục hồi chức năng cho người có hành vi xa lạ:
7. Các bước để thực hiện PHCNDVCD

Bài 9: PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần (người có khó khăn về học)

Thời gian: 02 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày nguyên nhân và phân loại của bệnh chậm phát triển tinh thần.
2. Nêu cách phát hiện và các phương pháp phục hồi chức năng cho trẻ chậm phát triển tinh thần.
3. Nêu nội dung của các bước để thực hiện chương trình PHCN DVCD cho người bị chậm phát triển tinh thần.

Nội dung:

1. Đại Cương:
 - 1.1. Giải thích:
 - 1.1.1. Không nói đến học thuật
 - 1.1.2. Chỉ bàn đến chức năng về trí tuệ hay thông minh
 - 1.1.3. Đặc điểm của người có khó khăn về học
 - 1.1.4. Nhiệm vụ của trí tuệ
 2. Nguyên nhân
 - 2.1. Suy dinh dưỡng
 - 2.2. Tổn thương não do nhiễm trùng
 - 2.3. Nguyên nhân trong khi đẻ
 - 2.4. Nguyên nhân di truyền:
 - 2.5. Yếu tố vật lý, hóa học
 - 2.6. Yếu tố thuộc về người mẹ
 - 2.7. Kích thích của môi trường sống
 - 2.8. Nguyên nhân khác:
 - 2.9. Chưa rõ nguyên nhân
 3. Phân loại
 - 3.1. Theo chỉ số thông minh
 - 3.1.1. Loại nhẹ:

- 3.1.2. Loại nặng:
- 3.2. Theo định hướng giáo dục đặc biệt
 - 3.2.1. Mức A
 - 3.2.2. Mức B
 - 3.2.3. Mức C
- 4. Nhận biết người chậm phát triển tâm thần
 - 4.1. Nhận biết bệnh nhân Down
 - 4.1.1. Định nghĩa
 - 4.1.2. Yếu tố nguy cơ
 - 4.1.3. Một số dấu hiệu điển hình của hội chứng Down
 - 4.2. Nhận biết chứng ngu đần
 - 4.2.1. Định nghĩa:
 - 4.2.2. Các dấu hiệu nhận biết
 - 4.3. Phân biệt hội chứng Down và chứng ngu đần
- 5. Phục hồi chức năng
- 6. Hướng dẫn cộng đồng cách xử trí với người có khó khăn về học
- 7. Một số quy trình PHCN cho người có khó khăn về học

Bài 10: Dụng cụ trợ giúp thích nghi tại cộng đồng

Thời gian: 05 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Kể tên các dụng cụ trợ giúp thông thường theo 5 nhóm.
2. Mô tả cách sử dụng và cách làm một số dụng cụ trợ giúp cho người tàn tật bằng các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương

Nội dung:

1. Năm nhóm dụng cụ trợ giúp thông thường
2. Các dạng dụng cụ trợ giúp di chuyển
3. Dụng cụ tự chăm sóc
 - 3.1. Để ăn
 - 3.2. Để uống
 - 3.3. Dụng cụ cho các công việc nội trợ
 - 3.4. Dụng cụ trợ giúp việc mặc quần áo
 - 3.5. Dụng cụ vệ sinh, sinh hoạt cá nhân
4. Dụng cụ giúp ngồi
5. Những dụng cụ thích ứng ở gia đình

6. Máng đỡ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun

- Giáo trình cho sinh viên.

- Bài giảng slide

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin. Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ cuối.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo

- Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, NXB Y học- Bộ Y tế.
- Hướng dẫn điều trị phục hồi chức năng - Bộ Y tế

TÊN MÔ ĐƠN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ NGOẠI KHOA

Mã môn học: MĐ24

Thời gian thực hiện môn học: 47 tiết; (Lý thuyết: 15 tiết; Thảo luận/thực hành/bài tập: 30 tiết; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương thức điều trị vật lý trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành, học ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, nguyên tắc điều trị và các kỹ thuật phục hồi chức năng các bệnh lý ngoại khoa.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng các bệnh lý hệ ngoại khoa.
- Áp dụng được quy trình phục hồi chức năng để điều trị cho người bệnh mắc các bệnh lý ngoại khoa.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Các phẫu thuật trong chấn thương chỉnh hình	1	1	0	0	
2	Bài 2: PHCN Gãy xương.	5	2	3	0	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
3	Bài 3: PHCN Tồn thương mô mềm	3	1	2	0	
4	Bài 4: PHCN Bong gân, trật khớp.	4	1	3	0	
5	Bài 5: PHCN Sau phẫu thuật thay khớp gối.	5	2	3	0	
6	Bài 6: PHCN Sau tổn thương sụn chêm khớp gối	3	1	2	0	
7	Bài 7: PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng khớp gối.	5	1	4	0	
8	Bài 8: PHCN Sau thay khớp háng.	5	1	4	0	
9	Bài 9: PHCN Sau phẫu thuật lồng ngực.	3	1	2	0	2
10.	Bài 10: PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	3	1	2	0	
11	Bài 11: PHCN Bỏng	2	1	1	0	
12	Bài 12: PHCN mổ mắt.	3	1	2	0	
13	Bài 13: PHCN sau phẫu thuật thần kinh	3	1	2	0	
14	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		45	15	30	0	2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Các phẫu thuật trong chấn thương chỉnh hình **Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ - TH: 00 giờ)**

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các phẫu thuật tái tạo khớp, đục xương, cứng khớp, kết hợp xương.

2. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật chấn thương chỉnh hình qua tình huống lâm sàng.
3. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Tái tạo khớp
 - 1.1. Đại cương.
 - 1.2. Các khớp được tái tạo
2. Đục xương
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Một vài ví dụ đục xương theo vùng cơ thể.
3. Cứng khớp
 - 3.1. Định nghĩa
 - 3.2. Kỹ thuật và tư thế khớp hàn.
 - 3.3. Một vài ví dụ hàn khớp.
4. Kết hợp xương
 - 4.1. Đại cương.
 - 4.2. Chỉ định kết hợp xương.
 - 4.3. Các biện pháp.

Bài 2: PHCN Gãy xương

Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại gãy xương, các giai đoạn của quá trình liền xương, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình liền xương, các biến chứng sau gãy xương.
2. Trình bày được mục đích phục hồi chức năng gãy xương sau điều trị bảo tồn và phẫu thuật.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau gãy xương qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân

5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa.
 - 1.2. Nguyên nhân gãy xương.
 - 1.3. Phân loại gãy xương.
 - 1.4. Các giai đoạn của quá trình liền xương.
 - 1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ và thời gian liền xương.
 - 1.6. Các phương pháp điều trị gãy xương.
 - 1.7. Các biến chứng sau gãy xương
2. Phục hồi chức năng
 - 2.1. Trong trường hợp điều trị bảo tồn.
 - 2.1.1. Giai đoạn bó bột.
 - 2.1.2. Giai đoạn sau tháo bột.
 - 2.2. Sau phẫu thuật kết hợp xương.

Bài 3: PHCN Tổn thương mô mềm Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các loại tổn thương mô mềm.
2. Nêu được các rối loạn chức năng sau tổn thương mô mềm.
3. Trình bày được các nguyên tắc, phương pháp điều trị và vật lý trị liệu cho bệnh nhân tổn thương mô mềm.
4. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương mô mềm qua tình huống lâm sàng.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
6. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội Dung

1. Các khái niệm về tổn thương mô mềm.
2. Các rối loạn chức năng sau tổn thương mô mềm.
3. Điều trị

- 3.1. Giai đoạn cấp
- 3.2. Giai đoạn bán cấp
- 3.3. Giai đoạn mạn tính

Bài 4: PHCN Bong gân, trật khớp Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Định nghĩa và các tiêu chuẩn chẩn đoán bong gân, trật khớp.
2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng bong gân, trật khớp
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh bong gân, trật khớp qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh
 - 2.1.2. Khám lâm sàng
 - 2.1.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.
 - 2.3. Chẩn đoán phân biệt.
 - 2.4. Chẩn đoán nguyên nhân.
3. Phục hồi chức năng
 - 3.1. Nguyên tắc phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.

Bài 5: PHCN Sau phẫu thuật thay khớp gối Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các phương pháp và các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật thay khớp gối.

2. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật thay khớp gối qua tình huống lâm sàng.
3. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán.
3. Phục hồi chức năng
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Giai đoạn 1: từ 1 đến 2 tuần sau mổ.
 - 3.2.2. Giai đoạn 2: từ 2 đến 5 tuần sau phẫu thuật.
 - 3.2.3. Giai đoạn 3: Sau phẫu thuật 6- 8 tuần.
4. Các điều trị khác
5. Theo dõi và tái khám.

Bài 6: PHCN Sau tổn thương sụn chêm khớp gối

Thời gian: 03 giờ (LT: 01

giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại, triệu chứng và điều trị tổn thương sụn chêm khớp gối.
2. Trình bày được các phương pháp phục hồi chức năng sau tổn thương sụn chêm khớp gối.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau tổn thương sụn chêm khớp gối qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Giải phẫu
2. Vai trò của sụn chêm.
3. Nguyên nhân chấn thương
4. Phân loại
5. Triệu chứng
 - 5.1. Trường hợp bị khóa khớp.
 - 5.2. Trường hợp không bị khóa khớp.
6. Điều trị
 - 6.1. Điều trị bảo tồn.
 - 6.2. Cắt bỏ sụn chêm.
7. Phục hồi chức năng và điều trị
 - 7.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 7.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 7.2.1. Giai đoạn 1: 1 tuần sau phẫu thuật.
 - 7.2.2. Giai đoạn 2: 2 đến 6 tuần sau phẫu thuật.
 - 7.2.3. Giai đoạn 3: 6 đến 12 tuần sau phẫu thuật.
 - 7.2.4. Sau 4 tháng phẫu thuật.
 - 7.3. Các điều trị khác

Bài 7: PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng khớp gối.

Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được giải phẫu dây chằng khớp gối, cơ chế tổn thương, dấu hiệu, phân loại, điều trị tổn thương dây chằng khớp gối.
2. Trình bày được các phương pháp PHCN tổn thương dây chằng khớp gối.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau tái tạo dây chằng khớp gối qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương

- 1.1. Giải phẫu dây chằng khớp gối.
- 1.2. Cơ chế gây tổn thương dây chằng.
 - 1.2.1. Tổn thương dây chằng bên trong.
 - 1.2.2. Tổn thương dây chằng bên ngoài.
 - 1.2.3. Tổn thương các dây chằng chéo.
- 1.3. Triệu chứng.
- 1.4. Phân loại
- 1.5. Chẩn đoán
2. Điều trị
 - 2.1. Điều trị bảo tồn.
 - 2.2. Điều trị phẫu thuật.
3. Điều trị phục hồi chức năng.
 - 3.1. Trường hợp điều trị bảo tồn.
 - 3.2. Trường hợp phẫu thuật.

Bài 8: PHCN Sau thay khớp háng. Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các phương pháp và các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng.
2. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau thay khớp háng qua tình huống lâm sàng.
3. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương.
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Các công việc của chẩn đoán
 - 2.1.1. Hỏi bệnh.
 - 2.1.2. Khám lâm sàng và lượng giá chức năng.
 - 2.1.3. Các chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.2. Chẩn đoán xác định.

3. Điều trị phục hồi chức năng
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Ngày thứ 1 và thứ 2 sau phẫu thuật.
 - 3.2.2. Ngày thứ 3- 5 sau phẫu thuật.
 - 3.2.3. Từ ngày thứ 5 đến 4 tuần sau phẫu thuật.
 - 3.2.4. Từ 4 - 6 tuần sau phẫu thuật.
 - 3.2.5. Từ 6 - 12 tuần sau phẫu thuật.
 - 3.2.6. Sau 12 tuần sau phẫu thuật.
4. Các điều trị khác.
5. Theo dõi và tái khám.

Bài 9: PHCN Sau phẫu thuật lồng ngực. Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ- TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Khám và lượng giá chức năng người bệnh sau phẫu thuật lồng ngực.
2. Trình bày các phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật lồng ngực.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật lồng ngực qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

NỘI DUNG

1. Đại cương
 - 1.1. Chẩn đoán.
 - 1.2. Hỏi bệnh
 - 1.3. Khám và lượng giá chức năng.
 - 1.4. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng
2. Điều trị và phục hồi chức năng
 - 2.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 2.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
3. Theo dõi và tái khám.

Bài 10: PHCN sau phẫu thuật ổ bụng Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Khám và lượng giá chức năng người bệnh sau phẫu thuật ổ bụng.
2. Trình bày các phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật ổ bụng.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật ổ bụng qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

Nội dung:

1. Đại cương.
2. Chẩn đoán
 - 2.1. Hỏi bệnh.
 - 2.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
3. Điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
4. Theo dõi và tái khám

Bài 11: PHCN Bỏng

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Khám, lượng giá và chẩn đoán được mức độ bỏng.
2. Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh sau bỏng.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh bỏng qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân
5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

NỘI DUNG:

1. Đại cương.
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Hỏi bệnh.
 - 2.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.3. Chẩn đoán diện tích bỏng.
 - 2.4. Chẩn đoán độ sâu của bỏng.
 - 2.5. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.6. Chẩn đoán xác định.
 - 2.7. Chẩn đoán nguyên nhân.
3. Điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật điều trị, phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Chăm sóc vết bỏng.
 - 3.2.2. Phòng ngừa co rút, biến dạng khớp.
 - 3.2.3. Phòng ngừa biến chứng hô hấp cho người bệnh bỏng nặng phải nằm tại giường.
 - 3.2.4. Phục hồi chức năng cho người bệnh bỏng sau vá da.
 - 3.2.5. Tâm lý trị liệu.
 - 3.2.6. Điều trị các thương tật thứ cấp.
 - 3.2.7. Phục hồi chức năng sinh hoạt hàng ngày.
4. Các điều trị khác
 - 4.1. Điều trị tại chỗ.
 - 4.2. Điều trị toàn thân.
 - 4.3. Phẫu thuật điều trị bỏng.
5. Theo dõi và tái khám

Bài 12: PHCN mỗm cụt.

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Khám, lượng giá chức năng và chẩn đoán được mỗm cụt
2. Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng mỗm cụt.
3. Sử dụng các bằng chứng phù hợp trong các ca bệnh để đưa ra chẩn đoán và chỉ định điều trị phục hồi chức năng mỗm cụt qua tình huống lâm sàng.
4. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khoẻ để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khoẻ nhân dân

5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

NỘI DUNG:

1. Đại cương
2. Chẩn đoán.
 - 2.1. Hỏi bệnh.
 - 2.2. Khám và lượng giá chức năng.
 - 2.3. Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
 - 2.4. Chẩn đoán xác định.
 - 2.5. Chẩn đoán phân biệt.
 - 2.6. Chẩn đoán nguyên nhân.
3. Điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.1. Nguyên tắc điều trị và phục hồi chức năng.
 - 3.2. Các phương pháp và kỹ thuật phục hồi chức năng.
 - 3.2.1. Từ ngày thứ 1 đến ngày thứ 3.
 - 3.2.2. Từ ngày thứ 4 đến ngày thứ 6.
 - 3.2.3. Từ ngày thứ 7 trở đi.
4. Các điều trị khác.
 - 4.1. Điều trị bằng cách nhận thức.
 - 4.2. Kỹ thuật làm quên cơn đau.
 - 4.3. Thuốc.
5. Theo dõi và tái khám

Bài 13 : PHCN sau phẫu thuật thần kinh

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ - TH: 02 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Nắm được các khiếm khuyết và thương tật thứ cấp do phẫu thuật thần kinh gây ra.
2. Các phương pháp PHCN sau phẫu thuật thần kinh.
3. Lượng giá được các chức năng về vận động, hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động chức năng chi trên, ngôn ngữ.
4. Lập được kế hoạch can thiệp về vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu cho từng giai đoạn của bệnh.

Nội dung:

1. Đại cương về phẫu thuật thần kinh:
 - 1.1. Định nghĩa:

1.2. Nguyên nhân:

1.3. Phân loại phẫu thuật thần kinh:

1.4. Các khiếm khuyết:

1.5. Các thương tật thứ cấp:

2. VLTL - Phục hồi chức năng sau phẫu thuật thần kinh:

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun

- Giáo trình cho sinh viên.

- Bài giảng slide

- Mô hình

- Dụng cụ thực hành

3. Các điều kiện khác:

- Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)

- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về bệnh học và Phục hồi chức năng các bệnh lý ngoại khoa.

- Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, bài giảng trình chiếu, thảo luận.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học ngoại khoa, NXB Y học- Bộ Y tế.

- Hướng dẫn điều trị phục hồi chức năng - Bộ Y tế

TÊN MÔ ĐƠN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ NHI

KHOA

Mã mô đơn: MĐ25

Thời gian thực hiện môn học: 47 tiết; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 30 tiết; Kiểm tra: 02 tiết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đơn chuyên môn: PHCN các bệnh lý hệ thần kinh, PHCN các bệnh lý Nội khoa, PHCN các bệnh lý Ngoại khoa.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

1. Trình bày được đặc điểm tăng trưởng của trẻ và đặc điểm phát triển của trẻ từng giai đoạn
2. Trình bày được nguyên nhân triệu chứng, tiến triển và biến chứng của các bệnh lý gây rối loạn phát triển, rối loạn vận động của trẻ nhỏ
3. Trình bày nguyên tắc và phương pháp phục hồi chức năng trẻ em có rối loạn phát triển và rối loạn vận động
4. Trình bày nguyên tắc cơ bản hoạt động trị liệu nhi và vai trò chuyên viên hoạt động trị liệu

Về kỹ năng:

1. Nhận định được mức độ rối loạn chức năng vận động của trẻ
2. Áp dụng được kiến thức học tập trong phục hồi chức năng vận động nhi khoa

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Quá trình phát triển và tăng trưởng bình thường của trẻ	1	1	0		2
2	Bài 2: PHCN trẻ bại não	6	2	4		
3	Bài 3: PHCN trẻ tự kỷ	6	2	4		
4	Bài 4: PHCN cong vẹo cột sống	6	2	4		
5	Bài 5: PHCN bàn chân khoèo	6	2	4		
6	Bài 6: PHCN xơ hóa cơ ức đòn chũm	5	2	3		
7	Bài 7: PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần	5	1	4		
8	Bài 8: PHCN một số di tật bẩm sinh	4	1	3		
9	Bài 9: Hoạt động trị liệu Nhi khoa	6	2	4		
10	Kiểm tra	2	0	0		
Tổng số		47	15	30		2
Quy ra tín chỉ		2				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quá trình phát triển và tăng trưởng bình thường của trẻ

Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ - TH: 00 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày các chỉ số tăng trưởng. Biết cách tính các chỉ số tăng trưởng
2. Trình bày được các thời kỳ phát triển của cơ thể
3. Trình bày được đặc điểm phát triển vận động và tinh thần của trẻ em từng lứa tuổi

Nội dung:

1. Quá trình phát triển
 - 1.1. Các hiện tượng của quá trình phát triển
 - 1.2. Đặc điểm của sự phát triển
 - 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển
2. Các thời kỳ phát triển của cơ thể
3. Các chỉ số đánh giá tăng trưởng

- 3.1 Chiều cao
- 3.2 Cân nặng
- 3.3 Sự phát triển của não
- 3.4 Sự phát triển phần mềm
- 3.5 Sự phát triển của chi
- 3.6 Sự phát triển của răng
- 3.7 Sự phát triển của các điểm cốt hóa ở các khớp xương
- 4. Sự phát triển thần kinh - vận động bình thường ở trẻ em từng giai đoạn

Bài 2: PHCN trẻ bại não

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1. Nêu được định nghĩa, nguyên nhân và cách phòng ngừa bại não
- 2. Nêu được phân loại bại não
- 3. Trình bày được các vấn đề mà trẻ bại não và gia đình gặp phải
- 4. Nêu được dấu hiệu lâm sàng của trẻ bại não
- 5. Nêu được nguyên tắc phục hồi chức năng cho trẻ bại não
- 6. Trình bày được nội dung phục hồi chức năng cho trẻ bại não

Nội dung:

- 1. Định nghĩa, nguyên nhân và cách phòng ngừa bại não
- 2. Phân loại bại não
- 3. Các dấu hiệu lâm sàng bại não
- 4. Các vấn đề liên quan đến bại não
- 5. Phục hồi chức năng trẻ bại não
 - 5.1. Nguyên tắc
 - 5.2. Vận động trị liệu
 - 5.3. Hoạt động trị liệu
 - 5.4. Ngôn ngữ trị liệu
 - 5.5. Dụng cụ trợ giúp

Bài 3: PHCN trẻ tự kỷ

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày được định nghĩa và các nguyên nhân của rối loạn tự kỷ
- 2. Trình bày được các dấu hiệu giúp phát hiện sớm trẻ tự kỷ
- 3. Trình bày được các tiêu chuẩn chẩn đoán tự kỷ

4. Trình bày được các kỹ thuật can thiệp cho trẻ tự kỷ

Nội Dung

1. Đại cương
 - 1.1 Định nghĩa
 - 1.2 Nguyên nhân
 - 1.3 Phát hiện sớm
 - 1.4 Sàng lọc tự kỷ ở trẻ em 18 - 30 tháng
 - 1.5 Chẩn đoán xác định, chẩn đoán mức độ, chẩn đoán phân biệt
2. Can thiệp và phục hồi chức năng
 - 2.1 Nguyên tắc can thiệp
 - 2.2 Các kỹ thuật can thiệp sớm
 - 2.2.1. Can thiệp hành vi
 - 2.2.2. Trị liệu ngôn ngữ và giao tiếp
 - 2.2.3. Hoạt động trị liệu
 - 2.2.4. Phương pháp Chơi trị liệu
 - 2.2.5. Trị liệu tại nhà
 - 2.2.6. Các điều trị hỗ trợ khác

Bài 4: PHCN vẹo cột sống

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa và các phân loại vẹo cột sống
2. Trình bày được Phục hồi chức năng vẹo cột sống

Nội dung

1. Đại cương
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Phân loại vẹo cột sống
 - 1.3. Các dạng vẹo cột sống
2. Phục hồi chức năng vẹo cột sống
 - 2.1. Mục đích
 - 2.2. Phục hồi chức năng vẹo cột sống không phẫu thuật
 - 2.2.1.1. Các bài tập kéo dài thân mình, tăng tính mềm dẻo các tổ chức bị căng cứng
 - 2.2.1.2. Các bài tập làm mạnh khối cơ thân mình
 - 2.2.1.3. Bài tập làm mạnh cơ phía bên lồi của đường cong

2.1.4. Bài tập cải thiện chức năng hô hấp

2.1.5. Bó bột

2.1.6. Áo nẹp chỉnh hình

Bài 5: PHCN bàn chân khoèo

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày định nghĩa và biến dạng bàn chân khoèo bẩm sinh,
2. Trình bày các biện pháp can thiệp, PHCN bàn chân khoèo bẩm sinh

Nội dung:

1. Định nghĩa và các giả thuyết về nguyên nhân gây bàn chân khoèo bẩm sinh
2. Các biến dạng bàn chân của bệnh nhân bàn chân khoèo
3. Can thiệp - Phục hồi chức năng bàn chân khoèo bẩm sinh
 - 3.1. Nguyên tắc
 - 3.2. Các phương pháp điều trị bảo tồn
 - 3.3. Phẫu thuật điều trị bàn chân khoèo

Bài 6: PHCN xơ hóa cơ ức đòn chũm

Thời gian: 05 giờ (LT: 02 giờ - TH: 03 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được định nghĩa, biểu hiện và ảnh hưởng của xơ hóa cơ ức đòn chũm đến cuộc sống của trẻ
2. Trình bày được các phương pháp điều trị và phục hồi chức năng cho trẻ bị xơ hóa cơ ức đòn chũm

Nội dung:

1. Định nghĩa, biểu hiện và ảnh hưởng của xơ hóa cơ ức đòn chũm
2. Điều trị và phục hồi chức năng
 - 2.1. Điều trị phục hồi chức năng
 - 2.1.1. Nguyên tắc
 - 2.1.2. Mục tiêu
 - 2.1.3. Phương pháp
 - 2.2. Phẫu thuật

Bài 7: PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần

Thời gian: 05 giờ (LT: 01 giờ - TH: 04 giờ)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại, nhận biết trẻ em chậm phát triển tinh thần
2. Trình bày được triệu chứng của hội chứng Down, suy giáp trạng bẩm sinh
3. Trình bày được nội dung PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần

Nội dung:

1. Khái niệm chậm phát triển tinh thần và các mức độ chậm phát triển tinh thần
 2. Phát hiện trẻ chậm phát triển tinh thần
 3. Nguyên nhân gây chậm phát triển tinh thần
 4. Hội chứng Down và bệnh suy giáp bẩm sinh
 5. Phục hồi chức năng cho trẻ chậm phát triển tinh thần
- 5.1. Mục tiêu
 - 5.2. Nguyên tắc
 - 5.3. Các kỹ thuật can thiệp
 - 5.3.1. Vận động trị liệu
 - 5.3.2. Hoạt động trị liệu
 - 5.3.3. Ngôn ngữ trị liệu
 - 5.3.4. Học hành, hoạt động nội trợ và hướng nghiệp
 - 5.4. Tư vấn gia đình

Bài 8: PHCN một số dị tật bẩm sinh**Thời gian: 04 giờ (LT: 01 giờ - TH: 03 giờ)****Mục tiêu bài học:**

1. Nêu được và mô tả một số dị tật vận động bẩm sinh ở trẻ em
2. Trình bày nguyên tắc vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho các dị tật nêu trên

Nội dung:

1. Các dị tật vận động bẩm sinh ở trẻ em
2. Các vấn đề mà trẻ có dị tật vận động bẩm sinh gặp
3. Nguyên tắc phục hồi chức năng trẻ có dị tật vận động bẩm sinh

Bài 9: Hoạt động trị liệu Nhi khoa**Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ - TH: 04 giờ)****Mục tiêu bài học:**

1. Trình bày các khái niệm về tích hợp cảm giác theo Jaen Ayres
2. Trình bày các khái niệm tổ chức lại hệ thống thần kinh trung ương
3. Trình bày các đánh giá các chức năng tích hợp cảm giác
4. Các can thiệp về tích hợp cảm giác ở trẻ em

Nội dung :

- I. Tích hợp cảm giác là gì ?
 1. Tổng quan
 2. Các khái niệm dựa vào tích hợp cảm giác thần kinh
 3. Hỗ trợ cảm giác cho phát triển của não

4. Đáp ứng thích nghi
 5. Tính mềm dẻo thần kinh
 6. Tổ chức lại hệ thống thần kinh trung ương
- II. Phát triển tích hợp cảm giác và các hoạt động thời trẻ
 1. Thời kỳ trước tích hợp cảm giác
 2. Thời kỳ sau tích hợp cảm giác
 - III. Các vấn đề tích hợp cảm giác
 1. Các vấn đề điều biến cảm giác
 2. Mô hình sử dụng cảm giác của Dunn
 3. Hành vi tìm kiếm cảm giác
 4. Đáp ứng quá mức
 - IV. Các vấn đề phân biệt cảm giác và nhận cảm cảm giác
 - V. Các vấn đề vận động chủ ý (PRAXIS)
 - VI. Các vấn đề thứ phát liên quan đến khó khăn về tích hợp cảm giác
 - VII. Đánh giá chức năng tích hợp cảm giác
 - VIII. Các công cụ đánh giá được sử dụng bởi hoạt động trị liệu
 1. Phỏng vấn và bộ câu hỏi
 2. Quan sát chính thức và không chính thức đứa trẻ
 - IX. Can thiệp cho trẻ có vấn đề về tích hợp cảm giác
 1. Các phương thức chính
 2. Can thiệp Ayres hợp cảm giác cá nhân
 3. Can thiệp nhóm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:
 - Máy chiếu (Tivi màn hình lớn), máy tính, bảng, phấn (bút xóa)
2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
 - Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
 - Giáo trình cho sinh viên.
 - Bài giảng slide
 - Mô hình
 - Dụng cụ thực hành
3. Các điều kiện khác:
 - Phòng học (giảng đường, phòng tiền lâm sàng)

- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

- Đặc điểm tăng trưởng của trẻ và đặc điểm phát triển của trẻ từng giai đoạn
- Nguyên nhân triệu chứng, tiến triển và biến chứng của các bệnh lý gây rối loạn phát triển, rối loạn vận động của trẻ nhỏ
- Nguyên tắc và phương pháp phục hồi chức năng trẻ em có rối loạn phát triển và rối loạn vận động
- Nguyên tắc cơ bản hoạt động trị liệu nhi và vai trò chuyên viên hoạt động trị liệu

Kỹ năng:

- Nhận định được mức độ rối loạn chức năng vận động của trẻ
- Áp dụng được kiến thức học tập trong phục hồi chức năng vận động nhi khoa

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm thảo luận hoặc thực hiện kỹ thuật.

+ Số lượng: 04 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Thời gian: 60 – 90 phút

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật PHCN, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, đưa ra các tình huống và câu hỏi. Chia nhóm 05 SV/nhóm.

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Hiểu và thực hành được các nguyên tắc phục hồi chức năng cho trẻ em

- Các dị tật vận động thường gặp ở trẻ em và phương pháp phục hồi chức năng

- Lượng giá rối loạn vận động do dị tật bẩm sinh ở trẻ em và thành thạo các kỹ thuật tập luyện vận động cho trẻ

- Nắm được kiến thức cơ bản và vai trò của hoạt động trị liệu trong PHCN nhi khoa

- Nắm được kiến thức cơ bản và vai trò ngôn ngữ trị liệu trong phục hồi chức năng nhi

4. Tài liệu tham khảo:

1. Vật lý trị liệu phục hồi chức năng. NXB Y học (2002)

2. Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành phục hồi chức năng. Bộ y tế (2014)

TÊN MÔ ĐƠN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 2

Mã mô đơn: MĐ26

Thời gian thực hiện môn học: 273 giờ (Lý thuyết: 0, Thực tập Bệnh viện: 270 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đơn:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đơn chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý và Phục hồi chức năng các bệnh lý về xương cơ khớp, nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, nhi khoa, Quản lý khoa phòng và Thực tập bệnh viện 1.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc giữa người bệnh và kỹ thuật viên nhằm đem lại kết quả tốt nhất.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.
3. Thực hiện được việc thu thập thông tin - lượng giá chức năng trên người bệnh
4. Lượng giá người bệnh tổng thể theo khung ICF.
5. Tìm ra các vấn đề khó khăn của người bệnh.
6. Thiết lập mục tiêu điều trị cho người bệnh. Sử dụng các kết quả lượng giá để đưa ra mục tiêu điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh.
7. Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra chương trình can thiệp vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cho người bệnh.
8. Thực hiện được một số kỹ thuật Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
9. Biết cách ghi chép và viết báo cáo liên quan tới quá trình điều trị vật lý trị liệu của người bệnh.
10. Hoàn thành và nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

1. Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các phương pháp đó.
2. Vận dụng kiến thức về mục đích, chỉ định, chống chỉ định, các lưu ý để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

1. Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
2. Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.
2. Thực hiện được những kỹ năng giao tiếp cơ bản với người bệnh và đồng nghiệp. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Thực hiện một số kỹ thuật lượng giá chức năng.	25	0	0	25	3
	Thử cơ bằng tay, Đo tầm vận động khớp, Đo chiều dài, chu vi chi	2	0	0	2	
	Lượng giá chức năng vận động	2	0	0	2	
	Lượng giá cảm giác	2	0	0	2	
	Lượng giá thăng bằng, điều hợp	2	0	0	2	
	Lượng giá các phản xạ tư thế, Lượng giá sự phát triển vận động	2	0	0	2	
	Lượng giá tri giác- nhận thức	2	0	0	2	
	Lượng giá các hoạt động sinh hoạt hàng ngày	2	0	0	2	

	Phân tích dáng đi	4	0	0	4
	Lượng giá mỏm cụt và chân tay giả,	3			3
	Lượng giá các dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp		0	0	
	Lượng giá xe lăn.	4	0	0	4
2	Bài 2: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật vận động trị liệu	30	0	0	30
	Các phương pháp tập theo tâm vận động khớp, Các phương pháp tập luyện gia tăng sức mạnh cơ, Các phương pháp tập kéo giãn	8	0	0	8
	Các phương pháp tập chuỗi đóng, chuỗi mở, Các phương pháp tập luyện thăng bằng, điều hợp	6	0	0	6
	Các phương pháp tập luyện kỹ năng di chuyển, dịch chuyển	6	0	0	6
	Các phương pháp tập luyện với xe lăn, Các phương pháp tập luyện với dụng cụ trợ giúp	6	0	0	6
	Các phương pháp tập luyện nhằm cải thiện chức năng về tuần hoàn	4	0	0	4
	Bài 3: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý	80	0	0	80
3	Điều trị bằng hồng ngoại	8	0	0	8
	Điều trị bằng Paraphin	8	0	0	8
	Điều trị bằng dòng điện xung	8	0	0	8
	Điều trị bằng siêu âm	8	0	0	8
	Điều trị bằng kéo giãn cột sống (bằng máy)	8	0	0	8
	Điều trị bằng sóng ngắn	8	0	0	8
	Điều trị bằng tia laser	8	0	0	8
	Điều trị bằng điện từ trường	8	0	0	8

	Điều trị bằng sóng xung kích	8	0	0	8
	Điều trị bằng vi dòng	8	0	0	8
	Bài 4: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật hoạt động trị liệu	30	0	0	30
4	Tập các vận động thô của bàn tay, Tập các vận động khéo léo của bàn tay	2	0	0	2
	Tập phối hợp hai tay, Tập phối hợp mắt tay, Tập phối hợp tay miệng	2	0	0	2
	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	2	0	0	2
	Tập điều hòa cảm giác, Tập tri giác và nhận thức	2	0	0	2
	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi.	2	0	0	2
	Hoạt động trị liệu nhi khoa	20	0	0	20
	Bài 5: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp	15	0	0	15
5	Dẫn lưu tư thế	3	0	0	3
	Kỹ thuật vỗ	3	0	0	3
	Kỹ thuật rung	3	0	0	3
	Kỹ thuật ho có hiệu quả	3	0	0	3
	Các kỹ thuật tập thở.	3	0	0	3
	Bài 6: Lượng giá, xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh	90	0	0	90
6	Đột quỵ não	8	0	0	8
	Tổn thương tủy sống	8	0	0	8
	Chấn thương sọ não	7	0	0	7
	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ, lưng	8	0	0	8
	Đau thần kinh tọa	7	0	0	7
	Trẻ bại não	7	0	0	7

	Gãy xương	7	0	0	7	
	Trẻ bị bàn chân khoèo	7	0	0	7	
	Trẻ chậm phát triển tinh thần	7	0	0	7	
	Trẻ bị xơ hóa cơ ức đòn chũm	8	0	0	8	
	Trẻ bị cong vẹo cột sống	8	0	0	8	
	Viêm phổi	8	0	0	8	
7	Kiểm tra	3	0	0	0	
Tổng cộng		273	0	0	270	3
Quy ra tín chỉ		6				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thực hiện một số kỹ thuật lượng giá chức năng. Thời gian: 25 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch lượng giá cho từng lĩnh vực
2. Thực hiện được một số kỹ thuật lượng giá chức năng.
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật lượng giá chức năng bao gồm:

1. Đo tầm vận động khớp
2. Thử cơ bằng tay
3. Đo chiều dài, chu vi chi
4. Lượng giá chức năng vận động
5. Lượng giá cảm giác
6. Lượng giá thăng bằng, điều hợp
7. Lượng giá các phản xạ tư thế
8. Lượng giá sự phát triển vận động
9. Lượng giá tri giác- nhận thức
10. Lượng giá các hoạt động sinh hoạt hàng ngày
11. Phân tích dáng đi
12. Lượng giá mỏm cụt và chân tay giả
13. Lượng giá các dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp
14. Lượng giá xe lăn.

Bài 2: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật vận động trị liệu**Thời gian: 30 giờ****Mục tiêu :**

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng quy trình
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật về vận động trị liệu
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật vận động trị liệu bao gồm

1. Các phương pháp tập theo tâm vận động khớp
2. Các phương pháp tập luyện gia tăng sức mạnh cơ
3. Các phương pháp tập kéo giãn
4. Các phương pháp tập chuỗi đóng, chuỗi mở
5. Các phương pháp tập luyện thăng bằng, điều hợp
6. Các phương pháp tập luyện kỹ năng di chuyển, dịch chuyển
7. Các phương pháp tập luyện với xe lăn.
8. Các phương pháp tập luyện với dụng cụ trợ giúp
9. Các phương pháp tập luyện nhằm cải thiện chức năng về tuần hoàn

Bài 3: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý**Thời gian: 80 giờ****Mục tiêu :**

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng phương pháp
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý bao gồm

1. Sóng ngắn trị liệu
2. Siêu âm trị liệu
3. Kéo giãn cột sống bằng máy
4. Điện trị liệu

5. Laser
6. Paraphin
7. Hồng ngoại
8. Sóng xung kích
9. Điện từ trường

Bài 4: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật hoạt động trị liệu Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng kỹ thuật
2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật về hoạt động trị liệu
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật hoạt động trị liệu bao gồm

1. Tập các vận động thô của bàn tay
2. Tập các vận động khéo léo của bàn tay
3. Tập phối hợp hai tay
4. Tập phối hợp mắt tay
5. Tập phối hợp tay miệng
6. Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
7. Tập điều hòa cảm giác
8. Tập tri giác và nhận thức
9. Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi.
10. Hoạt động trị liệu nhi khoa

Bài 5: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng kỹ thuật
2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật về phục hồi chức năng hô hấp
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành

4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung: Danh mục kỹ thuật về phục hồi chức năng hô hấp bao gồm

1. Dẫn lưu tư thế
2. Kỹ thuật vỗ
3. Kỹ thuật rung
4. Kỹ thuật ho có hiệu quả
5. Các kỹ thuật tập thở.

Bài 6: Lượng giá, xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Lập được kế hoạch lượng giá cho từng bệnh
2. Xây dựng được mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho từng bệnh
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung: Danh mục bệnh cần lượng giá, đưa ra mục tiêu bao gồm

1. Đột quy não
2. Tổn thương tủy sống
3. Chấn thương sọ não
4. Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ
5. Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng,
6. Đau thần kinh tọa
7. Bại não
8. Trẻ tự kỷ
9. Bàn chân khoèo
10. Trẻ chậm phát triển tinh thần
11. Trẻ cong vẹo cột sống
12. Trẻ xơ hóa cơ ức đòn chũm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Các trang thiết bị có ở Khoa vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun

- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Phòng bệnh tại Khoa

- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về các phương pháp lượng giá chức năng, đưa ra mục tiêu điều trị

-Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các phương pháp lượng giá chức năng cơ bản và cách thức đưa ra mục tiêu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,4;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức thảo luận, báo cáo người bệnh hoặc lập kế hoạch PHCN cho người bệnh.

+ Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Chấm bài cáo cáo cuối đợt thực tập

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn, cầm tay chỉ việc
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên

3. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
- Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
- Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

TÊN MÔ ĐƠN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 3

Mã mô đơn: MĐ27

Thời gian thực hiện môn học: 273 giờ (Lý thuyết: 0. Thực tập: 270 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đơn chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Phục hồi chức năng các bệnh lý về xương cơ khớp, nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, nhi khoa, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Quản lý khoa phòng, Thực tập bệnh viện 1 và Thực tập bệnh viện 2
- Tính chất: là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc giữa người bệnh và kỹ thuật viên nhằm đem lại kết quả tốt nhất.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.
3. Thực hiện các lượng giá, tìm vấn đề khó khăn của người bệnh để đưa ra mục tiêu phù hợp với tình trạng người bệnh
4. Thực hiện được các phương pháp can thiệp điều trị trên người bệnh theo mục tiêu phục hồi chức năng nhằm cải thiện tình trạng khó khăn của người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên
5. Tiến hành theo dõi và đánh giá lại kết quả điều trị dưới sự giám sát của giảng viên
6. Thực hiện việc ghi chép, hoàn thiện hồ sơ bệnh án và báo cáo

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

1. Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, đặt mục tiêu, các nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các can thiệp phục hồi chức năng.
2. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá và can thiệp trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

1. Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
2. Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.
3. Đưa ra các phương pháp can thiệp điều trị phù hợp với tình trạng người bệnh, đánh giá lại kết quả điều trị
4. Nộp báo cáo định kỳ hoặc hoàn thiện hồ sơ bệnh án theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Tiếp xúc giao tiếp, lượng giá và điều trị người bệnh dưới sự giám sát và phân công của giảng viên. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTBV	Kiểm tra
1	Bài 1: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh	100	0	0	100	3
	Đột quy não	24	0	0	24	
	Chấn thương sọ não	24	0	0	24	
	Tổn thương tủy sống	24	0	0	24	
	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	8	0	0	8	
	Parkinson	4	0	0	4	
	Sa sút trí tuệ	4	0	0	4	
	Tổn thương dây thần kinh ngoại biên	4	0	0	4	
	Xơ cứng rải rác	4	0	0	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTBV	Kiểm tra
	Xơ cột bên teo cơ	4	0	0	4	
2	Bài 2: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp	40	0	0	40	
	Viêm quanh khớp vai	8	0	0	8	
	Thoái hóa cột sống	8	0	0	8	
	Thoái hóa khớp	8	0	0	8	
	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	8	0	0	8	
	Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	8	0	0	8	
3	Bài 3: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nội khoa	25	0	0	25	
	Viêm phổi	7	0	0	7	
	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	5	0	0	5	
	Sau nhồi máu cơ tim	5	0	0	5	
	Người bệnh thở máy	8	0	0	8	
4	Bài 4: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa	25	0	0	25	
	Gãy xương	4	0	0	4	
	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	5	0	0	5	
	Thay khớp gối	4	0	0	4	
	Thay khớp háng	4	0	0	4	
	Sau phẫu thuật lồng ngực	4	0	0	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTBV	Kiểm tra
	Sau phẫu thuật ổ bụng	4	0	0	4	
5	Bài 5: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nhi khoa	8	0	0	8	
	Bại não	4	0	0	4	
	Trẻ tự kỷ	4	0	0	4	
6	Bài 6: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp hoạt động trị liệu cho một số bệnh lý	72	0	0	72	
	Đột quy não	24	0	0	24	
	Tổn thương tủy sống	24	0	0	24	
	Chấn thương sọ não	24	0	0	24	
7	Kiểm tra	3	0	0	0	
	Tổng cộng	273	0	0	270	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh:

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Đột quy não	20
2	Chấn thương sọ não	5
3	Tổn thương tủy sống	15
4	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	5
5	Parkinson	2
6	Sa sút trí tuệ	2
7	Tổn thương dây thần kinh ngoại biên	2
8	Xơ cứng rải rác	2
9	Xơ cột bên teo cơ	2

Bài 2: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Viêm quanh khớp vai	3
2	Thoái hóa cột sống	3
3	Thoái hóa khớp	3
4	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	5
5	Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	5

Bài 3: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nội khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Viêm phổi	5
2	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	5
3	Sau nhồi máu cơ tim	2
4	Người bệnh thở máy	5

Bài 4: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và phương pháp điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Gãy xương	2
2	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	2
3	Thay khớp gối	2
4	Thay khớp háng	2
5	Sau phẫu thuật lồng ngực	2
6	Sau phẫu thuật ổ bụng	2

Bài 5: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nhi khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Bại não	2
2	Trẻ tự kỷ	2

Bài 6: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp hoạt động trị liệu cho một số bệnh lý

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Đột quy não	10
2	Tổn thương tủy sống	5
3	Chấn thương sọ não	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Các trang thiết bị có ở Khoa vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Phòng bệnh tại Khoa
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, đặt mục tiêu, các nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các can thiệp phục hồi chức năng.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá và can thiệp trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
- Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.
- Đưa ra các phương pháp can thiệp điều trị phù hợp với tình trạng người bệnh, đánh giá lại kết quả điều trị
- Nộp báo cáo định kỳ hoặc hoàn thiện hồ sơ bệnh án theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tiếp xúc giao tiếp, lượng giá và điều trị người bệnh dưới sự giám sát và phân công của giảng viên.
- Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

2. Phương pháp đánh giá

- a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
 - Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức chấm sổ chỉ tiêu tay nghề, báo cáo ca bệnh hoặc lập kế hoạch PHCN cho người bệnh
 - + Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ
 - Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun
 - + Hình thức: Chấm bài báo cáo hoặc báo cáo ca bệnh, hoặc thực hiện kỹ thuật PHCN (bốc thăm)
 - Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô-đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ cuối.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn trên lâm sàng, cầm tay chỉ việc
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.

2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
3. Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

TÊN MÔ ĐƠN: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã mô đơn: MD28

Thời gian thực hiện môn học: 229 giờ (Lý thuyết: 0, Thực tập Bệnh viện: 225 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đơn:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học xong tất cả các môn học/mô đơn chuyên môn, bao gồm cả phần thực tập bệnh viện 1, 2 và 3
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

1. Trình bày và phân tích kết quả lượng giá, các nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
2. Giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá và can thiệp phục hồi chức năng trong các tình huống cụ thể.

Về kỹ năng:

1. Sử dụng kết quả lượng giá đưa ra những chỉ định phù hợp với người bệnh.
2. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật can thiệp phục hồi chức năng trên người bệnh với sự giám sát của các giảng viên
3. Sử dụng thành thạo các máy móc, trang thiết bị vật lý trị liệu thường dùng tại cơ sở thực tế

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn.
2. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.
3. Thực hiện được những kỹ năng giao tiếp cơ bản với người bệnh và đồng nghiệp.
4. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
5. Ứng dụng chương trình giáo dục sức khỏe để phòng ngừa bệnh, biến chứng và tăng cường sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TL, BT	TTBV	Kiểm tra
1	Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh	66	0	0	66	4
	Đột quy não	15	0	0	15	
	Chấn thương sọ não	15	0	0	15	
	Tổn thương tủy sống	15	0	0	15	
	Bệnh Parkinson	5	0	0	5	
	Một số bệnh thoái hóa thần kinh (Xơ cứng rải rác, xơ cột bên teo cơ, viêm tủy thị thần kinh...)	4	0	0	4	
	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	4	0	0	4	
	Tổn thương đám rối hoặc dây thần kinh ngoại biên	4	0	0	4	
	Sa sút trí tuệ	4	0	0	4	
2	Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp và cột sống	36	0	0	36	
	Thoái hóa khớp	6	0	0	6	
	Thoái hóa cột sống	6	0	0	6	
	Đau thần kinh tọa do thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	6	0	0	6	
	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	6	0	0	6	
	Đau thắt lưng cấp	6	0	0	6	
	Viêm quanh khớp vai	6	0	0	6	
	Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý	25	0	0	25	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TL, BT	TTBV	Kiểm tra
3	nội khoa					
	Viêm phổi	6	0	0	6	
	Người bệnh thở máy	7	0	0	7	
	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	6	0	0	6	
	Sau nhồi máu cơ tim	6	0	0	6	
4	Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa	42	0	0	42	
	Gãy xương	7	0	0	7	
	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	7	0	0	7	
	Thay khớp gối	7	0	0	7	
	Thay khớp háng	7	0	0	7	
	Sau phẫu thuật lồng ngực	7	0	0	7	
	Sau phẫu thuật ổ bụng	7	0	0	7	
5	Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các chương trình PHCN dựa vào cộng đồng	56	0	0	56	
	PHCN Người có khó khăn về vận động	20	0	0	20	
	PHCN Người có khó khăn về nói	12	0	0	12	
	PHCN Người có hành vi xa lạ	12	0	0	12	
	PHCN Người bị mất cảm giác	12	0	0	12	
6	Kiểm tra	4	0	0	0	
Tổng cộng		229	0	0	225	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh

Thời gian: 66 giờ

STT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Đột quy não	10
2	Chấn thương sọ não	10
3	Tổn thương tủy sống	10
4	Bệnh Parkinson	2
5	Một số bệnh thoái hóa thần kinh (Xơ cứng rải rác, xơ cột bên teo cơ, viêm tủy thị thần kinh...)	2
6	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	2
7	Tổn thương đám rối hoặc dây thần kinh ngoại biên	2
8	Sa sút trí tuệ	2

Bài 2: Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp và cột sống

Thời gian: 36 giờ

STT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Thoái hóa khớp	4
2	Thoái hóa cột sống	4
3	Đau thần kinh tọa do thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	6
4	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	6
5	Đau thắt lưng cấp	4
6	Viêm quanh khớp vai	4

Bài 3: Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nội khoa

Thời gian: 25 giờ

STT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Viêm phổi	4
2	Người bệnh thở máy	4
3	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	2
4	Sau nhồi máu cơ tim	2

Bài 4: Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa

Thời gian: 42 giờ

STT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Gãy xương	2
2	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	2
3	Thay khớp gối	2
4	Thay khớp háng	2
5	Sau phẫu thuật lồng ngực	2
6	Sau phẫu thuật ổ bụng	2

Bài 5: Lượng giá, đặt mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện các chương trình PHCN dựa vào cộng đồng

Thời gian: 56 giờ

STT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	PHCN Người có khó khăn về vận động	5
2	PHCN Người có khó khăn về nói	5
3	PHCN Người có hành vi xa lạ	3
4	PHCN Người bị mất cảm giác	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Các trang thiết bị, dụng cụ có sẵn tại Khoa Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun

- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Phòng bệnh

- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc giữa người bệnh, gia đình người bệnh, nhân viên y tế và kỹ thuật viên

- Thể hiện được khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm.
- Thực hiện được việc thu thập thông tin - lượng giá chức năng người bệnh tổng thể theo khung ICF.
- Thiết lập mục tiêu điều trị cho người bệnh.
- Lập kế hoạch và thực hiện chương trình can thiệp vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cho người bệnh cụ thể
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Vật lý trị liệu / Phục hồi chức năng dưới sự giám sát của giảng viên.
- Ghi chép và viết báo cáo liên quan tới quá trình điều trị của người bệnh.
- Thực hiện giáo dục sức khỏe, tư vấn hợp lý cho người bệnh và gia đình người bệnh

2. Phương pháp đánh giá

- a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;
- b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên
 - Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức chấm số chỉ tiêu tay nghề, báo cáo người bệnh hoặc lập kế hoạch PHCN cho người bệnh.
 - + Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ
 - Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun
 - + Hình thức: Lập kế hoạch PHCN cho người bệnh hoặc thực hiện 01 kỹ thuật PHCN trên người bệnh hoặc thi chạy trạm
 - Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô-đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ cuối

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên: Chuẩn bị bệnh nhân, giám sát, thảo luận.
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng, Trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
- Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
- Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng – Trường Đại học Y Tokyo

HIỆU TRƯỞNG

TẠ THỊ NHẤT SƯƠNG

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	iii
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ.....	1
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	13
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: PHÁP LUẬT.....	19
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG- AN NINH.....	31
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: TIN HỌC.....	45
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: TIẾNG ANH.....	58
TÊN MÔN HỌC, MÔ ĐUN: QUẢN LÝ - TỔ CHỨC Y TẾ.....	76
TÊN MÔ ĐUN: HÓA SINH.....	88
TÊN MÔ ĐUN: GIẢI PHẪU SINH LÝ.....	99
TÊN MÔ ĐUN: VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG.....	112
TÊN MÔ ĐUN: DƯỢC LÝ – SINH LÝ BỆNH MIỄN DỊCH.....	122
TÊN MÔ ĐUN: DINH DƯỠNG - VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM, DỊCH TỄ SỨC KHOẺ - VỆ SINH MÔI TRƯỜNG.....	141
TÊN MÔ ĐUN: BỆNH HỌC NỘI VÀ NHI.....	155
TÊN MÔ ĐUN: BỆNH HỌC NGOẠI VÀ SẢN.....	168
TÊN MÔ ĐUN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU.....	188
TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU.....	205
TÊN MÔN HỌC: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	210
TÊN MÔ ĐUN: GIẢI PHẪU CHỨC NĂNG HỆ THẦN KINH VÀ HỆ VẬN ĐỘNG.....	215
TÊN MÔ ĐUN: SINH CƠ HỌC.....	227
TÊN MÔ ĐUN: LƯỢNG GIÁ CHỨC NĂNG.....	233
TÊN MÔ ĐUN: VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU.....	242
TÊN MÔ ĐUN: NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU.....	257
TÊN MÔ ĐUN: HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU.....	263
TÊN MÔ ĐUN: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ BẰNG TÁC NHÂN VẬT LÝ.....	273
TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 1.....	280

TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ CƠ XƯƠNG KHỚP VÀ CỘT SỐNG.....	288
TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ HỆ THẦN KINH	300
TÊN MÔ ĐUN: PHCN CÁC BỆNH LÝ NỘI KHOA	309
TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	325
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG.....	325
TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ NGOẠI KHOA..	337
TÊN MÔ ĐUN: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CÁC BỆNH LÝ NHI KHOA	351
TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 2.....	360
TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 3.....	370
TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP.....	378